

TỰ DO NGÔN LUẬN

Chủ nhiệm
Lm CHÂN TÍN
Ban biên tập
Lm NGUYỄN VĂN ĐÀI
Lm PHAN VĂN LỢI
Lm NGUYỄN VĂN LÝ
Gr NGUYỄN KHẮC TOÀN

Tiếng nói của Người Dân Việt Nam đòi Quyền Tự Do Thông Tin Ngôn Luận

Sau 30 năm tội ác xâm lược, lòng yêu nước đâu rồi ???

Sáng sớm ngày 17-02-1979, tiếng súng đã vang trên bầu trời Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Móng Cái... 80 ngàn quân Trung Quốc tràn qua biên giới, bắt đầu "dạy cho Việt Nam một bài học" như lời lãnh tụ Trung Cộng Đặng Tiểu Bình. Một trong những bài học đắt giá nhất lịch sử cho cả đôi bên. 16 ngày sau đó (05-03-1979), dưới áp lực của cộng đồng quốc tế, Bắc Kinh tuyên bố rút quân!

Cuộc chiến ngắn ngủi đã gây thiệt hại khôn lường cho cả 2 nước. Các nhà quan sát nhận định rằng Trung Hoa thất bại về mặt chính trị và chiến thuật cũng như tổn hại nặng về binh lính (26 ngàn chết, 37 ngàn bị thương và 265 bị bắt làm tù binh), còn Việt Nam bị thiệt hại lớn về sinh mạng, đặc biệt của dân thường (gần 2000 bộ đội và hơn 28 ngàn thường dân chết, 32 ngàn bị thương, 1.638 bị bắt làm tù binh), về kinh tế (quân Trung Cộng đã phá tan nhà cửa tại Lào Cai, Đồng Đăng, Lạng Sơn, nhất là đã san bằng địa thị xã Cao Bằng trước khi rút) và đặc biệt về lãnh thổ mà Hiệp ước biên giới Việt Trung ngày 30-12-1999 và lễ cắm mốc cuối năm rồi sẽ phơi bày bộc lộ. Về mặt nhân đạo, thể nhân nhất là ở Bát Xát, Lào Cai, hàng trăm phụ nữ trẻ em bị hãm hiếp, bị giết chết một cách dã man ngay trong ngày đầu tiên quân Trung Cộng tiến sang; còn tại thôn Tổng Chúp, xã Hưng Đạo, huyện Hòa An, Cao Bằng, trong ngày 9-3, trước khi rút lui, quân Trung Cộng đã giết 43 người, gồm 21 phụ nữ và 20 trẻ nhỏ, trong đó có 7 bà đang mang thai. Tất cả đều bị kết liễu sinh mạng bằng dao như Pol Pốt: đa phần bị ném xuống giếng, số còn lại xác bị chặt ra nhiều khúc, vứt hai bên bờ suối. (Sau đó đồng bào dựng bia kỷ niệm). Rồi tuy rút về phía biên giới, Trung Quốc vẫn tiếp tục pháo kích vào làng xóm Việt Nam cũng như tiếp tục chiếm đóng những cao điểm chiến lược trong vùng biên giới, dẫn đến nhiều cuộc xung đột đẫm máu (mà cả quân lẫn dân đều vong mạng) kéo dài tới năm 1988, đôi bên mới chuyển sang đàm phán về ngoại giao.

Sau cuộc chiến 16 ngày nói trên, cả hai phía Hoa và Việt đều tuyên bố chiến thắng, nhưng không ai cho thấy rõ chiến thắng như thế nào. Phía Trung Quốc đã không áp lực được Việt Nam rút ra khỏi Campuchia, cũng chẳng giải quyết được vấn đề Hoa Kiều bị đàn áp như Đặng Tiểu Bình rêu rao vào cùng thời điểm. Ngược lại phía Việt Nam tuy huy động toàn bộ lực lượng quân sự để phản công nhưng đã không giành lại được các khu vực chiến lược (như núi Lão Sơn) mà Trung Quốc đã chiếm đóng để rồi phải bị mất hẳn chúng trong những cuộc đàm phán ngoại giao sau này.

Nhưng điều đáng nói ở đây là lối tưởng niệm những binh sĩ và thường dân đã bỏ mình trong cuộc chiến đẫm máu đó. Như tại nghĩa trang xã Hoàng Đồng, Lạng Sơn, nơi từ lâu chôn hàng ngàn bộ đội Việt Nam, những tấm bia trong nhà tưởng niệm có dòng thì ghi "hy sinh chống Pháp", có dòng thì ghi "hy sinh chống Mỹ", nhưng rất nhiều dòng lại chỉ ghi "hy sinh bảo vệ Tổ quốc". Đây là những binh sĩ đã tử trận từ năm 1979 đến năm 1988, suốt cuộc chiến 10 năm với Trung Cộng. Còn ở Tổng Chúp, tấm bia tưởng niệm bên cạnh cái giếng mà hôm 9-3-1979, quân Trung Quốc đã giết 43 phụ nữ và trẻ thơ Việt Nam bằng búa, bằng dao rồi vứt xuống đó, thì cái giếng ấy bây giờ nằm sâu trong vườn riềng của một gia đình, chẳng có lối đi vào, còn tấm bia ghi lại sự kiện thể nhân nhất nay đã chìm trong gai tre và lau lách !?

Ngày 17-02-2009 vừa qua là thời điểm tròn 30 năm Trung Quốc tấn công Việt Nam. Tuy đã có hàng chục ngàn người ngã xuống trong cuộc chiến chống ngoại xâm, bảo vệ lãnh thổ đó, song nhà cầm quyền CSVN đã không có bất kỳ hành động nào tưởng nhớ họ. Thậm chí, ngày 10 tháng 2, tại cuộc họp định kỳ với tổng biên tập các cơ quan truyền thông, đại diện Ban Văn hóa Tư tưởng thuộc Trung ương đảng CSVN đã ra lệnh cấm báo đài đề cập đến cuộc chiến tranh xâm lược mà Trung Cộng đã thực hiện. Sài Gòn Tiếp Thị, tờ báo duy nhất có bài viết về sự kiện kể trên (Biên giới tháng Hai của Huy Đức), đã bị "phê bình nghiêm khắc" và đành phải nhanh chóng lột bài này khỏi trang mạng của họ. Trên một blog có tên Osin, tác giả "Biên giới tháng Hai" cũng tường thuật thêm về không khí ở khu vực biên giới thuộc lãnh thổ Việt Nam vào thời điểm kỷ niệm 30 năm cuộc xâm lược: "Chỉ có vài bó hoa và những nén hương của lữ khách, còn thì các nghĩa trang biên giới quanh hiu suốt ngày 17 tháng 2. Tôi đã đợi đến chiều, trao đổi với các đồng nghiệp và điện thoại cho một vài quan chức địa phương, vẫn không có một cuộc viếng thăm, không một vòng hoa và chẳng có khói nhang nào. Tôi không có các tài liệu chính thức để biết Trung Quốc và Việt Nam đã thỏa thuận với nhau những gì về cách ứng xử đối với cuộc chiến năm 1979, nhưng tôi không nghĩ rằng tưởng nhớ những người đã khuất lại có thể phương hại đến bang giao giữa hai nước hôm nay". Thật ra thì phía Trung Quốc vẫn có tưởng niệm, dù không quá ồn ào. Hàng loạt bức ảnh tung lên mạng trong những tuần này cho thấy nhiều đoàn người Hoa đã đến các nghĩa trang liệt sĩ của họ ở vùng biên giới để dâng hương tưởng niệm.

Thái độ ấy của nhà cầm quyền CSVN đã tạo ra sự phẫn uất ngày càng sâu rộng trong dân chúng. Nhiều người gọi việc "khép lại quá khứ" theo hướng phủ nhận sạch trơn, kể cả chuyện thăm sát hàng chục ngàn thường dân Việt Nam ấy là "đốn mặt, hèn hạ", kẻ khác lại cho động thái này là "vong bản, phản bội"! Vì lý do gì đảng CS cho cả một giai đoạn lịch sử của dân tộc vào sọt rác như thế? Vì lý do gì toàn dân phải im lặng trước một sự kiện lịch sử lớn lao như thế? Không lẽ vong linh của cả trăm ngàn binh lính và dân thường Việt Nam chẳng đáng được thắp một nén nhang?

Phải chăng đảng lo ngại vì mối quan hệ Việt-Trung đang thời kì mặn nồng? Không hẳn vậy! Bao nước trên thế giới vẫn nhắc lại lịch sử dù bang giao đang tốt đẹp cỡ nào đi nữa. Đức, Nga, Ba Lan, Pháp, Mỹ... vẫn kỷ niệm chiến thắng Phát xít Đức. Nhật - Mỹ vẫn "ôn cố" về những xung đột cũ mà có ai phật lòng đâu! Tại vùng Normandie nước Pháp vẫn tồn tại những nghĩa trang của quân Đồng minh lẫn của quân Đức quốc xã tử trận đệ nhị thế chiến mà cả hai luôn đầy hoa tưởng →

**GIẢI NHẬN
QUYỀN VN
2008**



TRONG SỐ NÀY

- Trg 01 ► *Sau 30 năm tội ác xâm lược, lòng yêu nước đâu rồi???*
- Trg 03 ► *Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị -Liên Hiệp Quốc*
- Trg 06 ► *Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa -Liên Hiệp Quốc*
- Trg 09 ► *Cảnh giác nhà cầm quyền Hà Nội về việc phân định... -UB Luật gia bảo vệ DQ*
- Trg 11 ► *Đạo từ của HT Quảng Độ tại Lễ cầu nguyện ở chùa... -Phòng TT Phật Giáo QT*
- Trg 13 ► *Phái đoàn Tòa thánh Vatican đến Việt Nam -VietCatholic News*
- Trg 14 ► *Nhìn lại cuộc chiến 1978 và mối quan hệ Việt-Trung -Trung Điền*
- Trg 16 ► *30 năm tội ác xâm lược: Đâu rồi lòng yêu nước? -Nguyễn Hữu Vinh*
- Trg 17 ► *Rốt mặt nạ tôi đòi phương Bắc -Đa Nguyễn*
- Trg 18 ► *Chúng nó đã biến hình -Cột mốc oan hồn (thơ) -Đào V. Bình+Ngô M.Hàng*
- Trg 19 ► *VN im re trước sự kiện 30 năm chiến tranh biên giới... -Ngọc Khánh*
- Trg 20 ► *Bauxite, thế trận xôi đậu -Đỗ Thái Nhiên*
- Trg 22 ► *10 lý do đề nghị tạm dừng dự án Bô-xít Tây Nguyên -Nguyễn Đông Hải...*
- Trg 28 ► *Chúng ta đã học được gì trong cuộc cách mạng giải phóng con người ở Đông Âu -Lai Thế Hùng*
- Trg 30 ► *Cộng sản quyết tâm triệt hạ Luật sư Lê Trần Luật -An Dân+Tạ Phong Tần*

**NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ
ĐÃ BỎ MÌNH VÌ TỔ
QUỐC TRONG CUỘC
CHIẾN TRANH XÂM
LĂNG BIÊN GIỚI
VIỆT-TRUNG 1979**

...niệm. Ngay cả khi Việt Nam và Hoa Kỳ quan hệ tốt đẹp rồi, CSVN vẫn kỷ niệm rầm rộ chiến thắng 30-4-75, vẫn chiếu lại các phim tư liệu lịch sử, vẫn tổ chức các triển lãm ảnh... kia mà! Việc Việt Nam tự hào vì "đánh bại thực dân Pháp, đế quốc Mỹ" đâu có ảnh hưởng gì tới quan hệ bang giao với các nước đó đâu!

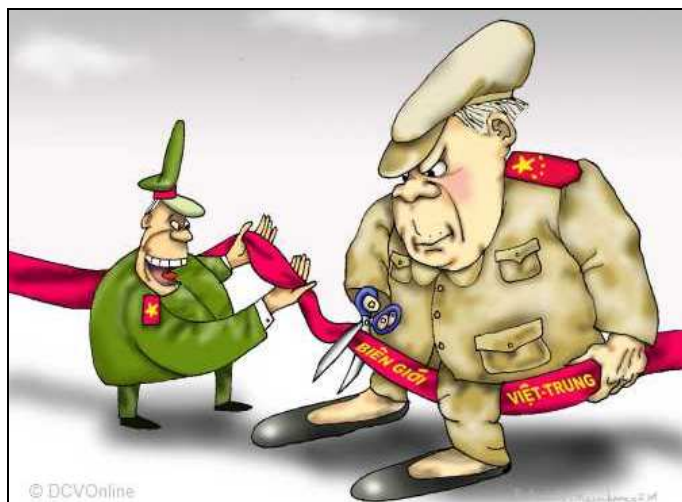
Vậy tại sao kỳ này đáng lại im re? Chỉ có một lý do: đảng không muốn khơi dậy lòng căm thù, không muốn đánh thức lòng yêu nước chống Trung Quốc vốn chảy trong máu dân tộc Việt qua suốt 4000 năm lịch sử với 1000 năm Bắc thuộc. Ngọn lửa này chỉ chực bùng cháy nhất là từ khi có những tranh chấp mấy thập niên gần đây về biên giới và hải đảo với Trung Cộng mà đang khi đó Việt Cộng luôn tỏ ra khiếp nhược. Trước kia, việc Trung Cộng chiếm giữ ải Nam Quan, thác Bản Giốc, quần đảo Hoàng Sa và phần lớn quần đảo Trường Sa còn là chuyện bí mật (của riêng đảng), thì mấy năm nay đã là đề tài mọi nơi từ công sở tới vỉa hè trong nước, chưa kể luôn sôi động ở hải ngoại và trên mạng. Nhân dân đã và đang xi xào hoặc công khai bàn tán về những chuyện đó từ già tới trẻ, từ trí thức tới nông dân, từ các đảng viên tới các nhà đối kháng dân chủ.

Đang khi căm đoán toàn dân Việt tưởng niệm như thế, thì ngược lại nhà xuất bản Văn Học của đảng CSVN năm rồi lại cho phiên dịch và ấn hành cuốn sách Ma Chiến Hữu của Mạc Ngôn, tác giả người Trung Quốc, trong đó đề cập đến một binh sĩ Trung Cộng đã hy sinh trong chiến tranh phía Nam Trung Hoa tháng hai năm 1979. Nhà xuất bản còn giới thiệu tác phẩm như là "Một cách ca tụng riêng về chủ nghĩa anh hùng" (một lời giới thiệu thực ra rất ngu xuẩn, không đúng hẳn với nội dung cuốn sách). Chưa hết, báo Hà Nội Mới online (vẫn là tên bồi bút khốn nạn thuộc thành ủy Thủ đô!) ngay từ 19-09-2008 đã đưa lên mạng và còn giữ tới hôm 17-02-2009 một bài phỏng dịch mang tên "Thu thực tướng tài" ca ngợi Hứa Thế Hữu là viên tướng từng chỉ huy trận "Tự vệ Tây Sa" tức trận chiếm Hoàng Sa năm 1974 rồi chỉ huy đội quân Trung Cộng đánh chiếm và tàn sát người dân ở Lạng Sơn và Cao Bằng hồi 17-2-1979. Thế nhưng bài báo chỉ một mục đăng lời ca tụng mà chẳng lưu ý cho độc giả biết đó cũng là kẻ thù của dân tộc Việt Nam. Thái độ nịnh bợ kẻ thù đất nước cách vô liêm sỉ này mới đây còn được chứng tỏ qua việc Bộ chính trị, bất chấp ý kiến ngăn cản của giới khoa học, văn nhân, tướng lãnh..., vẫn để cho Trung Cộng đem nhân lực (binh lính trá hình) và vật lực (kỹ thuật lạc hậu) vào khai thác bauxite ở Tây nguyên, gây hiểm họa khôn lường về môi sinh, văn hóa, xã hội và an ninh cho toàn thể dân tộc!

Và càng tỏ ra thái độ thần phục cách đê hèn và khiếp hãi đến tê liệt trước lân bang Đại Hán bao nhiêu thì đảng CSVN càng cướp bóc cách tào tợn và đối xử vô liêm sỉ bấy nhiêu đối với nhân dân trong nước, nhất là những ai đang đòi hỏi lẽ phải và sự thật, đang cố giành lại công bình cho bản thân, cho đồng bào và cho đất nước, đang cố báo động về những hiểm họa đến từ bên trong lẫn bên ngoài, từ nội xâm đến ngoại xâm. Cụ thể gần đây nhất là màn ném phân nhơ (đến 3 lần) vào tư gia nhà văn Trần Khải Thanh Thủy, người đã can đảm vạch trần tội ác của đảng cướp đất đai, diệt cuộc sống của dân oan huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Mới đây hơn là việc trắng trợn cướp bóc văn phòng cũng như mạt lý thanh danh luật sư pháp quyền Lê Trần Luật, người chiến sĩ đang bảo vệ giáo dân bị oan ức ở Thái Hà và các nhà dân chủ bị bách hại khắp cả nước.

Quả thật, đối với một cái đảng vốn mang giòng máu vô tổ quốc, vô dân tộc, sẵn sàng bán đứng đất nước, chà đạp xương máu chiến sĩ, bóc lột tài sản đồng bào, triệt tiêu tinh thần ái quốc, thì toàn dân chỉ còn có một cách là hất cẳng nó ra khỏi ghế quyền lực mà thôi.

BAN BIÊN TẬP



Ấn mừng cảm mốc (Babui - DCVonline.net)

CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ

về

các Quyền Dân sự và Chính trị

biểu quyết ngày 16-12-1966

Việt Nam tham gia ngày 24-09-1982

LỜI MỞ ĐẦU

Các Quốc Gia Hội Viên ký kết Công Ước này:

Xét rằng, chiếu theo những nguyên tắc công bố trong Hiến Chương Liên Hiệp Quốc, việc thừa nhận phẩm giá bẩm sinh và những quyền bình đẳng và bất khả chuyển nhượng của tất cả các phần tử trong đại gia đình nhân loại là nền móng của tự do, công lý và hoà bình thế giới.

Nhìn nhận rằng những quyền này xuất phát từ phẩm giá bẩm sinh của con người.

Nhìn nhận rằng, chiếu theo Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, lý tưởng về một con người tự do được hành xử những quyền dân sự và chính trị cũng như được giải phóng khỏi sự sợ hãi và khốn cùng, chỉ có thể đạt được nếu hội đủ những điều kiện thuận tiện để con người được hưởng những quyền dân sự và chính trị cũng như những quyền kinh tế, xã hội và văn hoá.

Xét rằng nghĩa vụ của các quốc gia hội viên theo Hiến Chương Liên Hiệp Quốc là phát huy sự tôn trọng và thực thi trên toàn cầu những nhân quyền và những quyền tự do của con người.

Nhận định rằng con người có nghĩa vụ đối với những người khác cũng như đối với cộng đồng, nên có trách nhiệm phải phát huy và tôn trọng những quyền được nhìn nhận trong Công Ước này.

Đồng chấp thuận những điều khoản sau đây:

PHẦN I

Điều 1:

1. Các dân tộc đều có quyền tự quyết. Chiếu theo quyền này, họ được tự do quyết định về chế độ chính trị và tự do theo đuổi đường hướng phát triển kinh tế, xã hội và văn hoá.

2. Để đạt được mục tiêu này, các dân tộc có quyền tự do sử dụng các nguồn lợi thiên nhiên của mình, miễn là không vi phạm những nghĩa vụ

phát sinh từ sự hợp tác quốc tế về kinh tế, đặt căn bản trên quyền lợi hỗ tương và luật pháp quốc tế. Trong mọi trường hợp các phương tiện sinh sống của nghiệp đoàn không thể bị tước đoạt.

3. Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này, kể cả những quốc gia có trách nhiệm bảo hộ hay giám hộ các lãnh thổ khác, phải tôn trọng và xúc tiến việc thực thi quyền dân tộc tự quyết chiếu theo các điều khoản của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc.

PHẦN II

Điều 2:

1. Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết tôn trọng và bảo đảm thực thi những quyền được nhìn nhận trong Công Ước cho tất cả mọi người sống trong lãnh thổ và thuộc thẩm quyền quốc gia, không phân biệt chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay quan niệm, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản, dòng dõi hay bất cứ thân trạng nào khác.

2. Trong trường hợp những quyền được nhìn nhận trong Công Ước này chưa được quy định thành văn trong luật pháp quốc gia, các quốc gia hội viên ký kết Công Ước cam kết sẽ ban hành các đạo luật theo thủ tục luật pháp quốc gia và theo các điều khoản của Công Ước để các quyền này có hiệu lực.

3. Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết:

a. Bảo đảm cho các nạn nhân quyền được đền bù hay đòi bồi thường thỏa đáng khi những quyền tự do của họ bị vi phạm, dầu rằng người vi phạm là một viên chức chính quyền.

b. Bảo đảm cho các nạn nhân quyền được khiếu nại tại các cơ quan tư pháp, hành chính hay lập pháp quốc gia, hay tại các cơ quan có thẩm quyền và phát triển quyền khiếu tố trước toà án.

c. Bảo đảm các cơ quan thẩm quyền phải thi hành nghiêm chỉnh

những sự đền bù hay bồi thường đã tuyên

Điều 3: Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ trong việc hành xử những quyền dân sự và chính trị ghi trong Công Ước.

Điều 4:

1. Trong khi tuyên bố tình trạng khẩn trương công cộng vì lý do quốc gia bị đe dọa, Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này có thể ban hành một số biện pháp đình chỉ thi hành các nghĩa vụ của quốc gia ấn định trong Công Ước này. Tuy nhiên những biện pháp này phải có tính cách thật cần thiết vì nhu cầu của tình thế, và không vi phạm các nghĩa vụ của quốc gia phát sinh từ luật pháp quốc tế, và cũng không được dùng để kỳ thị chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo hay nguồn gốc xã hội.

2. Trong mọi trường hợp những quyền dân sự và chính trị ghi trong các điều 6, 7, 8 (khoản 1 và 2), và trong các điều 11, 15, 16, 18 của Công Ước không thể bị đình chỉ thi hành.

3. Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này phải lập tức thông báo qua vị Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc cho các quốc gia hội viên kết ước khác hay biết những điều khoản nào trong Công Ước đã bị đình chỉ thi hành, và vì lý do gì. Ngay sau khi chấm dứt tình trạng khẩn trương công cộng, họ cũng phải thông báo theo thủ tục nói trên.

Điều 5:

1. Không một quốc gia, một phe nhóm hay một cá nhân nào có quyền giải thích các điều khoản trong Công Ước này để cho phép họ hoạt động hay làm những hành vi nhằm tiêu diệt những quyền tự do đã được Công Ước thừa nhận, hoặc để giới hạn những quyền tự do này quá mức ấn định trong Công Ước.

2. Các quốc gia hội viên kết ước nào đã thừa nhận một số nhân quyền căn bản trong luật pháp quốc gia, công ước, quy chế hay tục lệ, sẽ không được quyền giới hạn hay đình chỉ thi hành các nhân quyền căn bản đó, viện cớ rằng Công Ước này không thừa nhận những nhân quyền đó, hay chỉ thừa nhận trong một phạm vi hạn hẹp hơn.

PHẦN III

Điều 6:

1. Mọi người đều có quyền sống. Đây là một quyền bẩm sinh được luật pháp bảo vệ. Không ai có thể bị tước đoạt quyền sống một cách độc đoán.

2. Trong các quốc gia chưa bãi bỏ hình phạt tử hình, tòa án chỉ được tuyên án tử hình đối với những tội hình sự nghiêm trọng nhất chiếu theo luật pháp áp dụng trong thời gian phạm pháp và không trái với những điều khoản của Công Ước này và của Công Ước Ngăn Ngừa và Trừng Phạt Tội Diệt Chủng. Hình phạt tử hình chỉ có thể được thi hành chiếu theo một bản án chung thẩm của một tòa án có thẩm quyền.

3. Điều luật này không cho phép các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này được giải trừ các nghĩa vụ ghi trong Công Ước Ngăn Ngừa và Trừng Phạt Tội Diệt Chủng trong trường hợp sự hành quyết hay sát nhân cấu thành tội diệt chủng.

4. Các bị cáo bị tuyên án tử hình có quyền xin ân xá hay ân giảm hình phạt. Lệnh đại xá, ân xá hay ân giảm hình phạt có thể được ban hành trong mọi trường hợp.

5. Án tử hình không được tuyên đối với các bị cáo chưa đủ 18 tuổi khi phạm pháp, và cũng không được thi hành đối với các phụ nữ mang thai.

6. Điều luật này không thể được viện dẫn để trì hoãn hay ngăn cản việc bãi bỏ hình phạt tử hình tại các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này.

Điều 7: Không ai có thể bị tra tấn, hoặc phải chịu những hình phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo, làm hạ thấp phẩm giá con người. Đặc biệt là, nếu không có sự ưng thuận tự do của đương sự, không ai có thể bị dùng vào những cuộc thí nghiệm y học hay khoa học.

Điều 8:

1. Không ai có thể bị bắt làm nô lệ; chế độ nô lệ và mọi hình thức buôn bán nô lệ đều bị cấm chỉ.

2. Không ai có thể bị bắt làm nô dịch.

a. Không ai có thể bị cưỡng bách lao động.

b. Khoản 3 (a) nói trên không được áp dụng tại các quốc gia trong đó luật pháp cho phép tòa án có thẩm quyền tuyên án tù khổ sai.

c. Trong phạm vi khoản này, không được coi là "lao động cưỡng bách":

i. Ngoài trường hợp nêu ở khoản (b) trên đây, những công tác hay dịch vụ mà các tù nhân phải làm trong thời gian bị giam giữ chiếu theo một bản án hợp pháp của tòa án, hay phải làm trong thời gian được phóng thích có điều kiện.

ii. Nghĩa vụ quân sự, hay nghĩa vụ quốc gia áp dụng cho những người được luật pháp cho miễn thi hành nghĩa vụ quân sự vì lý do lương tâm.

iii. Nghĩa vụ cộng đồng trong trường hợp khẩn trương hay thiên tai đe dọa đời sống hay sự an lạc của cộng đồng.

iv. Những nghĩa vụ dân sự thông thường.

Điều 9:

1. Ai cũng có quyền tự do thân thể và an ninh thân thể. Không ai có thể bị bắt giữ hay giam cầm độc đoán. Không ai có thể bị tước đoạt tự do thân thể ngoại trừ những trường hợp và theo những thủ tục luật định.

2. Khi bị bắt giữ, bị cáo phải được tức thì thông báo về lý do bắt giữ, và phải được thông báo không chậm trễ về tội trạng bị cáo buộc.

3. Bị cáo bị bắt giữ hay giam cầm về một tội hình sự phải được dẫn giải không chậm trễ tới một vị thẩm phán (hay một viên chức có thẩm quyền tư pháp theo luật), để được xét xử trong một thời hạn hợp lý hay được phóng thích. Theo thông lệ, không nhất thiết phải câu lưu bị cáo trước ngày tòa xử. Tuy nhiên để bảo đảm sự hiện diện của bị cáo trong phiên xử hay trong các giai đoạn thẩm vấn, và để thi hành bản án, nếu cần, sự phóng thích tạm bị cáo đòi hỏi phải có bảo đảm.

4. Những người bị bắt giữ hay giam cầm đều có quyền yêu cầu tòa án thụ lý không chậm trễ về tính hợp pháp của sự giam giữ, và phải được phóng thích nếu sự giam giữ được xét là bất hợp pháp.

5. Các nạn nhân trong những vụ bắt giữ hay giam cầm bất hợp pháp có quyền khiếu tố đòi bồi thường thiệt hại.

Điều 10:

1. Những người mất tự do vẫn phải được đối xử nhân đạo và tôn trọng nhân phẩm.

a. Ngoại trừ những trường hợp đặc biệt, các bị cáo chưa được xét xử phải được giam giữ cách biệt với những người đã an án, và phải được đối xử theo quy chế của những người không can án.

b. Các bị cáo thiếu nhi phải được giam giữ cách biệt với người lớn và phải được xét xử trong thời hạn sớm nhất.

c. Chế độ lao tù phải đặt trọng tâm vào việc cải huấn tù nhân, tạo cho họ cơ hội cải hoá và hội nhập vào đời sống xã hội. Các thiếu nhi phạm pháp phải được giam giữ cách biệt với người lớn, và phải được đối xử tùy theo tuổi tác và tình trạng pháp lý của chúng.

Điều 11: Không ai có thể bị giam giữ chỉ vì không có khả năng thi hành một nghĩa vụ khế ước.

Điều 12:

1. Những người cư trú hợp pháp trong lãnh thổ một quốc gia đều có quyền tự do đi lại và tự do lựa chọn nơi cư trú trong lãnh thổ.

2. Mọi người đều được quyền tự do rời khỏi một quốc gia, kể cả quốc gia của mình.

3. Những quyền tự do ghi trên không thể bị giới hạn, ngoại trừ những trường hợp luật định vì nhu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khoẻ công cộng, đạo lý, hay những quyền tự do của người khác, và nếu không trái với những quyền tự do khác được thừa nhận trong Công Ước này.

4. Không ai có thể bị tước đoạt quyền hồi hương một cách độc đoán.

Điều 13: Ngoại kiều cư trú hợp pháp trong lãnh thổ các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này chỉ có thể bị trục xuất do một quyết định hợp pháp. Trừ trường hợp có lý do cưỡng thúc về an ninh quốc gia, người bị trục xuất có quyền trình bày lý do để chống lại quyết định trục xuất, và có quyền nhờ người biện hộ nộp đơn xin tái xét hồ sơ trục xuất tại các cơ quan hay người đại diện cơ quan có thẩm quyền.

Điều 14:

1. Mọi người đều bình đẳng trước tòa án. Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án độc lập, vô tư và có thẩm quyền theo luật, để phán xử về những tội trạng hình sự mà mình bị cáo buộc hay về những quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong các vụ tranh tụng khác. Báo chí và công chúng có thể không được tham dự một phần hay toàn thể phiên xử, vì nhu cầu đạo lý, trật tự công cộng hay an ninh quốc gia trong một xã hội dân chủ, hay để bảo vệ đời sống riêng tư của các đương sự tranh tụng, hay, trong những trường hợp thật cần thiết, khi tòa án quyết định rằng xét xử công khai sẽ làm thiệt hại quyền lợi của công lý. Tuy nhiên các bản án hình sự và các bản án khác phải được tuyên đọc công khai trước tòa, ngoại trừ trường hợp để bảo vệ quyền lợi của thiếu nhi hay của gia đình trong những vụ tranh tụng về hôn nhân hay về việc giám hộ các con.

2. Bị cáo về các tội hình sự có quyền được suy đoán là vô tội cho đến khi bị chứng minh là có tội theo luật.

3. Trong các vụ hình sự, tất cả các bị cáo đều được hưởng đồng đều những bảo đảm tối thiểu sau đây:

a. Được tức thì thông báo tội trạng với đầy đủ chi tiết bằng ngôn ngữ mà họ thông hiểu.

b. Quyền có đủ thời gian và phương tiện để chuẩn bị sự biện hộ và được quyền liên lạc với luật sư do mình lựa chọn.

c. Được xét xử mau chóng, không diễn trì quá đáng.

d. Được hiện diện trong phiên xử để tự biện hộ hay nhờ luật sư biện hộ do mình lựa chọn; được thông báo về quyền này trong trường hợp tự biện hộ; và được quyền có luật sư biện hộ miễn phí vì nhu cầu công lý nếu bị cáo không có phương tiện mướn luật sư.

e. Được đối chất với các nhân chứng buộc tội và được quyền đòi nhân chứng và chất vấn các nhân chứng gỡ tội cho mình, theo cùng một thủ tục.

f. Được quyền có thông dịch viên miễn phí, nếu bị cáo không nói hay không hiểu ngôn ngữ của toà.

g. Được quyền không khai, để khỏi phải tự buộc tội mình, hay khỏi phải thú nhận tội trạng.

4. Trong các vụ án thiếu nhi, thủ tục xét xử phải căn cứ vào tuổi tác của bị cáo và hướng về mục tiêu cải huấn can phạm.

5. Các bị cáo bị tuyên phạt có quyền kháng cáo lên toà trên theo thủ tục luật định.

6. Trong trường hợp bị cáo bị tuyên hình phạt chung thẩm và sau này bản án bị tiêu huỷ hay đương sự được ân xá vì có sự kiện mới phát giác cho biết bị cáo đã bị phạt oan uổng, người bị kết án có quyền đòi bồi thường thiệt hại theo luật, trừ phi có bằng chứng cho biết, sờ dĩ sự kiện mới này không được phát giác trong thời gian xử án, một phần hay hoàn toàn tại vì bị cáo.

7. Không ai có thể bị tái thẩm hay bị tuyên phạt một lần nữa về một tội trạng đã được toà án phán xử chung thẩm bằng cách tuyên phạt hay tha bổng, chiếu theo luật pháp và thủ tục hình sự hiện hành.

Điều 15:

1. Không ai có thể bị kết án về một tội hình sự do những điều mình đã làm hay không làm, nếu những điều ấy không cấu thành tội hình sự chiếu theo luật pháp quốc gia hay luật pháp quốc tế áp dụng hồi đó; mà cũng không bị tuyên một hình phạt nặng hơn hình phạt được áp dụng trong thời gian phạm pháp. Tuy nhiên bị cáo được quyền hưởng hình phạt khoan hồng hơn chiếu theo luật mới ban hành sau ngày phạm pháp.

2. Điều luật này không có tác dụng ngăn cản việc xét xử hay tuyên phạt một bị cáo vì đã làm hay không làm những hành vi cấu thành tội hình sự chiếu theo những nguyên tắc luật

pháp tổng quát được thừa nhận bởi cộng đồng các quốc gia trong thời gian đương sự phạm pháp.

Điều 16: Ai cũng có quyền được công nhận là con người trước pháp luật bất cứ thứ đâu.

Điều 17:

1. Không ai có thể bị xâm phạm trái phép hay độc đoán vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xúc phạm trái phép đến danh dự và thanh danh.

2. Ai cũng có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại những xâm phạm ấy.

Điều 18:

1. Ai cũng có quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo. Quyền này bao gồm quyền tự do theo một tôn giáo hay tín ngưỡng và quyền tự do biểu thị tôn giáo hay tín ngưỡng qua sự thờ phụng, hành đạo, nghi lễ hay giảng dạy, hoặc riêng tư hoặc với người khác, tại nơi công cộng hay tại nhà riêng.

2. Không ai bị cưỡng bách tước đoạt quyền tự do lựa chọn tôn giáo hay tín ngưỡng.

3. Quyền tự do biểu thị tôn giáo hay tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn theo luật, vì nhu cầu bảo vệ an toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng, đạo lý hay những quyền tự do căn bản của người khác.

4. Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết tôn trọng quyền của cha mẹ hay người giám hộ trong việc giáo dục các con về tôn giáo hay đạo lý theo tín ngưỡng của họ.

Điều 19:

1. Mọi người đều có quyền giữ vững quan niệm mà không bị ai can thiệp.

2. Mọi người đều có quyền tự do phát biểu quan điểm; quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận, và phổ biến mọi tin tức và ý kiến bằng truyền khẩu, bút tự hay ấn phẩm, dưới hình thức nghệ thuật, hay bằng mọi phương tiện truyền thông khác, không kể biên giới quốc gia.

3. Việc hành sử quyền tự do phát biểu quan điểm (ghi ở khoản 2 nói trên) đòi hỏi đương sự phải có những bổn phận và trách nhiệm đặc biệt. Quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật vì nhu cầu:

a. Tôn trọng những quyền tự do và thanh danh của người khác.

b. Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng hay đạo lý.

Điều 20:

1. Mọi hình thức tuyên truyền, cổ võ chiến tranh phải bị luật pháp cấm chỉ.

2. Mọi hình thức gieo rắc căm hờn, xúi giục kỳ thị, hiềm khích, kích thích bạo động giữa các quốc gia, các chủng tộc hay các tôn giáo phải bị luật pháp cấm chỉ.

Điều 21: Quyền hội họp có tính cách hoà bình phải được thừa nhận. Việc hành xử quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi luật pháp, vì các nhu cầu cần thiết trong một xã hội dân chủ để bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng, đạo lý, hay những quyền tự do của người khác.

Điều 22:

1. Ai cũng có quyền tự do lập hội, kể cả quyền thành lập và gia nhập các nghiệp đoàn để bảo vệ quyền lợi của mình.

2. Việc hành xử quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi luật pháp, vì các nhu cầu cần thiết trong một xã hội dân chủ để bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng, đạo lý, hay những quyền tự do của người khác. Điều luật này không có tác dụng ngăn cấm việc ban hành các giới hạn luật định liên quan đến sự hành xử quyền tự do lập hội của các giới quân nhân và cảnh sát.

3. Điều luật này không có hiệu lực cho phép các quốc gia hội viên ký kết Công Ước Lao Động Quốc Tế năm 1948 về Quyền Tự Do Lập Hội và Bảo Vệ Quyền Lập Hội, được ban hành hay áp dụng những đạo luật có tác dụng vi phạm những bảo đảm về những quyền tự do ghi trong Công Ước Lao Động Quốc Tế.

Điều 23:

1. Gia đình là đơn vị tự nhiên và căn bản trong xã hội và phải được xã hội và quốc gia bảo vệ.

2. Thanh niên nam nữ đến tuổi thành hôn có quyền kết hôn và lập gia đình.

3. Hôn thú chỉ được thành lập nếu có sự ưng thuận hoàn toàn tự do của những người kết hôn.

4. Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này phải ban hành những biện pháp để bảo đảm sự bình đẳng về quyền lợi và trách nhiệm của vợ chồng khi kết hôn, trong thời gian hôn thú, cũng như khi ly hôn. Trong trường hợp ly hôn phải quy định những biện pháp bảo vệ quyền lợi của các con.

Điều 24:

1. Không phân biệt chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản hay dòng dõi, các trẻ em, với tư cách vị thành niên, phải được gia đình, xã hội và quốc gia bảo vệ.

2. Trẻ em phải được khai sinh ngay sau khi sinh, và được đặt tên họ.

3. Trẻ em có quyền thủ đắc quốc tịch.

Điều 25:

1. Không bị kỳ thị (như đã quy định ở điều 2) và không bị giới hạn bất hợp lý, mọi công dân đều có quyền và có cơ hội:

a. Được tham gia vào việc điều hành chính quyền, hoặc trực tiếp hoặc qua những đại biểu do mình tự do tuyển chọn.

b. Được bầu cử và ứng cử trong những cuộc tuyển cử tự do và công bằng theo định kỳ, bằng phổ thông đầu phiếu kín, bảo đảm trung thực ý nguyện của cử tri.

c. Được quyền bình đẳng tham gia công vụ trong nước.

Điều 26: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, và được pháp luật bảo vệ bình đẳng không kỳ thị. Trên phương diện này, luật pháp cấm mọi kỳ thị và bảo đảm cho tất cả mọi người quyền được bảo vệ một cách bình đẳng và hữu hiệu chống mọi kỳ thị về chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay quan niệm, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản, dòng dõi hay bất cứ thân trạng nào.

Điều 27: Đối với các cộng đồng thiểu số về chủng tộc, tôn giáo, hay ngôn ngữ tại các quốc gia hội viên, Công Ước này bảo đảm cho các thành phần thiểu số cũng với những người khác trong cộng đồng của họ được quyền hưởng văn hoá riêng, được truyền giáo và hành đạo riêng, và được sử dụng ngôn ngữ riêng của họ.

Bản dịch của Trung Tâm Việt Nam Về Nhân Quyền, với sự tu chính của Ủy Ban Luật Gia Bảo Vệ Nhân Quyền

**Đừng nghe những gì Cộng sản nói!
Hãy nhìn những gì Cộng sản làm! Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý ấy không bao giờ thay đổi !!!**

CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ

về

các Quyền Kinh tế, Xã hội, Văn hóa

biểu quyết ngày 16-12-1966

Việt Nam tham gia ngày 24-09-1982

Các Quốc gia Hội viên ký kết Công ước này:

Xét rằng, chiếu theo những nguyên tắc công bố trong Hiến Chương Liên Hiệp Quốc (LHQ), việc thừa nhận phẩm giá bẩm sinh và những quyền bình đẳng và bất khả chuyển nhượng của tất cả các phần tử trong đại gia đình nhân loại là nền móng của tự do, công lý và hoà bình thế giới.

Nhìn nhận rằng những quyền này xuất phát từ phẩm giá bẩm sinh của con người.

Nhìn nhận rằng, chiếu theo Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, lý tưởng về một con người tự do được giải phóng khỏi sự sợ hãi và khốn cùng, chỉ có thể đạt được nếu hội đủ những điều kiện thuận tiện để con người được hưởng những quyền kinh tế, xã hội và văn hoá, cũng như những quyền dân sự và chính trị.

Xét rằng nghĩa vụ của các quốc gia hội viên theo Hiến Chương LHQ là phát huy sự tôn trọng và thực thi trên toàn cầu những nhân quyền và những quyền tự do của con người.

Nhận định rằng con người có nghĩa vụ đối với những người khác cũng như đối với cộng đồng, nên có trách nhiệm phải phát huy và tôn trọng những quyền được nhìn nhận trong Công ước này.

Đồng chấp thuận những điều khoản sau đây:

PHẦN I

Điều 1:

1. Các dân tộc đều có quyền tự quyết. Chiếu theo quyền này, họ được tự do quyết định về chế độ chính trị và tự do theo đuổi đường

hướng phát triển kinh tế, xã hội và văn hoá.

2. Để đạt được mục tiêu này, các dân tộc có quyền tự do sử dụng các nguồn lợi thiên nhiên của mình, miễn là không vi phạm những nghĩa vụ phát sinh từ sự hợp tác quốc tế về kinh tế, đặt căn bản trên quyền lợi hỗ tương và luật pháp quốc tế. Trong mọi trường hợp các phương tiện sinh sống của nghiệp đoàn không thể bị tước đoạt.

3. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này, kể cả những quốc gia có trách nhiệm bảo hộ hay giám hộ các lãnh thổ khác, phải tôn trọng và xúc tiến việc thực thi quyền dân tộc tự quyết chiếu theo các điều khoản của Hiến Chương LHQ.

PHẦN II

Điều 2:

1. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này cam kết, sẽ tự mình và do sự tương trợ và hợp tác quốc tế, đặc biệt về kinh tế và kỹ thuật, ban hành những biện pháp tận dụng những nguồn lợi quốc gia vào mục đích thực thi lũy tiến và đầy đủ những quyền được nhìn nhận trong Công ước này bằng những phương pháp thích nghi, đặc biệt là bằng việc ban hành các đạo luật.

2. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này cam kết bảo đảm thực thi các quyền liệt kê trong Công ước này không phân biệt chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay quan niệm, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản, dòng dõi hay bất cứ thân trạng nào khác.

3. Trong chiều hướng tôn trọng nhân quyền và căn cứ vào khả năng kinh tế trong nước, các quốc gia đang phát triển có thể ấn định

những quyền kinh tế nào trong Công ước này sẽ được bảo đảm áp dụng cho những người không có tư cách công dân.

Điều 3: Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này cam kết bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ trong việc hành xử những quyền kinh tế, xã hội và văn hoá liệt kê trong Công ước này.

Điều 4: Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này nhìn nhận rằng, về việc hành xử những quyền ghi trong Công ước, họ chỉ có thể ấn định các giới hạn luật định phù hợp với bản chất của những quyền này và chỉ nhằm mục đích phát huy sự an lạc chung trong một xã hội dân chủ.

Điều 5:

1. Không một quốc gia, một phe nhóm hay một cá nhân nào có quyền giải thích các điều khoản trong Công ước này để cho phép họ hoạt động hay làm những hành vi nhằm tiêu diệt những quyền tự do đã được Công ước thừa nhận, hoặc để giới hạn những quyền tự do này quá mức ấn định trong Công ước.

2. Các quốc gia nào đã thừa nhận một số nhân quyền căn bản trong luật pháp quốc gia, Công ước, quy chế hay tục lệ, sẽ không được quyền giới hạn hay đình chỉ thi hành các nhân quyền căn bản đó, viện cớ rằng Công ước này không thừa nhận những nhân quyền đó, hay chỉ thừa nhận trong một phạm vi hạn hẹp hơn.

PHẦN III

Điều 6:

1. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này thừa nhận cho mọi người quyền làm việc và cam kết sẽ ban hành những biện pháp để bảo đảm quyền này. Quyền làm việc bao gồm quyền cơ hội sinh sống nhờ công việc, quyền tự do nhận việc hay lựa chọn việc làm.

2. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này sẽ ban hành những biện pháp để thực thi đầy đủ quyền làm việc, như những chương trình huấn luyện, hướng dẫn kỹ thuật và hướng nghiệp, những chính sách và kỹ thuật để phát triển đều đặn về kinh tế, xã hội và văn hoá, cùng sự toàn dụng nhân công vào việc sản

xuất trong điều kiện những quyền tự do chính trị và kinh tế căn bản của con người được bảo đảm.

Điều 7: Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này nhìn nhận cho mọi người quyền được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, đặc biệt với những bảo đảm sau đây:

1. Về việc trả lương cho các công nhân, tối thiểu phải có:

a. Tiền lương tương xứng và công bằng cho các công việc có giá trị ngang nhau không phân biệt đối xử. Đặc biệt phụ nữ được bảo đảm có những điều kiện làm việc tương xứng như nam giới, làm việc ngang nhau được trả lương ngang nhau.

b. Một mức sống xứng đáng cho bản thân và gia đình phù hợp với những điều khoản của Công ước này.

2. Có điều kiện làm việc an toàn và không hại đến sức khoẻ.

3. Có cơ hội thăng tiến đồng đều cho mọi người và chỉ căn cứ vào thâm niên và khả năng.

4. Có quyền nghỉ ngơi và giải trí; được ấn định hợp lý số giờ làm việc, kể cả những ngày nghỉ định kỳ có trả lương và những ngày nghỉ lễ có trả lương.

Điều 8:

1. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này cam kết bảo đảm:

a. Quyền tự do thành lập nghiệp đoàn và tham gia nghiệp đoàn (theo nội quy và điều lệ), để bảo vệ và gia tăng quyền lợi kinh tế và xã hội của mình. Sự hành xử quyền này chỉ có thể bị giới hạn theo luật, vì nhu cầu sinh hoạt trong một xã hội dân chủ để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, hay sự hành xử quyền tự do của người khác.

b. Quyền của các nghiệp đoàn được kết hợp thành các tổng liên đoàn quốc gia, và từ đó thành lập hay gia nhập các tổ chức tổng liên đoàn quốc tế.

c. Các nghiệp đoàn được quyền tự do hoạt động và chỉ có thể bị giới hạn theo luật, vì nhu cầu sinh hoạt trong một xã hội dân chủ để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, hay sự hành xử quyền tự do của những người khác.

d. Quyền đình công được hành xử theo luật quốc gia.

2. Điều luật này không có tác dụng ngăn cấm việc ban hành các giới hạn luật định liên quan đến sự hành xử những quyền này của các giới quân nhân, cảnh sát và công chức quốc gia.

3. Điều luật này không có hiệu lực cho phép các quốc gia hội viên ký kết Công ước Lao động Quốc tế năm 1948 về Quyền Tự do Lập hội và Bảo vệ Quyền Lập hội được ban hành những đạo luật có tác dụng vi phạm những bảo đảm ghi trong Công ước Lao động Quốc tế.

Điều 9: Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này thừa nhận quyền của mọi người được hưởng an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội.

Điều 10: Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này nhìn nhận rằng:

1. Vì gia đình là đơn vị tự nhiên và căn bản trong xã hội nên phải được bảo vệ và hỗ trợ mạnh mẽ nhất, đặc biệt trong giai đoạn thành lập và trong khi thi hành nghĩa vụ chăm sóc và giáo dục các trẻ em. Hôn thú được thành lập do sự ưng thuận tự do của những người kết hôn.

2. Xã hội phải đặc biệt giúp đỡ các sản phụ trong một thời gian hợp lý trước và sau khi sinh nở. Trong thời gian này, các bà mẹ đi làm được nghỉ phép có trả lương hay được hưởng trợ cấp an sinh xã hội cần thiết.

3. Quốc gia phải ban hành những biện pháp đặc biệt để bảo vệ và hỗ trợ các trẻ em và thiếu niên không phân biệt tình trạng phụ hệ hay bất cứ thân trạng nào khác. Trẻ em và thiếu niên phải được bảo vệ chống mọi hình thức bóc lột về kinh tế và xã hội. Các thiếu niên không được tuyển dụng vào các công việc nguy hiểm đến đời sống hay phương hại đến đạo lý, sức khỏe hay đến sự phát triển bình thường của tuổi trẻ. Vi phạm điều này phải bị truy tố theo luật. Quốc gia cũng phải ấn định số tuổi tối thiểu cho các thiếu niên làm việc lao động có trả lương. Tuyển dụng các thiếu niên dưới tuổi luật định phải bị cấm chỉ và truy tố theo luật.

Điều 11:

1. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này thừa nhận cho mọi người quyền được hưởng một mức sống khả quan cho bản thân và gia đình, đủ cơm ăn, áo mặc và nhà ở. Mức sống này phải được nâng cao liên tục. Các quốc gia hội viên ký kết sẽ ban hành những biện pháp thích nghi để quyền này được thực hiện, ý thức rằng sự hợp tác quốc tế trên căn bản tự nguyện giữ vai trò thiết yếu trong việc này.

2. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này thừa nhận cho mọi người quyền căn bản được giải thoát khỏi sự đói khổ, và cam kết sẽ ban hành những biện pháp do quốc gia và do sự hợp tác quốc tế, để thực hiện những chương trình đặc biệt cần thiết như:

a. Cải tiến những phương pháp sản xuất, tồn trữ và phân phối thực phẩm bằng cách tận dụng các kiến thức khoa học kỹ thuật, phổ biến các kiến thức về dinh dưỡng, phát triển hay canh tân nông nghiệp để đạt được năng suất tối đa về phát triển và sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

b. Trên phạm vi toàn cầu, phải tiến tới sự phân phối công bằng và hợp lý các thực phẩm trên thế giới tùy theo khả năng của các quốc gia xuất cảng thực phẩm và nhu cầu của các quốc gia nhập cảng thực phẩm.

Điều 12:

1. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này thừa nhận cho mọi người quyền được hưởng tiêu chuẩn cao nhất về sức khỏe thể chất và tâm thần.

2. Để quyền này được thực thi đầy đủ, các quốc gia hội viên ký kết Công ước này sẽ ban hành những biện pháp cần thiết sau đây:

a. Giảm bớt tỷ lệ tử vong của thai nhi và hài nhi, bảo vệ sức khỏe và sự phát triển của trẻ em.

b. Cải thiện những điều kiện vệ sinh trong môi trường sinh thái và môi trường kỹ nghệ.

c. Ngăn ngừa, điều trị và kiểm soát các bệnh dịch, các bệnh đặc biệt tại một địa phương hay tại một loại nghề nghiệp, cũng như các bệnh khác.

d. Tạo điều kiện để bảo đảm việc cung cấp các dịch vụ y tế và chăm sóc bệnh nhân khi đau yếu.

Điều 13:

1. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này thừa nhận cho mọi người quyền được hưởng giáo dục. Giáo dục phải nhằm phát huy đầy đủ nhân cách và nhân phẩm, tăng cường sự tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do căn bản; cho mọi người được thực sự tham gia sinh hoạt trong một xã hội tự do, đề cao sự thông cảm, bao dung và hữu nghị giữa các quốc gia, các cộng đồng sắc tộc, chủng tộc hay tôn giáo, và yểm trợ các hoạt động của LHQ trong việc duy trì hoà bình.

2. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này nhìn nhận rằng, đường hướng sau đây sẽ giúp vào việc thực hiện đầy đủ quyền giáo dục:

a. Giáo dục tiểu học phải có tính cách cưỡng bách và miễn phí cho tất cả mọi người.

b. Giáo dục trung học kể cả các ngành phổ thông, kỹ thuật và hướng nghiệp phải được phổ cập cho tất cả mọi người bằng những phương pháp thích nghi và đặc biệt phải tiến dần đến miễn phí.

c. Giáo dục đại học phải được phổ cập bình đẳng cho mọi sinh viên bằng những phương pháp thích nghi, căn cứ vào khả năng, và đặc biệt phải tiến dần đến miễn phí.

d. Giáo dục căn bản tráng niên được khuyến khích và tăng cường tối đa cho những người chưa tốt nghiệp tiểu học.

e. Hệ thống giáo dục các cấp phải được tích cực phát triển, hệ thống học bổng tu nghiệp phải được thiết lập và điều kiện vật chất của các nhân viên giảng huấn phải được cải thiện liên tục.

f. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này cam kết tôn trọng quyền tự do của phụ huynh học sinh hay người giám hộ, được lựa chọn trường cho con em ngoài hệ thống giáo dục công lập, nếu trường này hội đủ những tiêu chuẩn giáo dục tối thiểu do quốc gia ấn định. Các phụ huynh hay người giám hộ cũng được quyền phụ trách về giáo dục

tôn giáo và đạo lý cho con em theo tín ngưỡng của họ.

3. Điều luật này không có tác dụng can thiệp vào quyền tự do của các cá nhân hay tổ chức trong việc thiết lập và điều hành các định chế giáo dục tư thục với điều kiện cùng theo đuổi những mục tiêu giáo dục nêu ở khoản 1 điều này, và nếu hội đủ tiêu chuẩn giáo dục tối thiểu do quốc gia ấn định.

Điều 14: Trong thời gian ký kết hay gia nhập Công ước này, nếu các quốc gia hội viên nào chưa tổ chức được hệ thống tiểu học cưỡng bách và miễn phí trong quản hạt quốc gia (hay trong các lãnh thổ mà họ bảo hộ hay giám hộ), họ cam kết sẽ thiết lập trong vòng 2 năm một chương trình hành động với đầy đủ chi tiết để tuân tự ban hành trong một thời gian hợp lý có ghi rõ trong chương trình, một hệ thống giáo dục cưỡng bách và miễn phí cho tất cả các học sinh tiểu học

Điều 15:

1. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này thừa nhận quyền của mọi người:

a. Được tham gia vào đời sống văn hoá;

b. Được hưởng các lợi ích của những tiên bộ và sáng chế khoa học.

c. Được bảo vệ những quyền lợi tinh thần và vật chất phát sinh từ những sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật của mình.

2. Để thực thi đầy đủ quyền này, các quốc gia hội viên ký kết Công ước này cam kết sẽ ban hành những biện pháp cần thiết trong việc bảo tồn, phát triển và phổ biến khoa học và văn hoá.

3. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này cam kết tôn trọng quyền tự do cần thiết cho việc nghiên cứu khoa học và sáng tạo văn học nghệ thuật.

4. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này ghi nhận những lợi ích trong việc khuyến khích và phát triển những liên lạc và hợp tác quốc tế trên lãnh vực khoa học và văn hoá.

Bản dịch của Trung Tâm Việt Nam Về Nhân Quyền, với sự tu chính của Ủy Ban Luật Gia Bảo Vệ Nhân Quyền

ỦY BAN LUẬT GIA VN BẢO VỆ DÂN QUYỀN

CẢNH GIÁC NHÀ CẦM QUYỀN HÀ NỘI

về việc phân định thêm lục địa Việt Nam

.....*Hải ngoại* * 20-02-2009.....

Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển

Từ khi biết sống hợp quần trong xã hội để thành lập quốc gia, con người đã biết đặt ra luật lệ để giải quyết các tương quan về quyền lợi và nghĩa vụ trong sinh hoạt cộng đồng.

Địa cầu gồm 3 phần đất và 7 phần nước. Nếu có luật quốc tế tại các lãnh thổ thì cũng phải có luật biển cho miền lãnh hải hay hải phận.

Ngày 10-12-1982, 119 quốc gia đã ký Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển trong đó có Trung Quốc (TQ) và Việt Nam (VN). Muốn thành luật, Công Ước phải được đa số các quốc gia kết ước phê chuẩn. Ngày 16-11-1993, 60 quốc gia đã phê chuẩn Công Ước, và một năm sau, ngày 16-11-1994 Công Ước có hiệu lực chấp hành.

Danh từ lãnh thổ bao gồm cả lục địa, hải phận và không phận. Tại vùng hải phận đường cơ sở (baseline) thông thường là lần mức thủy triều xuống thấp. Biển lãnh thổ (territorial sea) rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra khơi. Cần phân biệt giữa biển lãnh thổ và lãnh hải hay hải phận của quốc gia duyên hải (maritime zone).

Theo án lệ cố định của Tòa Án Quốc Tế The Hague và chiếu Điều 8 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, biên lịch sử (historic waters) chỉ là nội hải (internal waters). Muốn có biên lịch sử phải hội đủ 3 điều kiện:

- Quốc gia duyên hải đang hành sử chủ quyền;
- Sự hành sử chủ quyền có tính liên tục và trường kỳ;
- Các quốc gia kế cận và đối diện thừa nhận chủ quyền của quốc gia duyên hải.

Dấu sao biên lịch sử chỉ là nội hải tọa lạc trên đất liền, về phía bên trong đường cơ sở của biển lãnh thổ. Như vậy biên lịch sử của Trung Hoa hay Lưỡi rồng TQ chỉ là nội hải. Nó không thể là Biên Nam Hoa hay Biên Đông Nam Á cách Hoa lục đến 2000 cây số.

Vùng đặc quyền kinh tế rộng 200 hải lý để đánh cá chạy từ biển lãnh thổ ra khơi.

Thêm lục địa để thăm dò và khai thác dầu khí trùng điệp với vùng đặc quyền kinh tế để đánh cá và cũng rộng 200 hải lý (370 km).

Chiều Điều 76 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, thêm lục địa pháp lý (legal continental shelf) của các quốc gia duyên hải dài 200 hải lý tính từ biển lãnh thổ ra khơi. Ngoài ra còn có thêm lục địa địa chất (geological continental shelf) có thể kéo dài tối đa đến 350 hải lý (650 km), nếu về mặt địa chất và địa hình, đáy biển là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa từ đất liền ra ngoài khơi trên triển biển sâu đến mũi xa bờ nhất của nền lục địa (continental margin).

Đó là một yếu tố đặc thù của các quần đảo Hoàng Sa (HS) và Trường Sa (TS). Tại HS, thêm lục địa địa chất nằm trên nền lục địa, chạy thoải từ dãy Trường Sơn ra biển, phía đông Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Độ sâu nhất quanh đảo HS là 900 mét. Về mặt địa chất và địa hình, đáy biển HS là sự tiếp nối tự nhiên của dãy Trường Sơn từ Cù Lao Ré ra các đảo Tri Tôn, HS và Phú Lâm. Đây là những cao nguyên của lục địa VN trên mặt biển. Nếu nước biển rút xuống 900 mét thì toàn thể các hải đảo HS sẽ biến thành một dãy hành lang chạy thoải từ Trường Sơn ra Biển Đông.

Năm 1925 nhà địa chất học quốc tế, Tiên Sĩ khoa học A. Krempt, Giám đốc Viện Hải Học Đông Dương, sau 2 năm nghiên cứu, phân chất đất đai, đo đạc, vẽ bản đồ các hải đảo và đáy biển đã lập phúc trình kết luận rằng: "Về mặt địa chất những đảo HS là thành phần của VN" (Géologiquement les Paracels font partie du Vietnam).

Trong khi đó từ quần đảo HS về Hoa lục có một rãnh biển sâu hơn 2300 mét. Vì đáy biển HS không phải là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa từ đất liền ra ngoài biển, TQ không có hy vọng đòi nói rộng thêm lục địa Trung Hoa từ 200 hải lý đến 350 hải lý như trường hợp VN.

Vả lại các đảo HS tọa lạc tại các vĩ tuyến 17-15 bắc, cách bờ biển VN khoảng 160 hải lý và cách Hoa lục tới 270 hải lý, nên thuộc thêm lục địa của VN.

Tại TS cũng vậy. Về mặt địa chất và địa hình đáy biển, TS là sự tiếp nối tự nhiên từ lục địa VN ra ngoài biển. Tại bãi Tứ Chính, nơi khai thác dầu khí, biển sâu không tới 400 mét, và tại vùng đảo TS và cồn An Bang (do VN chiếm cứ), độ sâu chỉ tới 200 mét. Bãi Tứ Chính cách bờ biển VN khoảng 170 hải lý và cách Hoa lục tới 800 hải lý. Các đảo TS tọa lạc tại các vĩ tuyến 12-8 bắc (từ Cam Ranh đến Cà Mau), cách bờ biển VN 220 hải lý và cách Hoa lục tới 750 hải lý, nên thuộc hải phận của VN.

Hơn nữa về mặt địa chất và địa hình, đáy biển TS cách bờ biển TQ bằng một rãnh biển sâu hơn 4 ngàn mét. Vì đáy biển không phải là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa từ đất liền ra ngoài biển, TQ không có hy vọng đòi nói rộng thêm lục địa đến mức 350 hải lý. Trong mọi trường hợp, các đảo TS cách Hoa lục quá xa, từ 700 đến 800 hải lý, vượt quá mức tối đa 350 hải lý dành cho thêm lục địa địa chất, nên không thuộc chủ quyền lãnh thổ của TQ.

Khác với vùng đặc quyền kinh tế đánh cá, thêm lục địa (pháp lý hay địa chất) thuộc chủ quyền tuyệt đối và đặc quyền chuyên hữu của quốc gia duyên hải trong việc thăm dò và khai thác dầu khí. Các quốc gia

duyên hải không phải chia dầu khí cho ai, mặc dầu chưa khai thác hay không khai thác hết (các Điều 77 và 81). Các quốc gia khác không được quyền đến thăm dò hay khai thác dầu khí nếu không có sự ưng thuận minh thị của quốc gia duyên hải. Mọi sự vi phạm bằng cách chiếm cứ, dầu có võ trang hay không, cũng đều bất hợp pháp và vô hiệu lực.

Hơn nữa, tại thêm lục địa, quyền của các quốc gia duyên hải không tùy thuộc vào điều kiện phải có sự chiếm cứ (occupation), thăm dò (exploration), khai thác (exploitation) hay công bố minh thị (express proclamation). Do đó, mặc dầu không còn chiếm cứ các đảo tại HS từ 1974, VN vẫn không mất chủ quyền tuyệt đối và đặc quyền chuyên hữu tại quần đảo này.

Trong những năm 1974, 1988 và 1992 TQ đã chiếm cứ võ trang một số đảo, cồn, đá, bãi tại HS và TS. Đây là những hành động vi phạm thô bạo Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển. Dầu sao sự chiếm cứ bất hợp pháp này cũng không có tác dụng tước đoạt chủ quyền lãnh thổ của VN tại thêm lục địa. Hành vi bạo hành dầu kéo dài bao lâu cũng không làm mất tính bạo hành của nó. Và sự bạo hành võ trang không được viện dẫn quy chế tiêu diệt thời hiệu theo luật lệ hiện hành tại các quốc gia văn minh trên thế giới.

Đơn yêu cầu mở rộng thêm lục địa của VN

Chiếu Điều 4 Phụ Đính 2 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, các quốc gia duyên hải có quyền đệ đơn tại Ủy Ban Phân Định Thêm Lục Địa (Commission on the Limits of the Continental Shelf) để được hưởng quy chế thêm lục địa địa chất đến mức tối đa 350 hải lý, trong trường hợp nền lục địa của quốc gia duyên hải dài hơn thêm lục địa pháp lý (200 hải lý). Thời hạn đệ đơn yêu cầu mở rộng thêm lục địa là 10 năm kể từ khi Công Ước có hiệu lực chấp hành (tháng 11-1994).

Qua năm 1995, nhân kỳ Đại Hội Khu Vực Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á (ASEAN) họp tại Brunei, Ủy Ban Luật Gia VN Bảo Vệ Dân Quyền đã gửi 7 vị nguyên thủ quốc gia thuộc tổ chức ASEAN

một bản tường trình về vụ tranh chấp tại HS TS trên bình diện công pháp quốc tế. (Lúc này VN đã gia nhập ASEAN). Trong phần kết luận, Ủy Ban Luật Gia yêu cầu Khối ASEAN đổi danh xưng Biển Nam Hoa (South China Sea) thành Biển Đông Nam Á (Southeast Asia Sea). Đồng thời đề nghị Khối ASEAN triệu tập những cuộc đàm phán đa phương để giải quyết toàn bộ vấn đề tranh chấp tại Biển Đông Nam Á giữa các Quốc Gia hội viên của Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á..

Riêng đối với VN, Ủy Ban Luật Gia cũng đề nghị nhà cầm quyền triệu dụng các luật gia và chuyên gia trong các tổ chức hải dương quốc tế (như Viện Hải Dương Đông Tây tại Hawaii) để lập bản tường trình về những yếu tố đặc thù liên quan đến địa lý, địa hình và địa chất tại HS và TS theo các tiêu chuẩn hướng dẫn của Liên Hiệp Quốc. Mục đích để kiện toàn hồ sơ yêu cầu Ủy Ban Phân Định Thêm Lục Địa chấp thuận cho VN được mở rộng thêm lục địa từ 200 hải lý cho đến mức 350 hải lý. Về thủ tục tổ tụng Ủy Ban Luật Gia cũng lưu ý rằng thời hạn đệ đơn là 10 năm chiếu Điều 4 Phụ Đính 2 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển. Thời hạn này sẽ mãn vào tháng 11-2004.

Từ đó đến nay đã 14 năm, nhà cầm quyền Hà Nội vẫn im lìm bất động. Hơn nữa, năm 2000, Chính phủ Hà Nội còn ký một hiệp ước bất bình đẳng về Hợp Tác Nghề Cá với TQ. Trong hiệp ước này có điều khoản quy định rằng, khi dầu khí được phát hiện, hai bên sẽ khởi sự khai thác dầu khí chung tại thêm lục địa đồng thời với sự hợp tác đánh cá trong vùng đặc quyền kinh tế tại Vịnh Bắc Bộ.

Theo những tin tức mới đây, căn cứ vào thỉnh nguyện của một số quốc gia hội viên, Ủy Ban Phân Định Thêm Lục Địa Liên Hiệp Quốc đã đồng ý triển hạn cho các quốc gia kết ước hay gia nhập Công Ước trước ngày 13-5-1999 (như VN) được có thời hạn 10 năm nghĩa là đến ngày 13-5-2009 để đệ đơn yêu cầu mở rộng thêm lục địa từ 200 hải lý đến 350 hải lý. Quyết

định này căn cứ vào hai sự kiện sau đây:

1- Mặc dầu Công Ước đã có hiệu lực chấp hành từ tháng 11-1994, vậy mà 3 năm sau, mãi tới tháng 5-1997, các ủy viên trong Ủy Ban Phân Định Thêm Lục Địa mới được tuyển chọn.

2- Hơn nữa, mãi tới ngày 13-5-1999 Ủy Ban Phân Định mới soạn thảo và công bố Cương Lĩnh hướng dẫn các quốc gia hội viên về các tiêu chuẩn phải khai trình về mặt chuyên môn và về khoa học kỹ thuật.

Vì có sự chậm trễ 5 năm, Ủy Ban Phân Định đã đồng ý cho triển hạn thêm 5 năm (từ ngày 16-11-2004 đến ngày 13-5-2009) để các quốc gia hội viên đệ nạp hồ sơ.

Điều đáng lưu ý là đơn thỉnh nguyện có thể chưa viện dẫn đầy đủ các dữ kiện và yếu tố theo các tiêu chuẩn ghi trong Cương Lĩnh về Khoa Học Kỹ Thuật ngày 13-5-1999 của Ủy Ban Phân Định. Trong trường hợp này các quốc gia đệ đơn có thể dành quyền sẽ xuất trình thêm tài liệu về những yếu tố và dữ kiện bổ túc để kiện toàn hồ sơ.

Vì những lý do nêu trên, cũng như năm 1995, một lần nữa, Ủy Ban Luật Gia VN Bảo Vệ Dân Quyền cảnh giác và khuyến cáo nhà cầm quyền Hà Nội đệ đơn thỉnh nguyện tại Ủy Ban Phân Định Thêm Lục Địa Liên Hiệp Quốc trong thời hạn luật định, nghĩa là **trước ngày 13-5-2009**.

Mục đích để bảo vệ và tranh thủ tối đa chủ quyền lãnh thổ của VN tại các thêm lục địa nơi tọa lạc các quần đảo HS và TS.

Cùng đồng bào trong và ngoài nước, Ủy Ban Luật Gia sẽ quan tâm theo dõi thái độ, hành động và tinh thần trách nhiệm của nhà cầm quyền Hà Nội trong việc thi hành nhiệm vụ lịch sử này. Nếu còn ngoan cố hay bất lực, bất cứ vì lý do gì, Chính Phủ và Đảng Cộng Sản sẽ phải chịu tội trước Quốc Dân và Lịch Sử.

T.M. Ủy Ban Luật Gia VN Bảo Vệ Dân Quyền
Luật Sư Nguyễn Hữu Thống

PHÒNG THÔNG TIN PHẬT GIÁO QUỐC TẾ THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Đạo từ của Hòa thượng Quảng Độ tại Lễ cầu nguyện ở chùa Điều Ngự

❀❀❀❀❀ Paris 24-02-2009 ❀❀❀❀❀

Đạo từ của Đại lão Hòa thượng Thích Quảng Độ về sự Vẹn toàn lãnh thổ tại Lễ cầu nguyện Quốc thái dân an, Vẹn toàn lãnh thổ và siêu độ hương linh các Chiến sĩ vị quốc vong thân tại chùa Điều Ngự ở Westminster, California

(Chúng tôi xin phép lược bỏ Lời Chúc Xuân của HT Thích Thiện Tâm, TT Thích Phước Nhơn và TT Thích Giác Đăng)

Vừa qua, dưới sự chứng minh của Đức Phó Tăng thống Thích Hộ Giác cùng chư Tăng giáo phẩm Văn phòng II Viện Hóa Đạo, Lễ Cầu nguyện Quốc thái Dân an, Vẹn toàn lãnh thổ và Siêu độ hương linh các Chiến sĩ vị quốc vong thân đã được tổ chức tại chùa Điều Ngự, thành phố Westminster, miền Nam California, hôm chiều Chủ nhật 15-2-2009. Đồng bào các giới và Phật tử cùng các cơ quan truyền thông, báo chí đã đến tham dự đông đảo gần một nghìn người làm cho cuộc lễ thêm phần trọng thể.

Sau cuộc lễ, là phần thuyết trình về đề tài "Hiện tình Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) và Vai trò Cư sĩ Phật giáo trước thời cuộc" do Đạo hữu Võ Văn Ái trình bày, Pháp sư Thích Giác Đức nói về "Vài nét đóng góp nổi bật của Phật giáo Việt Nam cho dân tộc", và chị Ý Lan phúc trình về "Sự hậu thuẫn GHPGVNTN của cộng luận thế giới và chính giới quốc tế".

Nhân nói về "Vai trò người Cư sĩ Phật giáo trước thời cuộc" ông Ái nhắc lại hình ảnh người Cư sĩ mà cũng là Vua-Sư Trần Nhân Tông, vị tổ của Dòng Thiền Trúc Lâm Yên tử đặc thù Việt Nam. Nhân kỷ niệm 700 năm ngày mất của Ngài, nhưng quan trọng hơn là hành trạng của một Cư sĩ Phật giáo hai lần đại thắng chống Nguyên Mông, thu phục nhân tâm Chiêm Thành bằng con đường bắt bạo Phật giáo đem về hai châu Ô Lý cho Việt Nam. Vô hình trung chuyện cũ 700 năm trước, nhưng lại là một hình ảnh rất thời sự cho người Cư sĩ

Phật giáo tìm ra giải pháp đối ứng nguy cơ mất nước qua sự kiện hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và mất những nghìn cây số đất, cây số biển sau hiệp ước trên đất liền và vùng biển Hà Nội ký kết với Bắc Kinh năm 1999 và 2000.

Phần trình bày của chị Ý Lan với những ví dụ cụ thể của các nhân vật quốc tế hay chính giới Âu Mỹ lên tiếng hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh đòi phục hồi quyền sinh hoạt pháp lý của GHPGVNTN dưới sự lãnh đạo của Đại lão Hòa thượng Thích Quảng Độ đã đem lại sự hứng khởi và tin tưởng cho người nghe. (xin xem các phát biểu quốc tế này trong Thông cáo báo chí của Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế phát hành ngày 10.2.2009 hoặc vào xem trên Trang nhà Quê Mẹ www.queme.net

Tại hai nhà hàng Sea Food Kingdom và Sea Food World ở Quận Cam, Nam California, hôm tối thứ bảy 14-2 và tối chủ nhật 15-2, trước và sau Lễ Cầu nguyện, Thượng tọa Thích Viên Lý, Tổng thư ký Văn phòng II Viện Hóa Đạo kiêm Tổng thư ký GHPGVNTN Hải ngoại tại Hoa Kỳ cũng đã tổ chức hai buổi Cơm Chay nhằm gây quỹ tổ chức Đại lễ Phật Đản 2553 vào ngày 10-5-2009 sắp tới. Đồng bào các giới và Phật tử đã nhiệt tình hậu thuẫn nhìn qua số lượng người tham dự. Thực khách đêm đầu 800 người, đêm sau 600 người. Theo Ban Tổ chức tuyên bố sơ bộ tổng số tiền ủng hộ trong hai đêm này lên đến sáu mươi nghìn Mỹ kim (60,000 \$US). Nhân dịp này, Ban tổ chức đã cho bán đấu giá hai bộ "Phật Quang Đại Từ điển" của Hòa thượng Thích Quảng Độ phụ thêm vào việc gây quỹ.

Dưới sự điều khiển sinh động và duyên dáng của bốn vị giới thiệu chương trình, Việt Dzũng, Minh Phượng, Ái Cầm, và Giáng Ngọc, gây hấp dẫn và nao nức người mua. Đêm đầu tiên, Bộ Phật Quang Đại Từ điển gồm sáu tập, 7605 trang, bán với giá 6000 Mỹ kim. Đêm hôm sau lên tới 20.000 Mỹ kim. Trong dịp này, Đạo hữu Võ Văn Ái đã giới thiệu công

trình tác dịch bộ Đại từ điển này của Đại lão Hòa thượng Thích Quảng Độ trong thời gian 10 năm lưu đầy hay ở trong tù.

Ông Ái cho biết hiếm thấy một công trình nào thực hiện trong hoàn cảnh lưu đầy ở xã Vũ Đoài, tỉnh Thái bình, tiếp đến tại nhà tù Thanh Liệt gần Hà Nội. Không như hoàn cảnh trước tác, dịch thuật tự do của các học giả tại các quốc gia văn minh, dân chủ. Hòa thượng Thích Quảng Độ một thân một mình nơi tù ngục áp chế hoàn thành 10 năm trời dịch thuật gần 8000 trang, in thành 6 tập trang trọng, mỹ thuật tại Đài Loan. Vì trong nước nhà cầm quyền Cộng sản không cho phép ấn hành. Đặc biệt gần ba năm cuối cùng trong nhà tù Thanh Liệt kết thúc công trình to lớn. Nhưng đến ngày đặc xá năm 1998, quản giáo không cho mang về, bắt phải làm đơn xin. Hòa thượng Quảng Độ phản ứng tại sao phải xin lại tài sản của chính ngài, nên ngài khước từ không làm đơn xin. Về lại Saigon Hòa thượng phải bỏ ra 2 năm ròng để làm lại chuyện đã làm xong trước đó.

Qua công trình bộ "Phật Quang Đại từ điển" mới thấy hai chân lý, một là ý chí con người có sức dời non lấp biển, hai là chế độ độc tài toàn trị chỉ thủ tiêu văn hóa và người tài. 33 năm cộng sản thống trị, với một Giáo hội Phật giáo Nhà nước do đảng nâng đỡ, tiền rừng bạc biển, có đến bốn vạn Tăng Ni và gần 20 nghìn ngôi chùa. Thế nhưng về mặt học thuật Phật giáo chỉ làm xong 2 bộ từ điển :

- Từ điển Phật học Việt Nam, 818 trang, của hai tác giả HT Thích Minh Châu và Minh Chi, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội 1991;

- Từ điển Phật học Hán Việt, 2 tập, 3022 trang, Nhà xuất bản Phân viện Nghiên cứu Phật học, do một ban biên tập 15 Hòa thượng, Thượng tọa soạn thảo. Lễ ra phải nói gồm 16 người, vì có tên Hòa thượng Thích Quảng Độ ở đầu trang sách. Nhưng đây là họ để bừa cốt mượn uy danh ngài, chứ Hòa thượng Thích Quảng Độ không hề cộng tác hay biên tập. Có chăng chỉ là vài lần, với tư cách cá nhân, các vị trong ban dịch thuật có biên thư thỉnh ý Hòa thượng về một vài thuật ngữ phiên dịch. Bộ Từ điển Phật học Hán Việt này là bản dịch bộ "Phật học thực dụng tự điển" do Nhà xuất bản Phật giáo Đài Bắc ấn hành năm Dân Quốc 72.

Trong khi ấy một người tù, cô thân độc ảnh, bị bức hiếp nơi chốn lưu đầy tù tội bỏ suốt mười năm ròng hoàn thành bộ Phật Quang Đại Từ điển, 7605 trang, giá trị nhất trên thế giới

về mặt học thuật và tư tưởng Phật giáo.

Dưới đây xin đăng nguyên văn Đạo từ được ghi âm và phát ra tại Lễ Cầu Nguyện ở Chùa Điều Ngự hôm chủ nhật 15.2 :

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VNTN
VIỆN HÓA ĐẠO**

**Thanh Minh Thiền Viện, Phường
15, Quận Phú Nhuận, TP Saigon
Phật lịch 2552
Số 02/VHĐ/VT**

ĐẠO TỪ

**của Đại lão Hòa thượng Thích
Quảng Độ nhân Lễ Cầu Nguyện
Quốc Thái Dân An, Vẹn toàn Lãnh
thổ và Siêu Độ những Hương linh
Chiến sĩ Vị Quốc Vong Thân tại
Chùa Điều Ngự**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Thay mặt Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, tôi ngỏ lời tán thán Văn phòng II Viện Hóa Đạo và Chùa Điều Ngự nhân dịp Xuân Kỷ Sửu tổ chức Lễ Cầu Nguyện Quốc Thái Dân An, Vẹn toàn lãnh thổ và Siêu Độ những Hương linh Chiến sĩ Vị Quốc Vong Thân.

Cầu nguyện là chí thành mong muốn cho những điều tốt lành được thể hiện trong cuộc đời đầy chướng ngại và bất hạnh. Kinh dạy rằng Phật và Bồ tát ngay lúc mới phát tâm đều nguyện "thành Vô thượng bồ đề và độ hết thảy chúng sinh". Đây chính là Nguyên Ba La Mật, tức hạnh nguyện rộng lớn của người tu Bồ tát đạo, trên cầu Bồ đề, dưới hóa độ chúng sinh, là một trong mười Ba La Mật. Hạnh nguyện mà theo kinh Hoa Nghiêm sẽ đem lại những đức lớn như :

- Thành tựu cho hết tất cả chúng sinh
- Trang nghiêm hết tất cả thế giới
- Cúng dường hết tất cả chư Phật
- Thị hiện trong hết tất cả quốc độ

Đương nhiên nguyện còn phải đi đôi với hành. Nguyện và hành không thể tách rời thì mới thành tựu công đức. Vì ý chí mong hướng tới, nhưng cần thực hành mới đầy đủ.

Ngày nay, vì hoàn cảnh mà chư liệt vị phải sống xa quê hương. Ngày đầu năm tấm lòng cố quốc khôn nguôi, nên lòng chung lòng, vai bên vai cất lời cầu nguyện cho Quốc thái Dân an, Vẹn toàn Lãnh thổ và siêu độ cho những Hương linh Chiến sĩ vị quốc vong thân.

Chư vị Bồ tát phát bốn thế nguyện rộng lớn, rồi nhờ thực hành sáu độ Ba La Mật mà thành Phật quả, thì nay nơi lễ đài chùa Điều Ngự, quý liệt vị

phát lời hoằng nguyện và phát tâm hành động trong Năm Mới Kỷ Sửu, 2009. Nhờ vậy, đất nước sẽ không bị lãng quên, nhân dân sẽ không cô đơn trợ trợ trong đói nghèo, mất tự do và thiếu nhân quyền, hương linh những chiến sĩ vị quốc vong thân sẽ được siêu độ. Điều trọng thiết khác mà tôi hết lòng trông đợi là Lời Cầu Nguyện cho vẹn toàn lãnh thổ của liệt quý vị sẽ gây phần chấn lòng người Việt hải ngoại để kết thành động thủ bảo vệ non sông, nòi giống trước hai nạn ngoại xâm và nội xâm.

Suốt các triều đại dân tộc từ Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, dòng họ tuy có khác, nhưng châm ngôn Hộ Quốc vẫn là một : "Gìn giữ giang sơn, không để cho ai lấy một phân núi, một tấc sông". Thế mà giờ đây hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đang vượt khỏi lãnh thổ Việt Nam, và bao nhiêu nghìn cây số đất, cây số biển đã xuất cảng sang Tàu trong hai Hiệp ước biên giới trên đất liền và trên biển do nhà cầm quyền Hà Nội ký với TQ năm 1999 và năm 2000 ?

Quý liệt vị đang được may mắn sống trên một đất nước dân chủ, tự do, nên các quyền tự do cơ bản như tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp... được xem như bất khả xâm phạm. Xin quý liệt vị hãy sử dụng tài sản tự do ấy mà đầu tư cho việc thực hiện Quốc thái Dân an, Vẹn toàn lãnh thổ, và mang lại Linh quyền cho những hương linh chiến sĩ vị quốc vong thân.

Tôi cầu chúc cuộc lễ hôm nay thành tựu viên mãn và đem lại các đức lớn ghi trong kinh Hoa Nghiêm, mà đất nước và người dân Việt trông chờ : Thành tựu cho hết tất cả chúng sinh, tức mang lại an vui, hạnh phúc, tự do cho 85 triệu dân lành ; Trang nghiêm hết tất cả thế giới, tức nền văn minh Việt Nam và Phật giáo đóng góp công sức cho hòa bình và an lạc nhân loại ; Cúng dường hết tất cả chư Phật, tức đền đáp lòng pháp như giác ngộ mà chư Tăng, Phật tử thừa hưởng từ gần ba nghìn năm qua ; và Thị hiện trong hết tất cả quốc độ, tức chư Tăng, Ni, Phật tử biết lắng nghe và có mặt khắp nơi từ Ái Nam Quan đến Mũi Cà Mau để cứu độ quần sinh theo hạnh nguyện của Bồ tát Quán Thế Âm.

**Nam Mô Dương Lai Hạ Sanh Di
Lặc Tôn Phật
Saigon, Thanh Minh Thiền Viện
ngày 15.2.2009**

**Xử lý Thường vụ Viện Tăng
thống
kiêm Viện trưởng Viện Hóa Đạo
(ấn ký)
Sa môn Thích Quảng Độ**



**DB Ed Royce không hài lòng
với báo cáo nhân quyền Việt
Nam của Hoa Kỳ**

WASHINGTON, DC.- Trong một thông cáo báo chí vừa được gửi ra hôm Thứ Tư vừa qua, Dân Biểu Liên Bang Hoa Kỳ Ed Royce cho biết ông không hài lòng với bản báo cáo nhân quyền Việt Nam năm 2008 do Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đưa ra cùng ngày vì nhận xét "không rõ ràng."

"Bản báo cáo này đưa ra nhiều chi tiết liên quan đến nhân quyền tại Việt Nam với một nhận xét không rõ ràng. Tôi mong đợi Bộ Ngoại Giao phải nói cứng rắn hơn. Đó là tình trạng hiện nay tại Việt Nam không thể chấp nhận được," dân biểu này cho biết như vậy. Theo Dân Biểu Ed Royce, "bản báo cáo năm nay cho thấy Việt Nam vẫn tiếp tục vi phạm nhân quyền, không cho phép người dân được tự do lập hội, tự do ngôn luận và tự do tôn giáo."

"Chính quyền vẫn kiểm soát thông tin chặt chẽ. Những ai vi phạm bị phạt hoặc bỏ tù. Về tôn giáo, chính quyền tiếp tục quấy rầy Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Giáo Hội Công Giáo và Phật Giáo Hòa Hảo, nhất là trên vùng cao nguyên."

Cho dù có những nhận xét này, bản thông cáo của Dân Biểu Ed Royce cho thấy ông không hài lòng.

Hồi Tháng Mười Một năm ngoái, Dân Biểu Ed Royce đã giới thiệu Nghị Quyết 20 tại Hạ Viện Hoa Kỳ yêu cầu đưa Việt Nam trở lại danh sách "Các Nước Cần Quan Tâm Đặc Biệt" (Country of Particular Concern - CPC). Dân Biểu Ed Royce hiện là thành viên cao cấp Tiểu Ban Châu Á, Thái Bình Dương và Môi Trường Toàn Cầu thuộc Ủy Ban Ngoại Giao Hạ Viện.

Ông cũng là thành viên hai nhóm Congressional Caucus on Vietnam và Caucus on Human Rights tại Hạ Viện Hoa Kỳ. Ông Ed Royce đại diện Địa Hạt 40 của tiểu bang California, bao gồm một phần hoặc toàn bộ các thành phố Anaheim, Buena Park, Cypress, Fullerton, Garden Grove, La Palma, Los Alamitos, Orange, Placentia, Stanton, Westminster và Villa Park.

25-02-2009 (NguoiViet Online)

**Đấu tranh hoà
bình, bất bạo động.
Vạch trần mặt thật
Hồ Chí Minh.**

Giải thể chế độ

PHÁI ĐOÀN TÒA THÁNH VATICAN đến Việt Nam

.....16-21/02/2009.....

Cộng sản độc tài.

Phái Đoàn Tòa Thánh đã tới Hà Nội làm việc với Nhà cầm quyền Việt Nam

HÀ NỘI - - Sáng Chúa Nhật hôm nay, ngày 15-02-2009, nhận lời mời của Bộ Ngoại Giao Việt Nam, phái đoàn của Bộ Ngoại giao Tòa Thánh đã đến Hà Nội, bắt đầu chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam từ ngày 16 đến 21-2-2009. Lúc 15 giờ chiều ngày 15 tháng 2 năm 2009, tại Tòa Tổng Giám Mục Hà Nội đã diễn ra nghi thức chào đón phái đoàn Tòa Thánh đến thăm và làm việc tại Việt Nam.

Phái đoàn gồm có Đức ông Pietro Parolin, thứ trưởng Ngoại giao của Tòa Thánh, đặc trách các vấn đề quan hệ với các quốc gia, làm trưởng Phái đoàn cùng với Đức ông Phanxico Cao Minh Dung, đặc trách vùng Đông Nam Á Châu của phủ Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh và Đức ông Barnabê Nguyễn Văn Phương, vụ trưởng Bộ Truyền Giáo.

Phái đoàn đã được chính phủ Việt Nam đón tiếp và sắp xếp chỗ ăn nghỉ tại nhà khách chính phủ gần Tòa Tổng Giám mục Hà Nội.

Từ năm 1989 đến nay, các phái đoàn của Tòa Thánh đã có 16 chuyến thăm Việt Nam để thảo luận các vấn đề hợp tác giữa hai bên. Đây là chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam lần thứ tư của Đức ông Pietro Parolin. Trong tất cả 16 chuyến thăm và làm việc đều có sự tham dự của Đức ông Barnabê Nguyễn Văn Phương. Trước đó, tháng 6/2008, Đức ông Parolin đã dẫn đầu phái đoàn Vatican đến Hà Nội và làm việc với Chính Phủ Việt Nam, gặp gỡ Phó Thủ Tướng kiêm Bộ Trưởng Ngoại Giao Phạm Gia Khiêm, Ban Tôn giáo Chính phủ, đồng thời viếng thăm Thánh Địa Lavang và giáo phận Đà Lạt.

Phái đoàn Vatican thăm Việt Nam lần này có thêm nhân sự mới là Đức ông Phanxicô Cao Minh Dung. Đức ông Dung là người được đào tạo

vẫn còn một số giáo phận trống toà như Phát Diệm, Buôn Mê Thuột. Đức cha Fx. Nguyễn Văn Sang – Giám mục Thái Bình - cũng đã được Toà thánh chấp thuận về hưu cho đến khi tìm được người kế vị. Đức cha Cao Đình Thuyền của giáo phận Vinh cũng đã bước qua tuổi 82 mà chưa có người thay thế.

Không phải ở Việt Nam thiếu nhân sự đủ khả năng. Vấn đề này, theo nhiều nguồn tin cho biết, còn nhiều bế tắc là do chưa tìm được sự đồng thuận giữa chính quyền và giáo hội về các ứng viên. Trong chương trình chuyến thăm lần này, bên cạnh những buổi làm việc với Bộ ngoại giao, Ban Tôn giáo của chính phủ Việt Nam, phái đoàn Tòa Thánh cũng sẽ có các cuộc gặp gỡ với đại diện Hội đồng Giám mục Việt Nam và đến thăm hai giáo phận Thái Bình và Bùi Chu.

**Giuse Trần Ngọc Huân
VietCatholic News 15-02-2009**

Cuộc hội đàm khép lại, Toà Thánh đứng về phía những người tìm kiếm công lý và sự thật

Cuộc hội đàm giữa phái đoàn ngoại giao Toà thánh Vatican và giới chức ngoại giao Việt Nam đã khép lại sau hai ngày làm việc (16-18/2/2009). Kết quả của các cuộc hội đàm nhằm đưa tới việc bình thường hoá quan hệ giữa Vatican và nhà nước cộng sản Việt Nam, theo một nguồn tin nội bộ, là “chưa đi đến đâu cả”. Những nhà quan sát ngạc nhiên vì thời lượng của các cuộc hội đàm chỉ kéo dài chưa đầy hai ngày, trong khi thời lượng phái đoàn Toà thánh dành cho các cuộc viếng thăm một số giáo phận Miền Bắc nhiều gấp đôi. Với những người giáo dân Việt Nam, chuyện thời gian hội đàm ngắn hay dài không phải là chuyện quan trọng. Điều mà người giáo dân Việt Nam trong và ngoài nước quan tâm là Đức Thánh Cha luôn quan tâm tới tình hình Giáo hội tại Việt Nam, nên vẫn tiếp tục đối thoại với Nhà cầm quyền Việt Nam.

Ngay sau buổi hội đàm cuối cùng, một bản thông cáo báo chí được đăng tải. Đọc bản thông cáo, nhiều người chép miệng: “Những lời lẽ có cánh: đóng góp tích cực, tăng cường quan hệ đoàn kết giữa các tôn giáo và qua đó tiến tới khối đoàn kết toàn dân;.. chính sách nhất quán của Việt Nam về tôn trọng tự do tín ngưỡng... có vẻ nghe đã quen tai!”

Dù những cuộc hội đàm giữa phái đoàn Toà thánh Vatican và giới chức cộng sản Việt Nam đã khép lại và kết

chuyên nghiệp về ngành ngoại giao của Tòa Thánh, sau khi tốt nghiệp Trường Ngoại giao của Tòa thánh Vatican. Trên 20 năm qua, Ngài đã được bổ nhiệm đi làm việc tại các Tòa Đại Sứ của Giáo Hội tại nhiều nơi trên thế giới, trong đó gồm cả Tòa Khâm Sứ Vatican ở Hoa Thịnh Đốn. Mới đây Đức ông Dung đã được bổ nhiệm về làm việc tại chính phủ Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh và đặc trách vùng Đông Nam Á Châu.

Cũng nên nhắc lại rằng, trong chuyến thăm Cộng hòa Italia cuối tháng 1-2007, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã tới thăm Tòa Thánh và có cuộc hội kiến với Giáo Hoàng Benedicto XVI. Tại đây, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Đức Giáo Hoàng Benedicto XVI cũng đã nói qua về viễn ảnh việc thiết lập quan hệ ngoại giao và việc Đức Giáo hoàng sang thăm Việt Nam. Phái đoàn của Bộ Ngoại giao Tòa Thánh sẽ có các cuộc gặp gỡ và làm việc với Bộ Ngoại giao Việt Nam do Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Quốc Cường làm trưởng đoàn. Trong khuôn khổ những cuộc tiếp xúc giữa Tòa Thánh và Chính phủ Việt Nam trong vài ngày tới đây, việc xúc tiến các công việc để tiến tới thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai bên sẽ là chủ đề được chú trọng hàng đầu.

Được biết đây là cuộc làm việc đầu tiên của Nhóm Công tác hỗn hợp Việt Nam – Vatican. Chương trình làm việc giữa hai phái đoàn sẽ diễn ra tại Hà Nội.

Ông Lê Dũng, phát ngôn viên Bộ Ngoại giao, trong cuộc họp báo của Bộ Ngoại giao ngày 11-02-2009 tại Hà Nội, cũng cho biết mục đích cuộc họp của Nhóm công tác hỗn hợp này là “để trao đổi về vấn đề thiết lập quan hệ” giữa Việt Nam và Tòa Thánh Vatican. Tuy nhiên, trong các lần gặp gỡ trước, vấn đề nhân sự cũng được đề cập đến và hiện nay

quả theo như nhiều nguồn tin cho biết là chưa thể có việc bình thường hoá quan hệ giữa Vatican và Việt Nam, nhưng các cuộc hội đàm này cũng đã làm hé lộ nhiều điều quan trọng.

Bản thông cáo báo chí được hãng TTXVN đăng tải có đoạn: "Về phía Tòa thánh, Thứ trưởng Parolin ghi nhận trình bày của phía Việt Nam về việc thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo, thừa nhận những tiến bộ tích cực đã đạt được trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam và mong muốn các vấn đề còn tồn tại trong quan hệ giữa Việt Nam và Vatican sẽ được giải quyết bằng thiện chí thông qua đối thoại chân thành". Theo những nhà phân tích, ẩn sau những lời này là thái độ thẳng thắn, dứt khoát của Tòa thánh Vatican đòi buộc Việt Nam phải có những cải thiện xác thực về vấn đề nhân quyền và tự do tôn giáo nhằm tiến tới việc bình thường hoá quan hệ với Vatican nói riêng và với cộng đồng quốc tế nói chung. Theo một nguồn tin nội bộ từ phái đoàn Tòa thánh, chính đòi buộc xác đáng này lại đang là một thách thức lớn cho nhà nước cộng sản Việt Nam và cũng chính vì thế việc tiến tới mỗi quan hệ bình thường hoá sẽ còn "gặp nhiều khó khăn" đúng như nhận định của các hãng thông tấn.

Cũng liên quan đến các cuộc hội đàm giữa phái đoàn Tòa thánh Vatican và giới chức ngoại giao Việt Nam, hãng thông tấn CNA nhận định có thể phái đoàn Vatican đã nghe Hà Nội nhắc về việc truyền chuyển tông giám mục Ngô Quang Kiệt, người đứng đầu giáo phận Hà Nội. Thực ra, theo nguồn tin đáng tin cậy từ một vị lãnh đạo của Giáo hội Việt Nam, giới chức ngoại giao cộng sản Việt Nam không hề đề cập đến chuyện liên quan tới Đức Tổng Giuse Ngô Quang Kiệt. Cũng theo như vị lãnh đạo Giáo hội nhận xét, giới lãnh đạo nhà nước cộng sản Việt Nam không nhắc đến chuyện này, vì mấy tháng trước đây họ đã quá bế mặt với cộng đồng quốc tế khi thực hiện chiến dịch truyền thông bôi nhọ, hạ giá tư cách của một con người thực sự yêu nước, cương trực và ngay thẳng.

Nhiều người cũng đã đặt câu hỏi: biết chắc chưa thể tiến tới việc bình thường hoá quan hệ với một nhà nước cộng sản Việt Nam, vậy tại sao phái đoàn ngoại giao Tòa thánh vẫn thực hiện chuyến viếng thăm này? Một linh mục thường tháp tùng phái đoàn khi phái đoàn viếng thăm các nơi, đã đưa ra nhận định rằng sở dĩ phái đoàn Tòa Thánh sang thăm Việt Nam lần này cốt để thấy rõ hơn tình hình Giáo hội Việt Nam sau những

tháng ngày sóng gió, đồng thời cũng để bày tỏ quan điểm của Tòa thánh là đứng về phía người nghèo trên nẻo đường tìm kiếm công lý và sự thật.

Thiên Bình
VietCatholic News 20-02-2009

Nhìn lại CUỘC CHIẾN 1979 VÀ MỐI QUAN HỆ VIỆT-TRUNG

++++++*Trung Điền *11-02-2009*++++++



Cách nay 30 năm, lúc 5 giờ sáng ngày **17 tháng 2 năm 1979**, Trung Quốc, dưới sự chỉ đạo của Đặng Tiểu Bình đã đưa 80 ngàn quân nô súng và tràn qua biên giới Việt Trung, đánh chiếm từ Phong Thổ, Lai Châu tới Mông Cái, thuộc 6 tỉnh phía Bắc vùng biên giới Việt-Trung. Cuộc chiến kéo dài đến ngày **5 tháng 3** thì Trung Quốc đơn phương rút quân về phía biên giới Trung Quốc. Trong suốt **16 ngày** tràn qua biên giới, gọi là dạy cho "Cộng sản Việt Nam một bài học", quân Trung Quốc đã phá tan nhà cửa tại Lào Cai, Đồng Đăng, Lạng Sơn và nhất là đã san bằng bình địa thị xã Cao Bằng trước khi rút quân. Cuộc chiến 16 ngày đã không chỉ tàn phá 6 tỉnh phía Bắc mà còn dẫn đến những thương vong đáng kể. Phía Trung Quốc có 26 ngàn người chết, 37 ngàn người bị thương và có 265 người bị bắt làm tù binh. Phía Cộng sản Việt Nam có hơn 30 ngàn người chết, 32 ngàn người bị thương và có 1,638 người bị bắt làm tù binh.

Tuy rút về phía biên giới, nhưng Trung Quốc vẫn tiếp tục các cuộc pháo kích vào làng xóm Việt Nam cũng như tiếp tục chiếm đóng những khu vực chiến lược trong vùng biên giới, dẫn đến những cuộc xung đột đẫm máu kéo dài đến năm 1988 mới chuyển sang các cuộc

đàm phán về ngoại giao. Trong gần 10 năm xung đột biên giới, hai phía đã có những cuộc ác chiến diễn ra trong hai năm 1984 và 1985 khiến cho hàng chục ngàn người của hai phía bị chết và bị thương, trong đó những thường dân vô tội phía Việt

Nam đã bị quân Trung Quốc tàn công và tàn sát rất dã man. Sau cuộc chiến nói trên, cả hai phía Trung Quốc và Cộng sản Việt Nam đều tuyên bố chiến thắng, nhưng không bên nào cho thấy rõ những ưu thế của sự chiến thắng. Phía Trung Quốc đã không áp lực được Cộng sản Việt Nam rút ra khỏi Campuchia và cũng không giải quyết được vấn đề Hoa Kiều bị đàn áp như Đặng Tiểu Bình rêu rao vào lúc đó; ngược lại phía Cộng sản Việt Nam tuy huy động toàn bộ lực lượng quân sự để phản công lại lực lượng Trung Quốc nhưng đã không chiếm được các khu vực chiến lược mà quân Trung Quốc chiếm đóng để phải bị mất vào tay Trung Quốc trong những cuộc đàm phán ngoại giao sau này.

Cuộc chiến xung đột biên giới giữa Cộng sản Việt Nam và Trung Quốc xảy ra vào năm 1979 là hệ quả của một chuỗi những xung đột quan điểm giữa Cộng sản Việt Nam và Trung Quốc liên quan đến cuộc chiến Việt Nam, từ năm 1969, khi Trung Quốc mở cuộc tiếp xúc với Hoa Kỳ. Trên bề mặt, Trung Quốc giúp cho Cộng sản Việt Nam để tiến hành các cuộc chiến tranh phá hoại tại miền Nam Việt Nam, nhưng trong thâm tâm, Trung Quốc không muốn Cộng sản Việt Nam chiếm miền Nam, thống nhất hai miền để trở thành một lực lượng đối trọng lại Bắc Kinh. Do đó mà khi Cộng sản Việt

Nam chiếm xong miền Nam, Trung Quốc đã công khai ủng hộ Pol Pốt sau năm 1975, để tạo ra những cuộc xung đột biên giới ở phía Nam giữa Cộng sản Việt Nam và Khờ Me Đò hầu ngăn chặn tham vọng xây dựng Liên bang Đông Dương của Hà Nội. Cuộc xung đột bắt đầu bùng nổ lớn khi Cộng sản Việt Nam chính thức ký hiệp ước hữu nghị với Liên Xô vào tháng 6 năm 1978 và tiến chiếm Campuchia vào tháng 1 năm 1979. Đối với Trung Quốc vào lúc đó, hai hành động thân thiện với Liên Xô và xâm chiếm Campuchia của Cộng sản Việt Nam là một sự khiêu khích. Đặng Tiểu Bình không thể mang quân sang Campuchia để giúp cho Pol Pốt lấy lại nước như Liên Xô từng làm ở Đông Âu vì sợ Hoa Kỳ và các quốc gia phương Tây cô lập; lúc đó họ Đặng chỉ vừa mới phục hồi quyền lực từ cuối năm 1978 sau khi đảo chánh nhóm Tứ Nhân Bang.

Đặng Tiểu Bình đã chọn con đường đánh thẳng vào Việt Nam qua biên giới, dưới danh nghĩa "Phản công tự vệ" để cứu người Hoa đang bị Hà Nội đàn áp. Họ Đặng gọi đây là hành động cần thiết để "dạy cho Cộng sản Việt Nam một bài học". Tuy nhiên qua kết quả của cuộc chiến, người ta không thấy họ Đặng đã dạy cho Cộng sản Việt Nam bài học gì nhưng lại phơi bày cho dư luận thế giới nhìn thấy hai hình ảnh tương phản:

Thứ nhất là sự lạc hậu của lực lượng quân sự Trung Quốc sau nhiều thập niên bế môn tiến hành những bước nhảy vọt không tương ở bên trong Hoa Lục. Hình ảnh con cạp giấy của Trung Quốc đã biểu hiện rõ nét qua cuộc chiến biên giới 16 ngày với Cộng sản Việt Nam. Chính điều này đã thúc đẩy họ Đặng phải cải tổ lại quân đội và đã trở thành một trong bốn chủ trương hiện đại hóa mà Trung Quốc theo đuổi từ năm 1980 cho đến nay. Đặng Tiểu Bình đã dồn rất nhiều cho ngân sách quốc phòng để tân trang quân đội, đặc biệt là hải quân để kiểm chế biển Đông vào tay Trung Quốc.

Thứ hai là tuy Cộng sản Việt Nam đã đẩy lui được lực lượng biên

người của Trung Quốc sau 16 ngày giao tranh, nhưng hệ quả của cuộc xung đột kéo dài 10 năm sau đó đã làm cho Cộng sản Việt Nam rơi vào tình thế kiệt quệ mọi mặt. Do nhu cầu an ninh phía Bắc, Cộng sản Việt Nam đã phải tổng động viên để tăng quân số hầu trấn giữ vùng biên giới phía Bắc và tiếp tục chiếm đóng Lào và Campuchia. Vì phải tập trung giải quyết nhu cầu chiến tranh với Trung Quốc và nhất là đối phó với tình trạng cô lập ngoại giao và phong tỏa kinh tế của thế giới do việc chiếm đóng Campuchia, Cộng sản Việt Nam hoàn toàn dựa vào Liên Xô, khiến nội bộ đảng bắt đầu phân hóa trầm trọng với hai phe thân Liên Xô và thân Tàu xung đột lẫn nhau.

Trong suốt 10 năm xung đột kể từ cuộc chiến xảy ra vào tháng 2 năm 1979, Hà Nội và Bắc Kinh đã coi nhau như kẻ thù không đội trời chung. Trong 10 năm này, kinh tế của Cộng sản Việt Nam càng ngày càng xuống dốc, từ một quốc gia sản xuất gạo biến thành một nước rơi vào tình trạng thiếu đói phải kêu gọi Liên Hiệp Quốc viện trợ hơn 5 triệu Mỹ kim thực phẩm vào năm 1984. Trong khi đó, Đặng Tiểu Bình tập trung phát triển kinh tế và mở cửa giao thương với Mỹ; nhờ vậy mà đến năm 1990, nền kinh tế Trung Quốc đã phục hồi và có một chỗ đứng đáng kể tại Á Châu từ một đất nước tan hoang dưới triều đại Mao Trạch Đông. Nhưng sự sụp đổ của khối Cộng sản quốc tế tại Đông Âu vào năm 1989, đưa đến sự tan rã khối Liên Xô vào đầu thập niên 90 của thế kỷ 20 đã làm thay đổi mối quan hệ thù địch giữa Bắc Kinh và Hà Nội. Cả hai vì nhu cầu sống còn trước nguy cơ "diễn biến hòa bình" của thế giới tự do, đã phải tìm đến để "sống chung hòa bình".

Tháng 10 năm 1990, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười và Phạm Văn Đồng đã bay sang thủ đô của Trung Quốc để gặp Giang Trạch Dân và Lý Bằng, nói lại mối quan hệ đảng và nhà nước; nhưng mãi đến tháng 11 năm 1991, hai phía mới chính thức nói lại quan hệ ngoại giao bình thường. Trong quan hệ mới này, vấn đề biên giới vẫn tiếp tục là đề

tài gai góc cho hai phía. Trung Quốc đã tìm cách khuynh loát nội bộ Cộng sản Việt Nam bằng nhiều thủ đoạn để lôi kéo những phe nhóm sẵn sàng ngả theo chủ trương đàm phán của Trung Quốc. Năm 1999, Trung Quốc đã đạt được kết quả khi thúc đẩy được Tổng bí thư Lê Khả Phiêu ra lệnh cho Bộ ngoại giao Cộng sản Việt Nam phải xúc tiến ký hiệp ước biên giới vào cuối năm 1999 và hiệp định Vịnh Bắc Việt vào giữa năm 2000. Kể từ đó, những ảnh hưởng của Trung Quốc càng ngày càng đè nặng lên các bước đi của Cộng sản Việt Nam.

Hiện nay, tuy Cộng sản Việt Nam mở rộng giao thương với mọi quốc gia nhưng cán cân mậu dịch vẫn nghiêng về phía Trung Quốc. Kim ngạch nhập siêu của Cộng sản Việt Nam với Trung Quốc tăng từ 200 triệu Mỹ Kim năm 2001 lên 1 tỷ Mỹ kim năm 2003, gần 8 tỷ Mỹ kim năm 2007 và 10 tỷ Mỹ kim trong năm 2008. Cộng sản Việt Nam xuất cảng sang Trung Quốc 3,9 tỷ Mỹ kim trong khi nhập cảng từ Trung Quốc tới 11,9 tỷ Mỹ kim trong năm 2007. Trung quốc chủ yếu xuất cảng hàng công nghiệp sang Cộng sản Việt Nam trong khi Cộng sản Việt Nam bán sang Trung Quốc chỉ là những sản phẩm thô hoặc sơ chế khai thác từ các quặng mỏ, cao su, rau trái.

Tóm lại, mối quan hệ giữa Bắc Kinh và Hà Nội kể từ cuộc chiến 1979 cho đến nay, rõ ràng là Cộng sản Việt Nam càng ngày càng bị cuốn hút vào quỹ đạo Bắc Kinh. Điều này cho thấy vì sao Hà Nội không dám lên tiếng đòi Trung Quốc phải trả lại hai quần đảo Hoàng sa - Trường sa cũng như tìm cách ngăn chặn những ai viết lên sự thật về cuộc chiến năm 1979. Hiện nay, Hà Nội còn cho cán bộ Trung Quốc vào tận Tây Nguyên để khai thác mỏ Bauxit ở Đắk Nông. Việc khai thác này không mang lại lợi nhuận bao nhiêu về mặt kinh tế nhưng sẽ gây ra nhiều tai hại về mặt môi sinh cho Việt Nam. Đây là một hành động sai lầm của Hà Nội mà chúng ta không thể nào im lặng. Rõ ràng là sau 30 năm cuộc chiến đẫm máu với Trung Quốc, Việt Nam

Nhớ lại những ngày cách đây chưa lâu, dàn đồng ca báo chí nhà nước được lệnh đã nhất loạt dùng những ngón đòn như bản nhất để đánh phá, kích động hằn thù đối với một cộng đồng tôn giáo ở Hà Nội. Thậm chí trên truyền hình Trung ương, hàng loạt bản tin, hàng loạt chương trình nhằm bôi xấu cộng đồng tôn giáo, xuyên tạc sự thật, bắt chắp nhân tâm đã được ưu tiên. Khi đó những từ ngữ "lòng yêu nước, tự hào dân tộc..." trên chót lưỡi đầu môi được thể hiện 1 cách cuồng nộ nhất.

Đâu rồi những lời gào thét "yêu nước" đến khản giọng khi muốn nhấn chìm một lãnh tụ tôn giáo và một cộng đồng dân tộc? Đâu rồi các quan chức khi mở miệng nói về "lòng tự hào dân tộc", "tự hào là người VN" khi xuyên tạc câu nói của Đức Tổng Giám mục Hà Nội nhằm làm mờ cho lũ cô hồn đòi giết người trong đêm?

Đâu rồi đám quần chúng tự phát vì "yêu nước thương nòi" đêm nào bao vây Thái Hà và Tòa Khâm sứ? Đâu rồi đám "Đoàn Thanh niên CS Hồ Chí Minh" những đêm nào bao vây giáo dân, phá rối và khiêu khích đoàn người cầu nguyện bằng những cú hích vào mạng sườn và những bãi nước bọt nhỏ vào mặt và gào lên "Như có bác Hồ..."? Đâu rồi đám "Ủy ban Đoàn kết Công giáo" đang là "đại diện của giới Công giáo" yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội?

Tất cả trốn đầu hết mà để ngày này, kỷ niệm 30 năm cuộc chiến anh hùng giữ gìn đất đai thiêng liêng của Tổ quốc lại để các chiến sỹ trận vong thêm tủi nhục cho sự hi sinh của mình bởi sự lãng quên và vô cảm.

Thật đáng thương thay cho thân phận báo chí nô lệ và những con người chỉ biết tôn thờ đồng tiền bắt chắp lương tâm.

Thật đáng thương thay cho cả những con người yêu nước thương nòi thật sự mà không dám hay không thể nói lên được suy nghĩ của mình.

Thật đáng thương thay cho một đất nước, khi mà cả dân tộc đang phải mím miệng, ngậm tằm trước những sự càn rỡ hống hách của bọn xâm lăng đối với bờ cõi đất nước.

Phải chăng họ đã quên, phải chăng họ đã không còn nhớ những điều không bao giờ được quên đó? Tôi không nghĩ thế. Vậy ai dạy họ quên những điều này?

Hay bởi họ bị cấm không được nhớ, không được nói ra? Ai cấm họ nói lên lòng yêu nước của mình, những người đó có yêu nước thương nòi thật sự không?

Phải chăng khi cả xã hội, cả đất nước đua nhau hò hét giành giật từng

mảnh đất, tài sản của từng cá nhân, tổ chức trong nước, thì họ đã quên mất tất cả? Đáng thương thay.

Bên tai tôi vẫn văng vẳng một câu nói 30 năm trước của Đài Tiếng nói Việt Nam về bọn bành trướng bá quyền Bắc Kinh rằng: "Một đất nước mà trong ngoài lục đục trên dưới không yên thiên hạ bất đồng nhân tâm ly tán thì thử hỏi có sức mạnh làm sao được".

Hà Nội, Kỷ niệm 30 năm ngày

động theo yêu cầu của Mỹ.

Trong khi ấy, chính quyền miền Bắc lãnh đạo bởi Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị đảng Cộng Sản, đã theo lệnh của Trung Cộng giết dân Việt qua chính sách Cải cách ruộng đất. Trung Cộng bắt phải đạt chỉ tiêu tàn sát 5% dân số, gọi là địa chủ. Không đủ thì đôn lên cho đủ. Giết đợt đầu còn thiếu, thì phải đầu

RÓT MẶT NẠ TÔI ĐÒI PHƯƠNG BẮC

Đa Nguyên 18-02-2009

chiến tranh bảo vệ Biên giới phía Bắc 17/2/1979 - 17/2/2009.

Vào dịp Tết năm ngoái, đảng CSVN đã tổ chức rầm rộ kỷ niệm 40 năm biến cố Mậu Thân, một biến cố do họ chủ xướng, gây tổn thất nhân mạng cho hàng chục ngàn người Việt từ cả hai phía Bắc Nam.

Năm nay, vào dịp kỷ niệm cuộc chiến 17 tháng 2 do Trung Quốc gây ra 30 năm trước, Cộng sản Việt Nam chẳng những không làm gì cả, mà còn chuẩn bị đàn áp những ai muốn bày tỏ tình cảm của mình đối với biến cố đau thương ngày.

Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ VOA ngày 18 tháng 2, trích tin của Reuters cho biết báo chí Việt Nam đã không đề cập gì tới cuộc chiến tranh Việt Trung 30 năm trước đây, dù tại một công viên nhỏ gần Đại Sứ Quán Trung Quốc ở Hà Nội, khoảng 40 nhân viên cảnh sát VN đã tập dượt diễn hành hôm thứ Ba.

Thái độ của Hà Nội đã tự tố cáo Bộ chính trị đảng CSVN chỉ là một lũ nô dịch của Bắc Kinh.

Từ năm 1954, Cộng sản Bắc Việt gọi chính quyền miền Nam do ông Ngô Đình Diệm đứng đầu là bù nhìn của Mỹ. **Nhưng miền Nam không nhượng đất cho Mỹ, không giết dân theo lệnh của Mỹ. Và 9 năm sau, ông Diệm thà chết cùng anh em mình, hơn là chịu hành**

tổ thêm các đợt kế tiếp. Theo tài liệu chính thức do Hà Nội xuất bản năm 2004, chỉ riêng Cải cách ruộng đất đợt 5 vào các năm 1955-1956 tại 3.563 xã, đã có tới 172.008 người bị sát hại.

Năm 1958, Trung Quốc tuyên bố lãnh thổ của họ bao gồm cả các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Cộng sản Việt Nam chẳng những không phản đối, còn mau chóng lên tiếng ủng hộ. **Năm 1974, Hải quân Trung Quốc chiếm Hoàng Sa, Việt Nam Cộng Hòa chống trả mãnh liệt, trong khi Hà Nội không hề có phản ứng.**

Vì đã lệ thuộc quá sâu đậm vào Trung Quốc. Nhờ chuyên viên Trung Quốc để thắng tại Điện Biên Phủ, nhờ vũ khí Trung Quốc để thắng trong trận chiến chiếm miền Nam, nên cuối thập niên 70, khi Cộng sản Việt Nam đi với Liên Xô, đã bị **Đặng Tiểu Bình cho là vô ân bạc nghĩa, và trừng phạt bằng cách kéo hàng chục vạn quân sang đánh vào ngày 17 tháng 2 năm 1979, gọi là cho một bài học.**

Bài học 30 năm trước vô cùng đắt giá, cho cả hai bên. Nhân kỷ niệm 30 năm cuộc chiến Trung Quốc - Việt Nam, đài BBC đã công bố một bài viết của hãng AFP, theo đó, đến nay các số liệu thiệt hại về cuộc chiến 1979 vẫn chưa được nêu

rõ. Các học giả bên ngoài Trung Quốc nói trong tháng đầu tiên đã có 25.000 đến 63.000 người phía Trung Quốc bị giết, với con số phía VN từ 20.000 đến 62.000.

Cuộc chiến do Trung Quốc gây ra, chỉ kéo dài trong một tháng, nhưng số thiệt hại về nhân mạng mỗi bên, còn lớn hơn cả số quân Mỹ thiệt hại tại Việt Nam trong hơn mười năm. Nhưng theo bài Vì sao VN phải ghi nhớ ngày 17-02 của Bác Sĩ Phạm Hồng Sơn, viết từ Hà Nội vào ngày 15 tháng 2, 2009, thì:

Chỉ còn vài ngày nữa thôi là đến ngày kỉ niệm 30 năm, thế mà tuyệt nhiên không có bài báo nào nói về biến cố này trên báo chí nhà nước. Suốt mấy năm gần đây, truyền thông chính thức tại Việt Nam hoàn toàn lờ đi không nói gì về những vấn đề liên quan đến Trung Quốc, chẳng hạn như thoả thuận biên giới 1999, và lãnh thổ và lãnh hải bị mất về tay Trung Quốc.

Nhiều nhà hoạt động cũng như người viết nhật kí cá nhân từng cố gắng nói lên sự thâm độc của Trung Quốc thì bị bỏ tù hay bị truy bức. **Rõ ràng là giới chức đương quyền tại Việt Nam không muốn nhắc đến biến cố này; họ cố tình câm nín và bịt miệng những ai muốn đối đầu với quyền bá chủ của Trung Quốc.**

Thực tế cho thấy Hà Nội đã hèn hạ tới mức không dám dả động tới những việc làm tàn ác và ngang ngược của Trung Quốc đối với Việt Nam, nhưng sẵn sàng lên tiếng ca tụng Trung Quốc về cả những chuyện đáng chê trách.

Tin VOA ngày 17-02 cho biết, tại Hội đồng Nhân quyền Liên Hiệp Quốc họp ở Geneva, trong khi các nước tự do dân chủ chỉ trích thành tích nhân quyền của Trung Quốc thì: Theo thông cáo báo chí của Hội đồng Nhân quyền Liên Hiệp Quốc, đại diện của Việt Nam đã lên tiếng ca ngợi điều mà họ gọi là 'chính sách phát triển lấy con người làm gốc' của Trung Quốc, giúp cho nước này đạt được 'những thành tựu to lớn trong lãnh vực nhân quyền'.

Cuộc chiến do Trung Quốc chủ tâm gây ra vào ngày 17-02-1979 tuy chỉ kéo dài một tháng, nhưng thiệt

hại rất cao. Ngoài các binh sĩ bị hy sinh, tài sản của thường dân 6 tỉnh biên giới bị phá tan hoang, phụ nữ bị hãm hiếp, nhiều trẻ em không chết vì đạn lạc, mà bị chặt bằng giao, bằng búa. Vậy mà 30 năm sau, cả lính lẫn dân bị hy sinh đều không được nhắc nhở, không được kỷ niệm cho phải phép.

Theo tin BBC ngày 15 tháng 2: Tại nghĩa trang Lạng Sơn nơi chôn hàng trăm bộ đội VN, nhà báo John Ruwitch của Reuters đề ý một số hàng bia ghi rõ họ chết trong giai đoạn nào: "chống Pháp" hoặc

"chống Mỹ". Nhưng đa số bia chỉ ghi "bảo vệ Tổ quốc", ám chỉ cuộc chiến nổ ra ngày 17-2-1979 khi quân TQ tràn sang biên giới. Cộng sản Việt Nam sợ Trung Quốc tới mức không dám thành thật cả trên mộ bia những chiến sĩ đã hy sinh.

Vào dịp Tết năm ngoái, đảng Cộng Sản Việt Nam đã sử dụng ngân sách quốc gia, tổ chức Ăn mừng 40 năm biên cố Mậu Thân, với cả chục ngàn người tham dự.

Mình giết quân, giết dân mình ngay trong ngày Tết thiêng liêng, thì tung bưng kỷ niệm. Lân bang

CHÚNG NÓ ĐÃ BIẾN HÌNH

Chúng nó đã thay nón cối bằng chiếc đầu bóng láng.
Nhưng bộ óc của chúng không có gì thay đổi.
Chúng nó đã thay chiếc áo bốn túi Ba Tàu bằng bộ com-lê lịch sự,
Nhưng lòng dạ hung hiểm của chúng vẫn còn nguyên đó.
Chúng nó đã thay chiếc dép râu góm ghieéc bằng đôi giày da đắt giá,
Nhưng dấu chân tội ác của chúng chẳng thể xóa mờ !
Chúng nó đã thay chiếc đồng hồ Liên Xô bằng đồng hồ Thụy Sĩ,
Nhưng đôi bàn tay nhám nhúa của chúng vẫn còn trơ trơ!
Chúng nó đã thay chiếc xe đạp thồ bằng chiếc Dream, Mercedes,
Nhưng cốt lõi bản cố vẫn chình ình ra đó !
Chúng nó đã gửi con đi Mỹ thay vì đi Liên Xô, Trung Quốc,
Nhưng Tượng Nữ Thần Tự Do không phải chỗ chúng nó tôn thờ !
Chúng nó đã biết van nài người ngoại quốc đầu tư,
Nhưng cuối cùng chỉ làm giàu cho tư bản Đô.
Chúng nó đã biết chơi trò chơi thị trường chứng khoán,
Nhưng người dân thì nghèo đói xác xơ !
Chúng nó đã biết xây những khách sạn nguy nga đồ sộ,
Nhưng chỉ là những chỗ ăn chơi trác táng !
Chúng nó đã biết mở cửa cho người ta du lịch,
Nhưng đất nước lại biến thành ổ gái điếm khổng lồ!
Việt Cộng ơi !
Mi là hung thần ác sát !
Là tiền oan nghiệp chướng !
Là kẻ thù của dân tộc Việt Nam !

Đào Văn Bình

CỘT MỐC OAN HỒN

Ai đem phiến đá vô hồn
Biến thành Cột Mốc Oan Hồn, hỡi ai !!!
Núi cao soi bóng sông dài
Sao thu hẹp để u hoài núi sông ?
Nỗi đau đã nhức mọi lòng
Nỗi hờn tươm máu triệu dòng lệ chan
Bao đời mốc tại Nam Quan
Sao nay Móng Cái, Hà Giang hờ Trời !?
Vết dao, cột mốc, còn tươi
Cát da thịt Mẹ chao ơi, bạo tàn !!!
Hỡi Bán Giốc, hỡi Nam Quan
Sao đem đất nước Việt Nam dâng người ?
Đất ta, xương máu, cơ ngơi
Ông cha ta đã bao đời dựng xây
Quyền chi cắt đất dâng thày ?
Tại sao làm nước non này đau thương ???
Niềm đau, nỗi nhục quê hương
Hỡi ai, tráng sĩ, tuốt gươm báo đền!
Ta ơi, toàn quốc đứng lên !
Nhỏ phăng cọc mốc oan khiên, xây đời...

Ngô Minh Hằng

**bổng dưng giết quân, giết dân
mình thì nín khe, không dám
nhắc nhở, dù trong ngày giỗ.**

Chẳng những quá như nhục,
đảng Cộng sản còn tỏ ra không biết
nhục, cả với những người đã từng bị
lên án là bù nhìn cho ngoại bang./.

Hoa Thịnh Đồn 18.2.2009

30 VN *im re trước sự kiện* **30 năm chiến tranh biên giới Việt-Trung** ★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★★ **Ngọc Khánh 19-02-2009**

*Đàng chọn con đường im lặng,
ngậm miệng ăn tiền. Lịch sử cũng
như vong linh của những người nằm
xuống vì giữ gìn từng tấc đất biên giới
phía Bắc của Tổ quốc sẽ không tha
thứ cho đấng.*

Ngày 17 tháng 2 năm 2009 đánh
dấu 30 năm cuộc chiến biên giới giữa
Việt Nam và Trung Quốc, thường
được gọi là cuộc chiến biên giới Việt -
Trung. Vào ngày này, 30 năm trước,
Trung Quốc đã đưa quân tràn vào
biên giới Việt Nam với ý đồ "dạy cho
Việt Nam một bài học". Tại thủ đô Hà
Nội khi đó, chính quyền đã rục rịch
chuẩn bị kế hoạch sơ tán vì lo ngại
Trung Quốc có thể tiến vào Hà Nội.
Chiến sự diễn ra ác liệt, thương vong
vô kể, lính cũng như dân.

Đúng một tháng sau, ngày 18/3,
Trung Quốc rút quân và cả hai nước
đều tuyên bố chiến thắng trong cuộc
chiến này. Trung Quốc đã hoàn thành
việc "dạy học" cho Việt Nam. Việt
Nam tuyên bố đã đánh đuổi "quân
xâm lược bành trướng Bắc Kinh".

Số lượng "quân địch" bị tiêu diệt
cũng như thương vong của thường
dân do hai bên đưa ra cũng hết sức
khác nhau. Nhưng tựu trung lại, mỗi
bên đã thiệt mạng hàng chục ngàn
binh lính, có những bản làng Việt
Nam bị xóa sạch, các tỉnh biên giới
của Việt Nam bị phá hủy nặng nề,
chưa có một thống kê rõ ràng nào
sau 30 năm về thương vong của dân
thường cũng như những thiệt hại vật
chất được công bố.

Cuộc chiến mà "2 bên đều chiến
thắng" này được một số nhà phân
tích cho rằng, đó là hậu quả của mối
quan hệ đã có dấu hiệu rạn nứt từ
những năm trước đó.

Trung Quốc cho rằng đã giúp đỡ
về người và của để Việt Nam chống
Mỹ nhưng khi xảy ra mâu thuẫn giữa

Liên Xô và Trung Quốc thì Việt Nam
lại ngả theo Liên Xô. Những bất đồng
đôi bên về vấn đề người Hoa, việc
Việt Nam chính thức tuyên bố chủ
quyền với Hoàng Sa và Trường Sa
sau năm 1975... cũng đầy mâu thuẫn
giữa 2 nước lên cao. Và giọt nước
cuối cùng đã tràn ly khi Việt Nam đưa
quân đội vào Campuchia lật đổ chế

độ Khmer đỏ thân Trung Quốc. Trung
Quốc lên án Việt Nam vô ơn, ngạo
ngược. Việt Nam chửi Trung Quốc
phản bội, bắt tay với Mỹ từ năm 1972,
xúi giục, tiếp tay Campuchia chống lại
Việt Nam, ôm mộng bành trướng, bá
quyền... "Lời qua tiếng lại" giữa đôi
bên đã kết thúc bằng sinh mạng của
hàng trăm ngàn dân thường cũng
như binh lính.

Những năm tiếp theo đó, chiến sự
lê tê vẫn xảy ra ở biên giới, binh lính
và dân thường Việt Nam vẫn tiếp tục
bị sát hại. Mặc dù khi rút quân Trung
Quốc tuyên bố "không thêm dù chỉ
một tấc đất của Việt Nam" nhưng
phía Trung Quốc vẫn chiếm giữ nhiều
khu vực, đặc biệt những vị trí quan
trọng về mặt quân sự. Trong những
năm 1981-1990, báo chí vẫn đưa tin
về những cuộc giao tranh này, cáo
buộc Trung Quốc xâm lấn biên giới
và giết hại thường dân Việt Nam.

Theo Bách khoa toàn thư, có 6
đợt giao tranh lớn diễn ra trong
những năm 80 và đều do Trung Quốc
gây hẳn. Có những quả đồi liên tục
"đổi chủ" sau mỗi cuộc giao tranh.
Chiến sự gia tăng vào năm 1985, Việt
Nam cáo buộc Trung Quốc bắn 1
triệu quả đạn pháo vào lãnh thổ Việt
Nam, không tôn trọng cả thỏa thuận
tạm ngừng bắn nhân dịp Tết Nguyên
Đán. Nghĩa trang liệt sĩ tại biên giới
Việt - Trung còn ghi lại những trường
hợp binh sĩ Việt Nam hy sinh vào
năm 1990.

Cuộc chiến "lâu dài và gian khổ"
này chỉ kết thúc vào năm 1992 sau
khi Liên Xô - chỗ dựa vật chất và tinh
thần của Việt Nam tan rã, Việt Nam
rút quân ra khỏi Campuchia.

Quan hệ Việt - Trung sang trang
sử mới hay nói theo "ngôn ngữ ngoại
giao hiện đại" hiện nay là "lên tầm
cao mới"!

Ba mươi năm đã trôi qua.

Khác với sự rùm beng trong
những dịp kỉ niệm ngày thành lập
đảng, thành lập quân đội, ngày 30-4
thống nhất đất nước... hay gần đây
nhất là ngày dịp 30 năm giải phóng
Campuchia, báo chí, truyền thông
Việt Nam không một lời nhắc đến
cuộc chiến này. Họ quên, lú, ngọng,
câm như hén cả một lượt?

Không! Chắc chắn các nhà báo dù
là bồi bút đi nữa cũng không đến nỗi
lú ruột, lú gan như vậy. Chắc 700 tờ
báo lẻ phải này đã nhận được lệnh
phải im miệng lại.

Vì lí do gì đảng cho cả một giai
đoạn lịch sử của dân tộc vào sọt rác
như vậy? Vì lí do gì toàn dân phải
im lặng trước một sự kiện lịch sử lớn
như vậy? Không lẽ vong linh của cả
trăm ngàn binh lính và dân thường
Việt Nam không đáng được thấp một
nén nhang?

Phải chăng đảng lo ngại vì mối
quan hệ Việt-Trung đang thời kì mặn
nồng? Không hẳn vậy. Bao nước trên
thế giới họ vẫn nhắc lại lịch sử dù
quan hệ đang tốt đẹp cỡ nào đi nữa.
Đức, Nga, Ba Lan, Pháp, Mỹ... họ
vẫn kỉ niệm chiến thắng Phát xít Đức.
Nhật - Mỹ vẫn "ôn bài" về những xung
đột cũ mà có ai phật ý đâu? Ngay cả
khi Việt Nam và Mỹ quan hệ tốt đẹp
rồi, Việt Nam vẫn kỉ niệm rầm rộ
chiến thắng 30/4, vẫn chiếu lại các
phim tư liệu lịch sử, tổ chức các triển
lãm ảnh... kia mà. Việc VN tự hào vì
"đánh bại thực dân Pháp, đế quốc
Mỹ" đâu có ảnh hưởng gì tới quan hệ
bang giao với các nước đó đâu.

Vậy tại sao kỳ này đảng lại im re?
Chỉ có một lý do. Đảng không muốn
khơi dậy lòng căm thù, không muốn
đánh thức lòng yêu nước chống
Trung Quốc vốn chảy trong máu dân
tộc Việt qua suốt 4000 năm lịch sử
với 1000 năm Bắc thuộc. Ngọn lửa đó
chỉ chực bùng cháy nhất là khi có
những tranh chấp mấy năm gần đây
về biên giới và hải đảo với Trung
Quốc. Trước kia, việc Trung Quốc
chiếm giữ Hoàng Sa và nhiều đảo
thuộc quần đảo Trường Sa còn là
chuyện bí mật (của riêng đảng), mấy
năm nay đã là đề tài tài mọi nơi từ
công sở tới vỉa hè. Xi xào về nó từ
già tới trẻ, từ trí thức tới nông dân...

Việc Trung Quốc công khai thành
lập thành phố cấp huyện Tam Sa để
quản lý 2 quần đảo này đã làm bùng
lên làn sóng biểu tình chống Trung
Quốc cả trong nước và hải ngoại.
Đặc biệt và bất ngờ là giới trẻ, sinh
viên Việt Nam đã đi tiên phong trong
việc biểu tình này. Những cuộc biểu
tình đó đã bị nhà nước bằng mọi cách
ngăn chặn, phá hủy.



Gần đây, sự việc Trung Quốc ngang nhiên công bố dự án khai thác dầu hỏa ở thềm lục địa Vịnh Bắc Bộ với dự án lên tới 30 tỉ USD, việc hai bên công bố hoàn thành cắm mốc biên giới Việt - Trung với dự luận về những thiệt hại về lãnh thổ qua hiệp định biên giới này làm những người Việt Nam có lương tri không khỏi bất bình. Vài tiếng nói lẻ tẻ công khai lên tiếng về Ai Nam Quan và thác Bản Giốc, đại đa số giữ thái độ im lặng và chờ đợi thời cơ.

Ý thức dân tộc, tinh thần chống ngoại xâm được hun đúc từ thế hệ ông cha nay chỉ chực bùng nổ. Như một quả bom nổ chậm, chỉ một tác động mong manh nào đó, nó sẽ nổ tung. Đảng ngại là phải. Đoàn anh Trung Quốc nay gần như là chỗ dựa duy nhất để đảng độc quyền cai trị. Bắc Hàn, Cu Ba đang bị cô lập và ngày càng trở lên lạc lõng, kì quặc trước thế giới văn minh. Đảng không thể để dân Việt căm thù Trung Quốc. Không đại gì đảng gọi nhớ cuộc chiến chống TQ. Biết đâu đó, nó là sẽ là ánh lửa làm bùng lên làn sóng biểu tình chống Trung Quốc, làm nổ tung quả bom nổ chậm vốn âm ỉ trong lòng dân chúng VN. Làm vậy là đảng toi.

Đảng chọn con đường im lặng, ngậm miệng ăn tiền. Lịch sử cũng như vong linh của những người nằm xuống vì giữ gìn từng tấc đất biên giới phía Bắc của Tổ quốc sẽ không tha thứ cho đảng.

<http://danchimviet.com>

Ngày 04-02-2009, trong một cuộc họp báo diễn ra tại Hà Nội, thủ tướng CSVN Nguyễn Tấn Dũng khẳng định: “Việc khai thác bauxite tại Tây Nguyên là chủ trương lớn của đảng và nhà nước”.

Nhà nước là con đẻ của đảng. Đảng là một tổ chức của tư nhân. Đảng và nhà nước không do người dân tự do bầu ra. Đảng và nhà nước hoàn toàn không đại diện cho người dân. Đảng và nhà nước hiển nhiên là một chế độ phi chính thống.

Vì vậy cái mà Nguyễn Tấn Dũng lớn tiếng gọi là “chủ trương lớn của đảng và nhà nước” chỉ là một nhóm chữ trống rỗng. Nó triệt để vô nghĩa về mặt pháp lý. Trên căn bản trống rỗng và vô nghĩa kia, CSVN vẫn liều lĩnh biến chương trình khai thác bauxite tại Việt Nam thành hành động cụ thể.

Quặng bauxite được dùng để chế biến nhôm. Trung bình 4 tấn quặng bauxite sản xuất được một tấn nhôm và thải ra 3 tấn đất bùn đỏ, một loại chất thải hóa học cực kỳ độc hại đối với môi sinh.

Bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu những suy nghĩ của cá nhân và đoàn thể cùng với những tin tức từ thực tiễn đời sống của các nơi trên thế giới đối với công việc khai thác bauxite.

A. Chối bỏ bauxite trong suy nghĩ

1. COMECON (CMEA: Council Of Mutual Economic Assistance) là Hội đồng Tương trợ Kinh tế của 11 quốc gia trong khối Xã hội Chủ nghĩa. Hội đồng này do Liên Xô thành lập năm 1949, giải tán năm 1991. Thập niên 1980 mặc dầu Liên Xô rất cần quặng bauxite để nhanh chóng công nghiệp hóa quốc phòng. Thế nhưng đại diện 11 quốc gia trong COMECON vẫn bảo cho CSVN biết là việc khai thác bauxite ở Tây Nguyên chẳng những giết chết Tây Nguyên mà còn làm cho toàn vùng Nam Trung Bộ thường xuyên đói đầu với hạn hán hoặc lũ lụt. Hồi bấy giờ Hà Nội nghe theo lời khuyên của COMECON.

2. Ngày 05-01-2009 tướng Võ Nguyên Giáp đã gửi thư cho Nguyễn Tấn Dũng, nói rõ ý kiến chống lại việc CSVN mở cửa cho Trung Quốc vào Việt Nam khai thác bauxite tại Tây Nguyên. Đầu thập niên 1980 tướng Giáp là đại diện của CSVN tại COMECON. Vì vậy ông Giáp là người có đầy đủ hiểu biết để nói về bauxite Tây Nguyên. Đặc biệt thư của tướng Giáp còn nhấn mạnh: “Trong tháng 12/2008 đã có hàng trăm công nhân Trung Quốc đến Tây Nguyên để bắt tay vào việc khai thác bauxite. Mỗi

công trường bauxite sẽ có tới hàng ngàn công nhân”.

3. Ngày 22-10-2008 tỉnh Đắk Nông Tây Nguyên có tổ chức một cuộc hội thảo về bauxite Tây Nguyên. Tại cuộc hội thảo này, TS Nguyễn Thanh Sơn, giám đốc công ty Năng Lượng Sông Hồng, thuộc Tập Đoàn Công Nghiệp Than và Khoáng Sản Việt Nam cho biết: “Nhôm không là kim loại quý, chưa có quốc gia nào coi bauxite là khoáng sản chiến lược để dốc sức khai thác như Việt Nam. TS Sơn nhấn mạnh: công cuộc khai thác bauxite Tây Nguyên chỉ nhằm phục vụ “các đại gia luyện nhôm nước ngoài vốn không muốn tốn nhiều chi phí cho việc khai thác”

4. Vẫn từ cuộc hội thảo Đắk Nông, ông Nguyễn Ngọc cựu đại tá bộ đội CSVN, cựu tổng biên tập báo Văn Nghệ, đã phát biểu ý kiến: “Chúng ta đã hành động ở Tây Nguyên rất thảm nhiên... Thậm chí, có thể nói chúng ta đã làm mọi việc ở Tây Nguyên như là trên một vùng đất không người”. Ông Ngọc không ngần ngại nhắc tới biên cô 30-04-1975 kèm với những chỉ trích nghiêm khắc: “Theo tôi, chúng ta đang đứng trước một quyết định mất còn. Và sẽ rất kỳ lạ nếu chúng ta làm chuyện quá ư to lớn này ở đây mà không hề nghĩ và nhớ đến những gì đã diễn ra trong 30 năm qua. Những bài học lớn, sâu và cay đắng 30 năm ấy còn để lại, sờ sờ ra đây, rất có thể lại dạy ta lần nữa; và thường vẫn vậy, lần sau bao giờ cũng nghiêm khắc hơn lần trước”.

Căn cứ vào nhiều góc nhìn khác nhau, quyết định được Nguyễn Tấn Dũng long trọng gọi là “chủ trương lớn của đảng và nhà nước” bị chống đối từ rất nhiều phía.

Do giới hạn của một bài tiểu luận, bài này chỉ có thể trích dẫn bốn ý kiến chống đối điển hình.

B. Chối bỏ bauxite trong thực tiễn đời sống

Phản ứng của một số quốc gia trước những hậu quả tệ hại đối với môi sinh do bauxite gây ra.

1. Ấn Độ là nước có trữ lượng bauxite đứng thứ sáu của thế giới. Chính phủ Ấn Độ cấp giấy phép cho 13 công ty đa quốc gia khai thác bauxite tại tiểu bang Orissa. Công việc khai thác này đã gây tác hại cho 60.000 cư dân trong vùng. Đồng thời hủy diệt hoàn toàn 1000 ha đất canh tác. Năm 2004 dân chúng Ấn Độ nổi dậy thành một phong trào lớn chống đối những công ty khai thác bauxite trên lãnh thổ Ấn Độ.

2. Báo Chinanews của Trung Quốc loan tin: từ 2004-2008 cho đến nay, ví lý do bảo vệ môi sinh, Trung Quốc đã đóng cửa 100 mỏ bauxite thuộc tỉnh Hà Nam. Đặc biệt trong 100 mỏ kia có một mỏ chỉ hoạt động hơn một năm là phải đóng cửa, vì mỏ này đã làm ô nhiễm môi sinh trầm trọng hơn hẳn mức dự đoán.

Nhìn chung lại, ý kiến của khoa học gia cũng như ý kiến của các bậc thức giả cộng với thực trạng tệ hại của công việc khai thác bauxite tại Ấn Độ và nhất là tại Trung Quốc đã đưa dẫn công luận đi đến kết luận rằng: Sự việc Trung Quốc khai thác bauxite tại Tây Nguyên chắc chắn sẽ tạo ra những nguy hại cực kỳ nghiêm trọng.

Những nguy hại kia to lớn gấp nghìn lần mới quyền lợi kinh tế được thổi phồng bởi chế độ Hà Nội. Khai thác bauxite bị chối bỏ trong suy nghĩ cũng như trong thực tiễn đời sống. Tại sao Nguyễn Tấn Dũng vẫn lớn tiếng khẳng định: “Việc khai thác bauxite tại Tây Nguyên là chủ trương lớn của đảng và nhà nước”? Câu hỏi tại sao vừa rồi kéo theo một số câu hỏi tại sao khác:

- Thứ nhất: Tại sao Trung Quốc vào Việt Nam khai thác bauxite trong khi Bắc Kinh lại đóng cửa 100 mỏ bauxite trên lãnh thổ của Trung Quốc?

- Thứ hai: những công ty ngoại quốc khi vào Việt Nam kinh doanh như : Đại Hàn, Đài Loan, Nhật Bản, Mỹ, Pháp đều phải thuê mướn công nhân Việt Nam. Tại sao Trung Quốc lại được quyền sử dụng công nhân Trung Quốc?

- Thứ ba: ngày 04-02-2009, tại Hà Nội, Nguyễn Tấn Dũng long trọng cam kết trước báo chí rằng song song với sự việc Trung Quốc vào Tây Nguyên, “an ninh quốc gia vẫn được bảo đảm”. Tại sao không có những bảo đảm tương tự khi Đài Loan, Đại Hàn, Nhật Bản vào Việt Nam kinh doanh ?

Tại sao các vấn đề: “Bauxite, Trung Quốc và an ninh quốc gia” lại có liên hệ chặt chẽ với nhau? Phải chăng : “Đừng nghe những gì CS nói, hãy nhìn kỹ những gì CS làm”. Phải chăng CS nói bảo đảm an ninh có nghĩa là CS thả nổi cho Trung Quốc được tự do tác yêu, tác quái tại Tây Nguyên ?

Tất cả những câu hỏi tại sao nêu trên, xin được trả lời như sau: Lịch sử bang giao giữa Việt Nam và Trung Quốc là lịch sử xâm lăng và chống xâm lăng. Có ba hình thức xâm lăng.

1. Xâm lăng thô thiển:

Tàu kéo quân vào Việt Nam. Chiếm đóng Việt Nam. Đồng thời dùng “Hệ thống hành chính thái thú” để trực tiếp cai trị Việt Nam. Đó là thời kỳ Bắc thuộc một, Bắc thuộc hai, Bắc thuộc ba. Đó là 1000 năm Tàu thuộc.

2. Xâm lăng tinh vi:

Người Tàu nuôi và dạy CSVN thành một chế độ vừa triệt để độc tài đối với quần chúng Việt Nam, vừa triệt để tuân hành mọi loại mệnh lệnh của Trung Quốc. Thay vì trực tiếp cai trị Việt Nam bằng chế độ thái thú thời 1000 năm Tàu thuộc, từ 1954... cho đến nay người Tàu gián tiếp cai trị Việt Nam thông qua chế độ bù nhìn CSVN.

3. Xâm lăng xóa tên hay gọi là xâm lăng theo chiến thuật xôi đậu:

Khu vực Thái-Mèo gồm các tỉnh Lào Cay, Yên Bái, Sơn La và Lai Châu. Thái-Mèo bắc giáp Trung Quốc, tây và nam giáp Ai Lao, đông nam giáp vùng Mường, Hòa Bình, đông giáp núi Phan Xi Păng. Ngày

29-04-1955 bằng sắc lệnh số 230/SL, Hồ Chí Minh thành lập khu tự trị Thái Mèo.

Năm 1962 Khu tự trị Thái Mèo đổi tên thành Khu tự trị Tây Bắc. Ngày 27-12-1975 qui chế tự trị bị bãi bỏ nhưng tinh thần tự trị vẫn còn nguyên. Có thể nói được rằng khu Thái Mèo là vùng trái độn độc biên giới Việt Hoa. Nơi đây, thời bình, người Việt và người Hoa chung sống an vui. Thế nhưng, vào lúc Trung Quốc thực hiện âm mưu xâm lăng Việt Nam thì khu Thái Mèo tự trị là quả mìn gài sẵn trên lãnh thổ Việt Nam.

Hẳn nhiên chương trình thôn tính Việt Nam đòi hỏi Trung Quốc phải tạo ra càng nhiều khu tự trị càng tốt. Có hai loại khu tự trị cần tìm hiểu :

- Một là những khu tự trị tay sai của Trung Quốc : để thực hiện gian mưu này, Trung Quốc kích động, nuôi dưỡng và phát triển một số đối tượng đứng lên đòi hỏi quyền thành lập khu tự trị. Những đối tượng kia có thể là: đồng bào thượng Tây Nguyên, tổ chức Fulro Tây Nguyên, dân tộc Chăm Ninh Thuận, An Giang, Tây Ninh, dân tộc Khmer Krom Trà Vinh, Bạc Liêu và một số tỉnh thành Miền Tây, Nam Phần Việt Nam...

- Hai là những khu tự trị mà đa phần cư dân là người Hoa hay người Việt gốc Hoa : Ngoài Bắc có các tỉnh ranh giới Việt Hoa. Trong Nam có: Chợ Lớn, Rạch Giá, Bạc Liêu và rất nhiều địa phương miền Tây Nam phần Việt Nam. Nhằm tăng nhanh số lượng khu tự trị loại này, Trung Quốc với sự tiếp tay của chế độ Hà Nội đang nỗ lực gây dựng những khu tự trị người Hoa dưới chiêu bài khai thác quặng bauxite ở Tây Nguyên.

Mỗi một mỏ bauxite với nhiều chục ngàn công-nhân-Trung-Quốc sẽ là một khu tự trị của người Hoa... Trong tương lai, ngoài bauxite Trung Quốc có thể lấy nhiều chiêu bài khác nhau để tạo ra nhiều khu tự trị loại một và loại hai trên khắp lãnh thổ Việt Nam.

Nếu đất nước Việt Nam là một đĩa xôi trắng thì mỗi khu tự trị vừa diễn tả là một hạt đậu đen. Chừng

nào đậu đen đè bẹp xôi trắng về mặt số lượng và/hoặc về mặt thể lực chính trị, chùng đó đậu đen sẽ nắm quốc hội, sẽ chiếm giữ guồng máy quyền lực chính trị của Việt Nam.

Xin đừng quên rằng : Trung Quốc khởi sự đánh phá Việt Nam Cộng Hòa bằng cách nhào nặn ra Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Ngày nay mỗi hạt đậu đen là một Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam năm xưa. Không cần một tiếng súng, chỉ cần lãnh thổ Việt Nam tràn ngập đậu đen. Quốc hội Việt Nam bị đậu đen nắm giữ.

Với hai yếu tố này, về mặt quyền lực chính trị cũng như về mặt cấu trúc hành chính, Việt Nam đương nhiên biến thành một đơn vị hành chính của quốc gia Trung Quốc. Quốc gia Việt Nam vĩnh viễn bị xóa tên trên bang giao quốc tế cũng như trên bản đồ thế giới. Đó là ý nghĩa sau cùng của nhóm chữ “Xâm lăng theo chiến thuật xôi đậu”.

Vấn đề không là bauxite hay không bauxite. Vấn đề chính là bauxite chỉ là tấm màn thừa được CSVN dùng để che đậy kịch bản chế độ HN mở cửa cho người Tàu tiền vào lãnh thổ VN. Trên tay mỗi tên Tàu là một túi đậu đen. Sau lưng mỗi tên Tàu là 1 kẻ hầu cận mang nhãn hiệu cờ đỏ sao vàng. ◆◆◆

Tháng 12-2007 và tháng 10-2008, UBND tỉnh Đắk Nông, Tập đoàn Công nghiệp than-khoáng sản Việt Nam (TKV) cùng Viện Tư vấn phát triển đã tổ chức hai cuộc hội thảo đánh giá về những dự án bô-xít của Tập đoàn TKV đang triển khai trên Tây Nguyên với sự tham gia của: đại diện tỉnh Đắk Nông, chủ đầu tư TKV, các nhà quản lý, các nhà khoa học thuộc những vực có liên quan (kinh tế, công nghệ, kỹ thuật, địa chất, môi trường, xã hội v.v...).

Qua hai cuộc hội thảo, có thể tóm tắt hai ý kiến nhận xét đánh giá chủ yếu về khai thác bô-xít trên Tây Nguyên được rút ra như sau:

(1) Trên quan điểm vĩ mô và về mặt chiến lược, tuyệt đại đa số các nhà khoa học đã thống nhất đánh giá các dự án bô-xít đang được triển khai là: không có hiệu quả về mặt kinh tế-tài chính; rất không hiệu quả về mặt kinh tế-xã hội; với trình độ tiếp cận lạc hậu của chủ đầu tư cũng như của các đối tác Trung Quốc về các giải pháp công nghệ kỹ thuật, các dự án bô-xít đang được tích cực triển khai sẽ phá hủy môi trường tại chỗ (của Tây Nguyên), sẽ gây ra những thảm họa về sinh thái trên diện rộng (cho các tỉnh Nam Trung Bộ của VN và các tỉnh của Campuchia); đang tạo ra thêm các yếu tố bất ổn định về an ninh trật tự xã hội trên Tây Nguyên.

(2) Ở tầm vi mô và mang tính chất cục bộ, ý kiến của TKV chủ đầu tư đã tự đánh giá về các dự án bô-xít đang được triển khai là: kinh tế Tây Nguyên kém phát triển, vì vậy cần tận

tên gọi bằng tiếng Anh là alumina, hoặc bằng tiếng Pháp là alumine) để xuất khẩu cho Trung Quốc. Hoàn toàn không có dự án nhôm (aluminium) nào đang được triển khai. Việc lạm dụng từ “alumin” không tồn tại trên thực tế của TKV trong điều kiện hạn chế về trình độ văn hóa cũng như ngoại ngữ của đồng bào dân tộc ít người dễ dẫn đến hiểu nhầm là “nhôm”.

- Theo báo cáo của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Nông: “Trong vùng quy hoạch khai thác bô-xít diện tích đất nông nghiệp, nhất là diện tích trồng cây hàng năm và cây lâu năm chiếm một tỷ lệ tương đối lớn. Hầu hết nhân dân sống trong vùng quy hoạch mở có nguồn thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp. Việc khai thác quặng bô-xít sẽ làm ảnh hưởng lớn đến cuộc sống và sinh hoạt của toàn bộ các hộ dân trong vùng quy hoạch”.

- Theo báo cáo của TKV tại Hội thảo phân tích về thế mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT) mang tính chiến lược của các dự án bô-xít là: “Sử dụng nhiều đất đai; tiêu thụ năng lượng điện lớn; tác động lớn về môi trường và xã hội; cơ sở hạ tầng không đảm bảo; rủi ro chính trị xã hội cao; thay đổi mối quan hệ tài nguyên với phát triển kinh tế và phong tục địa phương; chi phí bảo vệ môi trường cao v.v...”

Thực tế là qua hai lần hội thảo, chúng ta đã có thể rút ra từ các nhận xét đánh giá trên là: Chủ đầu tư TKV là một tập đoàn của Nhà nước, có am hiểu về công nghệ kỹ thuật, có ý thức chính trị xã hội, luôn đặt quyền lợi quốc gia lên trên lợi nhuận của doanh nghiệp nên chấm dứt vô điều kiện càng sớm càng tốt việc triển khai các dự án bô-xít trên Tây Nguyên.

Để làm sáng tỏ hơn về những đánh giá và kết luận trên, chúng tôi xin được bổ sung và làm rõ 10 lý do không nên triển khai các dự án bô-xít như sau:

1- Triển khai các dự án bô-xít là không cần thiết

Ba câu hỏi về chức năng cơ bản của nền kinh tế vĩ mô: sản xuất ra hàng hóa gì? sản xuất ra như thế nào? và để phục vụ cho các đối tượng nào trong xã hội? Nhiệm vụ chủ yếu mà bất kỳ nền kinh tế nào cũng cần giải quyết là giảm đến mức tối thiểu sự lãng phí trong việc sản xuất ra những sản phẩm không cần thiết và tăng cường đến mức tối đa việc sản xuất ra những sản phẩm cần thiết.

Trước hết, nhu cầu về nhôm kim loại của VN không lớn. Theo số

10 lý do đề nghị tạm dừng dự án BÔ-XÍT TÂY NGUYÊN

Ts. Nguyễn Đông Hải - Nv. Nguyễn Ngọc - Ts Nguyễn Thành Sơn

13-01-2009

(TuanVietNam)- Cũng như dự án thép ở Vân Phong, chúng ta xin hãy tiếp tục nói “không” với các dự án bô-xít trên Tây Nguyên mang tính hủy diệt môi trường và không hiệu quả về mặt. Kiến nghị của các nhà khoa học Việt Nam.

Để đảm bảo tính thông tin đa chiều, Tuần Việt Nam giới thiệu thư của một nhóm các nhà khoa học gửi lãnh đạo Đảng, Nhà nước kiến nghị tạm dừng triển khai các dự án bô-xít Tây Nguyên như một tư liệu tham khảo.

dụng khai thác nguồn tài nguyên bô-xít có hạn để tranh thủ xuất khẩu cho Trung Quốc nhằm bổ sung nguồn thu ngân sách cho địa phương và cho chủ đầu tư.

Ngoài ra, qua hai lần hội thảo, đã là sáng tỏ một số vấn đề:

- Mặc dù trong các văn bản của TKV thường dùng khái niệm “alumin”, hay “công nghiệp bô xít-nhôm” (ngay cả nhà nghỉ của TKV cũng mang tên “Alumin”) nhưng trên thực tế, chỉ có các dự án khai thác bô-xít, và chế biến bô-xít thành nguyên liệu thô (có

liệu của Bộ Công Thương, hiện nay và trong tương lai hàng năm VN chỉ nhập khẩu khoảng 100-150 nghìn tấn (tương đương với 2 chuyến tàu). Trên thị trường thế giới, nhôm kim loại luôn là mặt hàng thường xuyên có sẵn, chưa bao giờ xảy ra khan hiếm. Về mặt kỹ thuật, nhôm chỉ được coi là "kim loại cơ bản", không thuộc nhóm "kim loại quý hiếm" vì có thể được thay thế bằng các sản phẩm khác như sắt, gỗ, nhựa, giấy. Ngành công nghiệp nhôm chỉ tồn tại ở một số ít nước trên thế giới, chủ yếu là ở những nước có dư thừa điện năng giá rẻ.

Vì vậy, trong hoàn cảnh đang có nguy cơ rất hiện hữu về thiếu điện cho các ngành sản xuất khác, việc sản xuất nhôm kim loại là một định hướng sai lầm của VN. Alumina là nguyên liệu thô để luyện thành nhôm kim loại, và bô-xít là quặng đầu vào để tuyển thành alumina. Việc khai thác bô-xít, tuyển thành nguyên liệu thô alumina chỉ phục vụ cho mục đích xuất khẩu lại càng là một định hướng sai lầm.

Thứ hai, phát triển một ngành sản xuất tiêu tốn nhiều nước ngay trên một địa bàn còn đang khát nước là một lựa chọn không thông minh. Theo báo cáo của chủ đầu tư, chương trình bô-xít trên Tây Nguyên chủ yếu tập trung vào khai thác quặng bô-xít để chế biến thành nguyên liệu thô là alumina để xuất khẩu trong điều kiện phải sử dụng nguồn nước ngọt, vốn còn đang rất khan hiếm, đang ngày càng cạn kiệt, nhưng rất cần cho việc phát triển các cây công nghiệp khác có giá trị xuất khẩu rất cao (như cà phê, chè, cao su). Công nghiệp khai thác, tuyển luyện bô-xít thành alumina có 3 ảnh hưởng rất tiêu cực đến nguồn nước: vừa tiêu hao rất nhiều nước (cần khoảng 60 mét khối nước cho 1 tấn), vừa làm ô nhiễm nguồn nước và vừa làm cạn kiệt nguồn nước tự nhiên.

Tất cả các dự án bô-xít đều nằm trong khu vực thượng nguồn lưu vực của sông Đồng Nai và Sêrêpôc. Việc khai thác bô-xít sẽ dẫn đến hậu quả không tránh khỏi là làm cạn kiệt nguồn nước của các con sông này. Trong đó, sông Đồng Nai đang đóng vai trò rất quan trọng trong việc ổn định kinh tế xã hội của các khu dân cư lớn đồng thời cũng là các khu công nghiệp lớn như Tp. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương.

Nước ngọt là nguồn lực phát triển các cây công nghiệp quan trọng, còn đang thiếu đối với Tây Nguyên. Sử dụng nguồn tài nguyên nước ngọt có hạn đó để phát triển cao su, cà phê

hay chè, chúng ta có thể dần dần lấy lại màu xanh cho Tây Nguyên.

Tài nguyên nước ở Tây Nguyên là vô cùng quý giá và đặc biệt, tài nguyên nước trong mùa khô là sự sống còn của nền kinh tế Tây Nguyên. Trong mùa khô (từ tháng 12 đến tháng 2) tổng lượng mưa ở Đắk Nông bình quân chỉ đạt 35mm, trong khi mực nước ngầm ngày càng hạ thấp đang là một thách thức rất lớn đối với phát triển kinh tế nói chung và đối với cây công nghiệp nói riêng (đặc biệt là cây cà phê).

2- Triển khai các dự án bô-xít không làm tăng ngân sách địa phương

Vì mục tiêu của TKV hiện nay là khai thác và chế biến bô-xít thành nguyên liệu thô để xuất khẩu, nên các dự án bô-xít không dẫn đến việc lan toả phát triển các dự án đầu tư có hiệu quả khác. Việc tăng thu ngân sách địa phương trên Tây Nguyên sẽ rất khiêm tốn. Các khoản nộp cho địa phương là thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, hay kể cả cái gọi là "thương quyền" của dự án khai thác bô-xít là không đáng kể, và không đủ bù số tiền ngân sách các tỉnh sẽ phải chi ra để khắc phục suy thoái môi trường do khai thác bô-xít.

Gần đây, ông Đặng Đức Yến, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông khẳng định (trên mục Kinh tế-Xã hội một số báo gần đây) rằng "nếu dự án alumin này vào, tính từ các khoản thuế, phí bảo vệ môi trường... sẽ đóng góp cho tỉnh khoảng 1.600 tỷ đồng và đến năm 2011 thì có thể đạt hơn 2.000 tỷ đồng". Chúng tôi cho rằng, nhận định như vậy là thiếu trách nhiệm và quá lạc quan vì con số nêu trên là không đúng sự thật. Cả ngành công nghiệp than của VN sau 120 năm phát triển, xuất khẩu trên 20 triệu tấn than/năm, hiện nay cũng chỉ có lợi nhuận trước thuế khoảng 3000 tỷ đ/năm, mức nộp cho ngân sách nhà nước còn ít hơn nhiều so với con số dự tính nộp cho Đắk Nông nêu trên của các dự án bô-xít!

Bản thân dự án Nhân Cơ (theo tính toán ban đầu của chủ đầu tư), với số vốn đầu tư 2938,8 tỷ đồng, mức thuế nộp ngân sách chỉ khoảng 30,2 tỷ đồng. Số liệu này đến nay cũng không đáng tin cậy, vì 3 lý do:

(i) đến nay con số này sẽ còn giảm vì tổng mức đầu tư chỉ sau 1 năm đã tăng lên trên 3200 tỷ (tổng mức đầu tư thực tế sau này chắc chắn sẽ tăng cao hơn nữa);

(ii) giá thành sản phẩm của dự án chưa được xác định (bản thân Giám đốc Công ty Nhân Cơ cũng đã không thể trả lời được câu hỏi giá thành sản

xuất và giá xuất khẩu nguyên liệu thô alumina là bao nhiêu);

(iii) hiện nay giá bán nguyên liệu thô alumina trên thế giới đang giảm mạnh. Ngay cả Trung Quốc cũng đã phải đóng cửa các dự án alumina ở tỉnh Sơn Đông vì không có hiệu quả.

3- Triển khai các dự án bô-xít không có hiệu quả

Như trên đã phân tích, hầu như toàn bộ nguyên liệu thô alumina chỉ để xuất khẩu với quy mô lớn sẽ dẫn đến sự phụ thuộc vào thị trường thế giới. Khách hàng mua nguyên liệu alumina của VN chỉ duy nhất là Trung Quốc. Nguồn cung cấp alumina trên thế giới rất phong phú (kể cả alumina được chế biến từ các loại quặng không phải bô-xít). Qui mô phát triển bô-xít của VN càng lớn, thì giá bán càng giảm, hiệu quả kinh tế càng thấp và sự phụ thuộc vào Trung Quốc càng cao.

Thực tế, việc xuất khẩu nguyên liệu thô là alumina không có giá trị và không có hiệu quả kinh tế cao. Giá trị của alumina chỉ chiếm 10-12% so với giá trị của nhôm kim loại và chỉ bằng <5% so với giá trị của các sản phẩm từ nhôm kim loại (giấy nhôm, hộp nhôm, dura).

Kinh nghiệm từ chính TKV cho thấy trên thị trường khoáng sản, các doanh nghiệp VN không có khả năng cạnh tranh cao so với ngay các đối thủ trong khu vực. Ví dụ, việc xuất khẩu than của TKV hiện nay là một điển hình. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) trong một Hội thảo ngay tại Hà Nội về chính sách phát triển kinh tế của VN, giá xuất khẩu than của VN (được qui về cùng giá trị chất lượng theo nhiệt năng) vào cùng một thị trường là Nhật Bản chỉ bằng 2/3 giá than xuất khẩu của Australia.

Tương lai đối với nguyên liệu thô alumina của TKV sẽ cũng không thể cạnh tranh được với Indonesia, và càng không thể cạnh tranh được với Australia, là những nước đã và đang xuất khẩu với qui mô lớn, có nhiều lợi thế về vận tải biển hơn hẳn VN.

Ngoài ra, yếu tố công nghệ lạc hậu và thị trường tiêu thụ bị phụ thuộc nước ngoài cũng sẽ không cho phép TKV thu được hiệu quả kinh tế trong việc xuất khẩu nguyên liệu thô alumina. Trường hợp điển hình hiện nay là dự án đồng Sinh Quyền của TKV. Việc xuất khẩu tinh quặng đồng hiện nay của dự án Sinh Quyền hoàn toàn phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc.

Nếu đưa tinh quặng đồng từ Sinh Quyền về nhà máy Tăng Lông để luyện thành đồng kim loại có thể bán

cho nhiều hộ tiêu dùng (trong nước và/hoặc xuất khẩu), nhưng vì nhập khẩu công nghệ luyện đồng lạc hậu (chỉ luyện ra được kim loại đồng “ba con chín” có độ tinh khiết chỉ đạt 99,95-99,97%, trong khi tiêu chuẩn của thị trường thế giới cao hơn “bốn con chín” 99,995), giá bán đồng kim loại thấp, tỷ suất lợi nhuận của việc luyện đồng lại thấp hơn nhiều so với xuất khẩu quặng tinh.

Đối với TKV, tương lai của ngành công nghiệp nhôm cũng không thể khá hơn hiện tại của các ngành công nghiệp đồng và than.

4- Đề xuất khâu alumina phải đầu tư một hệ thống đường sắt không hiệu quả

Theo kế hoạch của TKV, đề xuất khâu alumina cần xây dựng 270km đường sắt từ Bình Thuận lên Tây Nguyên với chi phí ước khoảng 20.800 tỷ đồng (tương đương với 1,3 tỷ đô la) và một cảng biển Bình Thuận với chi phí 9.100 tỷ đồng (khoảng 535 triệu đô la). Cả hai dự án này thuộc lĩnh vực hạ tầng chỉ để phục vụ cho xuất khẩu alumina và vận chuyển than từ cảng lên Tây Nguyên.

Theo báo cáo về “định hướng công nghệ” của TKV tại Hội thảo, tuyến đường sắt còn được dùng để chở nước biển từ Bình Thuận lên Tây Nguyên để xử lý bùn đỏ? Mặc dù các dự án bô-xít đang triển khai rầm rộ, nhưng hạng mục hạ tầng này đang còn “treo” và chưa rõ. Cả hai hạng mục này cần phải được đầu tư bằng nguồn vốn của chủ đầu tư và hạch toán vào alumina.

Như vậy, chắc chắn các dự án bô-xít và alumina trên Tây Nguyên lại càng không hiệu quả. Còn nếu để hai hạng mục này được xây dựng bằng tiền đóng thuế của người lao động trong cả nước thì cần phải được Quốc hội xem xét.

Trong khi chờ đợi đường sắt (không biết bao giờ làm), chủ đầu tư dự tính sẽ sử dụng đường ô tô để chở than và các hóa chất độc hại khác từ biển lên Tây Nguyên và chở alumina từ Tây Nguyên ra biển. Rất tiếc, cả ba mặt hàng “than” hóa chất và “alumina” lại không thể sử dụng cùng một loại xe tải để tận dụng hai chiều hàng đi-hàng về. Than có thể chở bằng xe thùng, xe ben, còn alumina và hóa chất phải chở bằng xe bồn chuyên dùng hiện đại.

Như vậy, theo “định hướng công nghệ” của chủ đầu tư, phương tiện vận tải ô tô sẽ được sử dụng để chở hàng triệu tấn hàng một năm trên cung độ hơn 270km (về mặt kỹ thuật, cung độ tối ưu của vận tải ô tô loại 15-25T chỉ khoảng 10-15km). Vì vậy,

giá thành alumina sẽ tăng cao hơn nhiều (chỉ tính riêng chi phí vận tải ra biển để xuất khẩu đã tăng thêm khoảng 1 triệu đ/tấn), việc xuất khẩu alumina không thể có lãi.

5- Triển khai các dự án bô-xít là không an toàn về môi trường sinh thái

Một là: môi trường đất bị chiếm dụng và môi trường sinh vật bị hủy hoại. Phần lớn, tới 95% bô-xít trên thế giới khai thác lộ thiên. Trong ngành mỏ, đây là phương thức khai thác đòi hỏi chiếm dụng nhiều đất, có tác hại hủy diệt hệ thực vật và động vật, làm xói mòn trôi lấp đất. Mức độ chiếm dụng đất của các dự án bô-xít trên Tây Nguyên rất lớn. Diện tích rừng và thảm thực vật bị phá hủy trong khâu khai thác bình quân 30-50ha/tr. tấn bô-xít; diện tích mặt bằng bị chiếm dụng để xây dựng nhà máy tuyển bô-xít bình quân 150 ha/tr. tấn công suất, và để tuyển alumina 450 ha/tr. tấn công suất.

Hai là: chất thải bùn đỏ sẽ phải tồn trữ vĩnh viễn trên cao nguyên để có nguy cơ bị trôi lấp, gây thảm họa về môi trường cho các tỉnh phía dưới. Bùn đỏ gồm các thành phần không thể hoà tan, trơ, không biến chất và tồn tại mãi như Hematit, Natrisilico-aluminate, Canxi-titanat, Monohydrate nhôm, Tri-hydrate nhôm v.v... Bùn đỏ là chất thải không thể tránh được của khâu chế biến bô-xít. Trên thế giới, chưa có nước công nghiệp phát triển nào (kể cả Mỹ) có thể xử lý được vấn đề bùn đỏ một cách hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của xã hội (chỉ đáp ứng được khả năng của nhà đầu tư).

Australia là nước có lợi thế về địa hình (bằng phẳng, có lớp đá gốc), khí hậu (rất ít mưa) và dân cư (rất thưa) thuận lợi cho việc chế biến bô-xít và chôn cất bùn đỏ tại chỗ. Ở Việt Nam, nếu chế biến bô-xít thành alumina trên Tây Nguyên sẽ bắt buộc phải tạo ra các hồ chứa bùn đỏ thường xuyên đe dọa tình hình an ninh chính trị trên địa bàn (bọn khủng bố có thể lợi dụng biến các hồ bùn thành bom bẩn). Lượng “bom bẩn” tạo ra trên Tây Nguyên sẽ lớn gấp 3 lần lượng alumina thu được từ Tây Nguyên để xuất khẩu cho Trung Quốc. Ngoài ra, còn phải thường xuyên tồn chứa một lượng lớn hoá chất độc hại (để chế biến bô-xít thành alumina) trong các kho hóa chất trên Tây Nguyên.

Chỉ riêng dự án của công ty cổ phần Nhân Cơ, theo báo cáo ĐTM, phần đuôi quặng nước thải và bùn thải có khối lượng tới hơn 11 tr. m3/năm. Dung tích hồ thải bùn đỏ sau 15 năm lên tới hơn 8,7 triệu m3. Với qui mô như vậy, thiệt hại do vỡ đập:

không thể kiểm soát được, nguy cơ vỡ đập không thể lường trước được.

Tương tự, dự án Tân Rai có lượng bùn đỏ thải ra môi trường khoảng 0,8 tr.m3/năm, lượng nước bùn thải ra môi trường 4,6 tr.m3/năm. Khối lượng quặng bô-xít khai thác của dự án này lên tới 2,32 tr.m3/năm, dẫn đến nguy cơ tổng lượng bùn đỏ phải tích trên cao nguyên cả đời dự án Tân Rai 80-90 tr.m3. Nhưng tổng dung tích của hồ chứa của dự án chỉ có: 20,25 tr.m3, số còn lại không biết chứa ở đâu? ai là người chịu trách nhiệm? chủ đầu tư? dân địa phương?

Ba là: các dự án bô-xít sẽ làm mất nguồn nước ngọt không có gì thay thế để phát triển các cây công nghiệp trên Tây Nguyên và mất nguồn nước cung cấp cho các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh

Cả hai khâu tuyển bô-xít và tuyển alumina trên Tây Nguyên đều đòi hỏi rất nhiều nước. Dự án Nhân Cơ có tổng mức tiêu dùng nước tới gần 15 triệu m3/năm. Dự án Tân Rai, có dự kiến xây đập chắn nước để đáp ứng nhu cầu của dự án khoảng 18 triệu m3/năm. Như vậy, nguồn nước cho café, cao su và các nhu cầu khác bị mất đi hơn 33 triệu m3/năm. Lượng nước ngọt này chủ yếu dùng để tuyển quặng bô-xít, vì vậy không thể tuần hoàn, hay lọc để tái sử dụng cho các mục đích khác.

Bốn là: các dự án bô-xít trên TN sẽ làm thay đổi môi trường và sinh thái của cả khu vực. Vấn đề môi trường chủ yếu liên quan đến chất thải. Các chất thải không thể tránh được trong các dự án bô-xít gồm:

(i) trong khai thác bô-xít, khối lượng chất thải rắn rất lớn, bình quân lượng đất đá phủ phải bốc lên và đổ thải 1m3/tấn bô-xít;

(ii) trong khâu tuyển quặng bô-xít, lượng chất thải bình quân 1tấn/tấn quặng nguyên khai;

(iii) trong khâu tuyển alumina lượng chất thải (gồm bùn đỏ, bùn oxalate, và nước thải) bình quân >2m3/tấn; và cuối cùng,

(iv) trong khâu luyện nhôm, lượng chất thải độc hại bình quân 1kg/tấn.

Ngoài các nguy cơ phá hủy môi trường tại chỗ, các dự án bô-xít alumina còn có những ảnh hưởng tiêu cực không thể tránh được đến hệ sinh thái trên qui mô rộng lớn.

Trong khâu khai thác bô-xít, nguy cơ hiện hữu là thảm thực vật và động vật của Tây nguyên sẽ bị thay đổi. Trong khâu tuyển alumina nguy cơ hiện hữu là tiêu dùng nhiều nước, phải xây đập chắn, sẽ ảnh hưởng đến chế độ thủy văn của các dòng chảy.

Các biến đổi dị thường về thời tiết và khí hậu khu vực miền Trung có nguy cơ sẽ xảy ra ngay gần hơn, hạn hán sẽ kéo dài hơn, lũ quét sẽ xảy ra thường xuyên hơn (thiệt hại do các biến đổi dị thường về thời tiết hiện nay đã tới 4000-5000 tỷ đ/năm). Các chuyên gia của Comecon (Hội đồng tương trợ kinh tế) ngày xưa đã so sánh: để lấy được 1 tấn bô-xít trên Tây Nguyên, cái giá Việt Nam phải trả là sẽ mất đi 1 tấn lúa ở miền nam trung bộ.

6- Triển khai các dự án bô-xít là không phù hợp với năng lực của TKV

Trong tất cả các khâu của việc phát triển ngành "bô-xít-nhôm", TKV chỉ có thể mạnh duy nhất ở khâu đơn giản nhất là bốc xúc đất bazan để khai thác quặng bô-xít. Các khâu chủ yếu quan trọng còn lại đều phụ thuộc vào các đối tác nước ngoài.

Với chức năng là một tập đoàn kinh tế của Nhà nước, có trách nhiệm phát triển ổn định ngành than để cung cấp đủ than cho nền kinh tế, TKV hiện còn đang đứng trước những thách thức không thể vượt qua, đó là cung cấp đủ than cho các nhà máy nhiệt điện.

Kể từ khi được thành lập đến nay, trong suốt hơn 13 năm qua, trong ngành than hầu như TKV chưa có đầu tư tái sản xuất mở rộng, chưa xây dựng được thêm một mỏ than mới nào, toàn bộ sản lượng than hiện có đều được khai thác theo kiểu "thâm canh" đến tối đa tại các mỏ than được xây dựng từ thời bao cấp theo Tổng sơ đồ do Liên Xô (cũ) lập trước đây.

Việt Nam có bể than đồng bằng Sông Hồng với tiềm năng (trữ lượng) gấp 20 lần bể than Quảng Ninh. Mặc dù điều kiện khai thác có khó khăn hơn so với bể than Quảng Ninh, nhưng than đồng bằng sông Hồng lại có chất lượng cao hơn, rất phù hợp cho các nhà máy nhiệt điện, xi măng, phân bón, hoá chất, luyện kim v.v... Những nguồn lực có hạn của TKV nên chẳng phải được ưu tiên để phát triển bể than đồng bằng sông Hồng để làm ra sản phẩm mà nền kinh tế VN đang rất cần, nhưng không thể nhập khẩu được trong tương lai gần.

Ngoài việc không thể tăng được sản lượng than do không có đầu tư đúng mức như trên, hiện nay, tại bể than Quảng Ninh, TKV còn phải đối mặt với hai vấn đề cũng chưa có khả năng giải quyết. Đó là: (i) vấn đề môi trường vùng than Quảng Ninh đang bị xuống cấp nghiêm trọng và (ii) vấn đề vi phạm kỹ thuật cơ bản (cũng rất nghiêm trọng) của các mỏ than đã và

đang làm tăng số vụ tai nạn lao động chết người cao gấp 3 lần mức bình quân của thế giới.

Yêu cầu về vốn đầu tư của riêng ngành than hiện nay cũng rất lớn, bình quân khoảng 1 tỷ đô la/năm.

Ngoài ra, định hướng "kinh doanh đa ngành" của TKV đến nay đã bộc lộ nhiều bất cập (phần lớn các dự án "đa ngành" không hiệu quả, đều phải được "bao cấp" từ hòn than, đặc biệt là các dự án điện Na Dương, công ty Tài Chính, khách sạn, du lịch, lắp ráp ô tô v.v...). Gần đây, TKV còn được Chính phủ giao bổ sung nhiệm vụ xây dựng thêm các nhà máy nhiệt điện chạy than. Tất cả những nhiệm vụ hệ trọng trên đang đè nặng lên đôi vai gầy và quá mỏng manh của người thợ mỏ. Có thể nói, giao cho TKV những dự án ngoài than cũng chẳng khác nào giao "ốc mang cọc cho rêu".

7- Triển khai các dự án bô-xít là không đảm bảo sinh kế cộng đồng của các đồng bào dân tộc thiểu số trên Tây Nguyên

Đồng bào các dân tộc thiểu số trên Tây Nguyên chủ yếu sống bằng nghề nông. Đất rừng Tây Nguyên gắn với cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Đối với bà con dân tộc ít người, đất rừng không chỉ là không gian sinh tồn, mà còn gắn liền với đời sống văn hóa. Suy giảm về tài nguyên rừng kéo theo suy giảm về văn hóa. Không một buôn làng nào không gắn với rừng như gắn với thần linh riêng của mình.

Số liệu điều tra cụ thể của các nhà khoa học thuộc trường Đại học Tây Nguyên đã khẳng định: Khác với ý kiến lâu nay (của chủ đầu tư) cho rằng đất có hàm lượng bô-xít cao không thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp, ở xã Nhân Cơ (trên địa bàn triển khai dự án bô-xít Nhân Cơ) diện tích đất nông nghiệp chiếm tới 83,03%, đất lâm nghiệp 0,08% và chỉ có 2,1% đất chưa sử dụng. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Nhân Cơ có 4.573 ha, trong đó có 3039,5 ha trồng cây công nghiệp là cà phê (2264 ha), cây điều (515 ha), cây tiêu (136 ha), và cau su (124,5 ha).

Trong khi đó, diện tích chiếm đất của dự án Nhân Cơ trên 4000ha, tương đương với 87% diện tích đất tự nhiên của xã. Cũng theo báo cáo của nhóm nghiên cứu thuộc Đại học Tây Nguyên, đối với đồng bào M'Nông, chưa có dự án bô-xít Nhân Cơ đồng bào đã thiếu đất sản xuất rồi.

Chiếm dụng phần lớn đất nông nghiệp nhưng các dự án bô-xít không mang lại chỗ làm việc cho đồng bào dân tộc thiểu số. Ví dụ, dự án Tân Rai có diện tích chiếm đất tới 4200ha,

nhưng chỉ tạo ra chỗ làm việc cho tổng số 1668 lao động. Như vậy, bình quân dự án bô-xít cần 2,5ha đất để tạo ra 1 việc làm cho người phải có đào tạo. Trong khi đó, 1 ha đất dùng để phát triển cây công nghiệp sẽ tạo ra 5 chỗ làm việc cho bà con dân tộc ít người không cần phải đào tạo.

Cũng theo số liệu điều tra, khảo sát của Trường Đại học Tây Nguyên, trong 12 buôn làng của huyện Đắk Rláp, số người học hết lớp 9 để có đủ điều kiện tuyển dụng vào dự án cũng "chỉ đếm trên đầu ngón tay". Dự án bô-xít Nhân Cơ mới chỉ tuyển chọn được 2 (hai) con em đồng bào dân tộc đi chỗ đi đào tạo công nhân. Hiện dự án bô-xít Nhân Cơ đang gửi người đi đào tạo tại Trung Quốc, nhưng chủ yếu là con em của cán bộ trong công ty- từ các tỉnh khác đến.

Theo số liệu của Công ty Alumin Nhân Cơ, để triển khai dự án, số lượng lao động sẽ tập chung vào Tây Nguyên khoảng 3000 người, bao gồm kỹ sư, công nhân kỹ thuật (chủ yếu là người Trung Quốc) và một số ít còn lại là lao động từ ngoài Bắc vào. Đối với dự án Tân Rai (đang triển khai ở Lâm Đồng), tình trạng cũng tương tự, và nguy cơ còn hiện hữu hơn vì nhà thầu Trung Quốc đã thắng thầu.

Khoảng cách giàu nghèo giữa người có việc làm (từ nơi khác đến, có thu nhập) và người không có việc làm (người dân tộc, không được đào tạo, không còn đất canh tác) sẽ gia tăng. Việc người dân tộc trên Tây Nguyên sẽ bị đẩy ra ngoài cuộc sống xã hội ngay trên quê hương của mình, thay vào đó là làn sóng di cư mới của những lực lượng lao động có đủ trình độ từ Trung Quốc và các tỉnh ngoài Tây Nguyên đã trở thành hiện thực.

(Ví dụ điển hình là dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả của TKV ở Quảng Ninh hiện nay, sau khi trúng thầu, nhà thầu Trung Quốc đã đưa công nhân và lao động phổ thông từ Trung Quốc sang thực hiện 100% công việc).

Ngoài ra, dự án bô-xít Nhân Cơ còn chiếm dụng, san lấp cả hồ nước ngọt (hồ Cá Trê của người M'Nông bon Bù Záp) là nguồn cung cấp nước sinh hoạt và địa điểm hoạt động văn hóa của đồng bào dân tộc ít người trên địa bàn.

8- Triển khai các dự án bô-xít là không phát triển bền vững Tây Nguyên

Để phát triển bền vững, chúng ta cần có đánh giá, phân tích nghiêm túc các thế mạnh, các điểm yếu, các cơ hội, và các thách thức trong phát triển kinh tế của Tây Nguyên (các học giả

Harward thường gọi là “phân tích chiến lược”).

Trước hết: Thế mạnh của Tây Nguyên là đất đỏ bazan. Đây là nguồn tài nguyên rất quý, là nơi duy nhất có khả năng trồng cau su, cà phê, tiêu, điều, chè. Trong đó, tại các khu vực có mỏ bô-xít các cây trồng chủ lực là cà phê, điều, tiêu và cau su có năng suất bình quân tương đối cao và trình độ thâm canh và canh tác của người dân cũng rất chuyên nghiệp. Đây không chỉ đơn giản là “thế mạnh”, theo khái niệm của kinh tế thị trường, đất đỏ bazan của TN là “thế mạnh cạnh tranh cốt lõi”.

Thứ hai: Điểm yếu của Tây Nguyên là hạ tầng cơ sở kém phát triển (đặc biệt là đường giao thông, nước ngọt và nguồn cung cấp điện) và trình độ đào tạo của người lao động có hạn.

Thứ ba: Cơ hội phát triển kinh tế của Tây Nguyên là nhu cầu tăng kim ngạch xuất khẩu cà phê, chè, điều, tiêu, cau su v.v... trong cân bằng ngân sách của Nhà nước đang ngày càng tăng. Trong hoàn cảnh VN đã ra nhập WTO, thị trường cho các sản phẩm cà phê, điều, cau su ngày càng được đảm bảo. Theo đánh giá của các chuyên gia, sản phẩm các cây công nghiệp trên vùng đất đỏ bazan có thể dần thay thế kim ngạch xuất khẩu của dầu thô (với trữ lượng có hạn và với sản lượng đang ngày càng giảm) của VN.

Thứ tư: Thách thức lớn nhất của Tây Nguyên là do vị trí địa lý của Tây Nguyên với chức năng là “mái nhà của Đông Dương”, việc phát triển kinh tế trên Tây Nguyên có ảnh hưởng đến vấn đề môi trường và vấn đề sinh thái không chỉ của Tây Nguyên mà còn của các tỉnh bên dưới (nam trung bộ của VN và các tỉnh của Lào và Campuchia).

Qua phân tích trên, ta thấy, các dự án bô-xít-alumina hoàn toàn không phát huy được thế mạnh (thậm chí còn triệt tiêu thế mạnh), nhưng lại khơi sâu điểm yếu (làm căng thẳng hơn những mất cân đối về giao thông, nước ngọt và điện năng), không tận dụng được cơ hội (thậm chí còn làm giảm cơ hội xuất khẩu), nhưng lại làm hiện thực hơn các thách thức (môi trường và sinh thái).

Lựa chọn của Tây Nguyên: bô-xít-alumina hay cây công nghiệp?

Trước hết, về mặt định hướng: phát triển cây công nghiệp là định hướng đã được Chính Phủ VN lựa chọn từ trước đến nay, có đầy đủ căn cứ khoa học, và kinh tế xã hội, đã và đang được thực tế của Tây Nguyên chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

Còn phát triển bô-xít là một định hướng hoàn toàn mới, nhưng rất nguy hiểm xét về mặt khoa học và kinh tế xã hội, tuy chưa được thực tế của VN chứng minh, nhưng trên thế giới, đã có rất nhiều ví dụ điển hình.

Thứ hai, về nguyên tắc phát triển bền vững (hoặc phát triển sạch): phát triển cây công nghiệp là “phát triển xanh” và sạch. Cây công nghiệp không chỉ có tác dụng lấy lại màu xanh cho Tây Nguyên, còn có tác dụng giữ độ ẩm, hạn chế các thảm họa thiên tai như lũ quét, lũ ống, chống khả năng khô cằn, điều hòa nguồn cung cấp nước cho các tỉnh hạ lưu. Ngược lại, phát triển bô-xít là phát triển hủy diệt màu xanh, xâm hại đến thảm thực vật và thảm sinh vật và làm ô nhiễm không chỉ Tây Nguyên mà cả các tỉnh dưới hạ lưu.

Thứ ba, về hiệu quả kinh tế: Các tính toán cho thấy, hiệu quả kinh tế của các dự án bô-xít thấp hơn nhiều so với cau su và cà phê. Cùng với một số tiền bỏ ra (tạm lấy tổng mức đầu tư theo tính toán ban đầu của dự án bô-xít Nhân Cơ là 2938,8 tỷ đồng), nếu phát triển bô-xít, chủ đầu tư sẽ làm mất đi 4000 ha cây công nghiệp, nếu phát triển cây công nghiệp chủ đầu tư sẽ trồng mới được 34.754 ha cau su, hay 58.777 ha cà phê.

Tổng doanh thu hàng năm của bô-xít chỉ đạt 1.450 tỷ đồng, còn của cau su là 2.242 tỷ đồng, của cà phê là 5.878 tỷ đồng. Khả năng thanh toán nợ của các dự án cao su và cà phê cao hơn của bô-xít khoảng 5 lần; Khả năng đóng góp cho ngân sách địa phương của cao su cao hơn 23 lần, của cà phê cao hơn 72 lần. Tổng lao động sử dụng của bô-xít chỉ có tối đa 5000 người (chủ yếu di dân từ nơi khác đến), nhưng của cao su là 173.000 người, của cà phê là 588.000 người (chủ yếu là lao động tại chỗ) v.v. (chi tiết xem bảng sau).

Ghi chú: số liệu so sánh trên đến nay sẽ còn thay đổi theo hướng có lợi hơn cho cao su và cà phê, vì tổng mức đầu tư của dự án bô-xít Nhân Cơ sau một năm đã tăng lên hơn 3200 tỷ VNĐ. Con số thực sau này chắc chắn sẽ còn cao hơn nữa.

9- Triển khai các dự án bô-xít là không minh bạch

Kết quả của các lần hội thảo cho thấy, còn rất nhiều vấn đề quan trọng (như nêu trên) cần phải được làm rõ trước khi triển khai các dự án bô-xít. Hiện nay, mặc dù chủ đầu tư chưa làm rõ được bất cứ vấn đề gì nhưng vẫn tích cực triển khai. Cách làm như vậy là không minh bạch, không cầu thị và chưa hết trách nhiệm.

Điều đáng quan ngại hơn, là càng triển khai, càng nảy sinh nhiều các câu hỏi chưa có câu trả lời, hoặc được chủ đầu tư đưa ra các câu trả lời cũng không minh bạch. Ví dụ: (i) Như trên đã nêu, để xử lý bùn đỏ, chủ đầu tư dự tính sẽ vận chuyển nước biển bằng tàu hoả từ Bình Thuận lên Tây Nguyên? (ii) Trong quá trình đấu thầu dự án Tân Rai, qui mô công suất đã được chủ đầu tư điều chỉnh tăng lên gấp 2 lần chỉ căn cứ theo “ý kiến” của các nhà thầu nước ngoài. (iii) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các vấn đề hiệu quả và vấn đề môi trường của dự án Tân Rai đã được giảm xuống đến mức nhà thầu không có công nghệ nguồn, đang phải đóng cửa các dự án của chính mình ở mẫu quốc cũng đã thắng thầu các dự án ở Tây Nguyên?

Việt Nam đang rất cần triển khai các dự án nhiệt điện chạy than. Mặc dù các dự án điện là các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng, rất thiết yếu đối với nền kinh tế, Chính phủ vẫn yêu cầu chủ đầu tư phải làm rõ “đầu vào” và “đầu ra” (hợp đồng mua than và hợp đồng bán điện). Các dự án bô-xít là những dự án bán rẻ tài nguyên của

Chỉ tiêu so sánh	đ/vị	bô-xít	Cao su	Cà phê
1. Tổng vốn đầu tư, tỷ.đồng	tỷ VNĐ	2.938,8	2.938,8	2.938,8
2. Diện tích cây xanh bị phá hủy	ha	4.000	0	0
3. Diện tích cây xanh được trồng mới	ha	0	34.754	58.777
4. Tổng Doanh thu hàng năm	tỷ đ.	1.450	2.242	5.878
5. Tổng thuế nộp ngân sách hàng năm	tỷ đ	30	701	2.175
6. Lợi nhuận sau thuế hàng năm	tỷ đ	301	1.061	3.703
7. Khả năng thanh toán nợ của dự án	B/C	1,9	9,0	9,0
8. Thời gian thu hồi vốn	năm	<5	>3	>1
9. Sử dụng lao động	người	5000	173.000	588.000

đất nước, không những cả “đầu vào” “đầu ra” đều chưa rõ, mà bản thân công nghệ kỹ thuật (“hộp đen”) của dự án cũng còn tồn tại nhiều vấn đề không minh bạch. Những người đưa ra các quyết định, các lựa chọn rất quan trọng về công nghệ kỹ thuật bô-xít-alumina lại không có kinh nghiệm gì về alumina-bô-xít Tây Nguyên (giám đốc Công ty bô-xít Nhân Cơ không trả lời chính xác được câu hỏi “bê bùn đỏ có tổng mức đầu tư là bao nhiêu?”, chỉ đưa ra con số “khoảng 200 tỷ đồng”, tức khoảng 12 triệu US\$, thấp hơn 10-15 lần mức bình quân của thế giới, nhưng trên hội thảo cứ khẳng định bê chứa bùn đỏ khổng lồ rộng hơn 200ha “do nước ngoài thiết kế” là “rất an toàn”).

10- Triển khai các dự án bô-xít là không tuân thủ luật

Thứ nhất, theo Điều 14, Mục 1, Chương III của Luật Bảo vệ môi trường 2005, thì các chương trình như bô-xít ở Tây Nguyên, phải có Đánh giá môi trường chiến lược (ĐCM) trước khi phê duyệt.

Mặc dù vậy, trên thực tế, các dự án bô-xít đã được triển khai, thậm chí có dự án đã đấu thầu, nhưng vẫn chưa có ĐCM được phê duyệt. Đây là một kẽ hở đang bị chủ đầu tư TKV cùng các nhà thầu Trung Quốc lợi dụng bỏ qua các nguy cơ về phá hủy môi trường và các thảm họa về sinh thái cho toàn bộ khu vực Nam Trung bộ của VN để chấp nhận và đưa những công nghệ lạc hậu vào Tây Nguyên.

Thứ hai, Luật khoáng sản quy định: (tại khoản 1, điều 5) “Nhà nước khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; ưu tiên các dự án có áp dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến, làm ra sản phẩm có giá trị và hiệu quả kinh tế - xã hội cao”; (tại khoản 4 điều 5) “Chính phủ hạn chế việc xuất khẩu khoáng sản dưới dạng nguyên liệu thô” và (tại khoản 1 điều 48) đã nêu rõ: nhà nước có chính sách ưu đãi và khuyến khích đầu tư đối với các dự án chế biến khoáng sản thành nguyên liệu tinh và sản phẩm.

Trong khi đó, chương trình phát triển của TKV chỉ tập trung cho việc xuất khẩu alumina là một dạng nguyên liệu thô, không phải là sản phẩm nhôm. Các dự án alumina của TKV đang tích cực triển khai với công nghệ thải bùn đỏ (dạng lỏng) rất lạc hậu của Trung Quốc. Trong ngành công nghiệp nhôm của Thế giới, Trung Quốc không nằm trong số những nước có công nghệ nguồn. Chính các công nghệ thải bùn đỏ mà

TKV đang nhập khẩu từ Trung Quốc vào Tây Nguyên hiện đang bị xã hội tẩy chay ở tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc. Các nước trên thế giới, kể cả các nước đang phát triển hoặc chậm phát triển, đã từ lâu chuyển sang công nghệ thải bùn đỏ thân thiện hơn với môi trường (dạng khô).

Thứ ba, theo “Chương trình nghị sự 21 của VN” về phát triển bền vững đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại QĐ số 153/2004/TTG-QĐ ngày 17-8-2004, trong đó về các lĩnh vực tài nguyên môi trường đã quy định cần ưu tiên bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản; về định hướng phát triển bền vững đã nêu rõ quan điểm: phát triển ngành khai khoáng cân đối với phát triển chung của các ngành kinh tế khác.

Trong khi đó, các dự án khai thác bô-xít và chế biến nguyên liệu thô alumina đều dự kiến xâm hại trên quy mô lớn đến môi trường nước ngọt, môi trường đất của Tây Nguyên. Theo báo cáo của TS. Tuyết Nhung Buôn Krông (Đại học Tây Nguyên), dự án bô-xít Nhân Cơ đã xâm hại đến sinh kế của cộng các bà con dân tộc thiểu số trên địa bàn (chiếm đất canh tác, lấp cả hồ nước ngọt).

Tóm lại, về nhiều khía cạnh tuân thủ luật, việc triển khai các dự án bô-xít trên Tây Nguyên hiện nay của chủ đầu tư cần phải được dừng lại kịp thời để xem xét đánh giá trước khi chưa quá muộn.

Nhận xét và kiến nghị

Mặc dù các dự án bô-xít đang trong thời kỳ triển khai, nhưng cần nhắc giữa “Mất và được trong việc khai thác bô-xít Tây Nguyên” chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng:

(i) Mọi sai lầm đều có thể sửa chữa được;

(ii) Những chi phí chủ đầu tư đã từng chi ra cho bô-xít không thể so sánh được với những thiệt hại vô cùng nặng nề mà nền kinh tế của đất nước sẽ phải gánh chịu từ việc khai thác bô-xít;

(iii) Cũng như dự án thép ở Vân Phong, chúng ta hãy tiếp tục nói “không” với các dự án bô-xít trên Tây Nguyên mang tính hủy diệt môi trường và không hiệu quả về mọi mặt.

Ngày 5-11-2008, 17 nhà khoa học, quản lý, nghiên cứu thuộc nhiều lĩnh vực có liên quan đến phát triển bền vững kinh tế-xã hội Tây Nguyên đã có Thư gửi tới lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc Hội, Chính Phủ và các

tỉnh đề nghị tạm dừng khai thác bô-xít trên Tây Nguyên.

Với các lý do trình bày trên, chúng tôi kính đề nghị Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ Việt Nam xem xét không cho phép triển khai các dự án bô-xít trên Tây Nguyên.

<http://www.tuanvietnam.net/vn/thongtindachieu/5543/index.aspx>

TỰ DO NGÔN LUẬN

Bán nguyệt san ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

IN VÀ TẶNG TẠI VN

Địa chỉ liên lạc:

witness2005@gmail.com

Muốn đọc tờ báo trên mạng, xin mời ghé:

<http://www.tdngonluan.com>

www.luongtamconggiao.com

www.tudodanchuvietnam.net

<http://tudongonluan.atspace.com>

<http://www.viet.no>

Trong trang mạng thứ 1, thứ 2, thứ 3 và thứ 5 trên đây, Quý vị có thể tìm thấy nhiều tài liệu đấu tranh cho dân chủ tại Việt Nam

Xin góp tay phổ biến bán nguyệt san này cho Đồng bào quốc nội



Chúng ta đã học được gì trong cuộc cách mạng giải phóng con người của Nhân dân Đông ÂuGs Lai Thế Hùng 02-2009.....

1989

Nhân kỷ niệm năm thứ 20 cuộc cách mạng giải phóng con người lớn lao nhất thế kỷ XX của nhân dân Đông Âu đập đổ được các cơ chế độc tài chuyên chính, làm tan rã Khối Cộng Sản quốc tế và Liên Bang Xô Viết bị tiêu vong (1989-2009), chúng ta thử ôn lại, tìm hiểu và có thể rút ra được những bài học lịch sử quý báu nào trong **«cuộc cách mạng giải phóng con người»** lớn lao này. Nói một cách khác **«cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng nhân bản»** mà nhân dân Đông Âu đã đồng tâm hiệp lực, quyết liệt, kiên cường và bất chấp mọi hy sinh, liên tục đấu tranh cả hơn một nửa thế kỷ mới đạt được mục tiêu: **«giải trừ Cộng Sản, quang phục quê hương»**.

Khởi đi từ Biến cố Thiên An Môn tại Trung Cộng vào tháng 5 năm 1989, đến sự băng hoại guồng máy Xô Viết tại Nga, rồi dẫn đến sự sụp đổ hàng loạt các chế độ Cộng Sản ở Đông Âu, Trung Mỹ, Phi Châu vào năm 1991. Cuộc đấu tranh thành công của nhân dân Đông Âu, loại bỏ được các cơ chế độc tài chuyên chính nơi đây, đi tiên phong là nhân dân Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi, Ba Lan, Đông Đức, Bảo Gia Lợi và các nước vùng Baltic. Cuộc cách mạng nói trên không những đã giải phóng hàng trăm triệu người dân khỏi các cơ chế độc tài chuyên chính, làm thay đổi tương quan giữa các siêu cường, biến đổi sinh hoạt chính trị thế giới, mà còn đem lại vận hội mới cho các dân tộc thống khổ bởi chủ nghĩa và cơ chế độc tài Cộng Sản.

Tuy đã qua đi hai thập niên; nhưng âm hưởng của những biến cố trọng đại trong cuộc đổi đời 1989 ở Đông Âu, đã làm cho tập đoàn thống trị Cộng Sản Hà Nội (CSHN) nói riêng và nói chung, các cơ chế độc tài chuyên chính còn sót lại trên thế giới vẫn lo âu, hoảng sợ.

Những con dân Việt tại quốc nội đang phải gánh chịu muôn vàn tủi nhục, bị đọa đày, làm than thống khổ vì họa CS hay đang lưu bạt nơi xứ người hải ngoại như chúng ta đây, tất cả đều có chung một nguyện ước,

một ý chí và một quyết tâm tranh đấu cho đến khi nào quê hương đất nước thực sự được tự do, dân chủ, nhân bản và phú cường. Cho nên, chúng ta cần phải soát xét lại những phương thức, đường hướng và mọi nỗ lực đấu tranh của chúng ta. Nói một cách khác, chúng ta cần soát xét lại **«chiến thuật đấu tranh»** và làm thế nào thích ứng được nhu cầu tranh đấu chung để cùng đồng hành với các cao trào đòi quyền làm người, tự do tôn giáo, dân chủ, nhân quyền và quyền mưu cầu hạnh phúc mà mọi giới đồng bào đã và đang quyết liệt vùng lên, ngày một dâng cao khắp nơi tại quê nhà Việt Nam. Lễ cố nhiên là để chúng ta cùng đồng tâm hiệp lực đấu tranh, loại bỏ cho kỳ được cơ chế và chủ nghĩa CS phản dân hại nước, đang thống trị quê hương ta hiện nay.

Cũng từ đó, **«cuộc cách mạng giải phóng con người lớn lao của nhân dân Đông Âu năm 1989»** đã để lại những bài học lịch sử đấu tranh quý báu mà ta cần ghi nhận, đó là:

1- Sự quyết tâm, kiên cường, liên tục, trường kỳ và đoàn kết tranh đấu: Cuộc cách mạng giải phóng con người ở Đông Âu, tuy rằng vào giai đoạn cuối, chỉ xảy ra trong vòng có 4 tháng, khởi đầu từ Ba Lan vào tháng 8 năm 1989; nhưng nhân dân Đông Âu đã quyết tâm, kiên cường, liên tục và dũng cảm đấu tranh không mỏi mệt, ròng rã trong suốt 40 năm. Cuộc đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ của các dân tộc Ba Lan, Hung Gia Lợi, Đông Đức, Tiệp Khắc, Bảo Gia Lợi và Lỗ Ma Ni được khởi đầu ngay sau khi Nga Xô đem quân thôn tính các quốc gia này cũng như toàn cõi Đông Âu và thiết lập các cơ chế độc tài chuyên chính CS nơi đây khi thế chiến thứ hai vừa kết thúc. Những cuộc tranh đấu của các dân tộc Đông Âu, đáng kể nhất là các cuộc nổi dậy của nhân dân Đông Đức năm 1953, Hung Gia Lợi năm 1956, Tiệp Khắc năm 1968 và Ba Lan năm 1980. Thành quả mà nhân dân Đông Âu đạt được trên con đường đấu tranh cho tự do, dân chủ và nhân bản đã phải vun đắp bằng chính máu

xương, lòng dũng cảm và sự hy sinh vô ngần của chính họ. Do đó, người Việt quốc nội cũng như hải ngoại, chúng ta không thể trông chờ chế độ độc tài chuyên chế CSHN hiện nay tự nguyện trả lại quyền làm người, tự do tôn giáo, dân chủ, nhân quyền và ấm no, hạnh phúc cho toàn dân. Chúng ta phải quyết tâm và kiên cường đấu tranh. Cho dù chưa đẩy CSHN vào thế chân tường, chúng ta cũng không thể vì vậy mà cầu hòa hay thỏa hiệp với bạo quyền thống trị. Vì **«hòa giải hòa hợp hay thỏa hiệp cầu hòa tức là tự đầu hàng và mặc nhiên chấp nhận sự thống trị của bạo quyền trong hiện tại cũng như mãi mãi về sau»**.

2- Mục tiêu đấu tranh không thay đổi; nhưng phương thức tranh đấu phải uyển chuyển tùy theo tình hình. Nói một cách khác, «chiến lược không thay đổi, nhưng chiến thuật phải linh động» : Mục tiêu đấu tranh của nhân dân Đông Âu nói chung và nói riêng của nhân dân Ba Lan, Hung Gia Lợi, Đông Đức, Tiệp Khắc, Bảo Gia Lợi, Lỗ Ma Ni đều giống nhau là loại bỏ cơ chế độc tài chuyên chính CS để thiết lập chế độ dân chủ pháp trị với hệ thống chính trị đa nguyên, đa đảng và nhân quyền, dân quyền phải được bảo đảm. Tuy nhiên, phương thức đấu tranh mỗi nước mỗi khác, như Tại Ba Lan, từ **«đấu tranh đòi tăng lương và cải thiện đời sống của công nhân xưởng đóng tàu Gdansk đã biến thành đấu tranh đòi thành lập nghiệp đoàn tự do không bị đảng CS kiểm soát»**, và cuối cùng đòi nghiệp đoàn Đoàn Kết được quyền sinh hoạt chính trị, với mục đích để biến chế độ độc đảng thành chế độ đa đảng. Tại Đông Đức, cuộc ra đi lớn lao của công nhân và chuyên viên đã làm cho nền kinh tế Đông Đức suy sụp, bắt buộc đảng CS nơi đây phải nhượng bộ từ bước này sang bước khác. Khởi đầu, CS Đông Đức chấp nhận hủy bỏ việc hạn chế xuất ngoại, tiếp đến phải nhượng bộ phá bỏ bức tường Bá Linh, tiếp theo là phải nhượng bộ nhân dân bằng cách mở cuộc điều tra toàn thể ủy viên bộ chính trị đảng CS trong vấn đề tham nhũng và cuối cùng phải nhượng bộ nhân dân trong vấn đề chấp nhận đối lập và bầu cử tự do. Tại Tiệp Khắc và Bảo Gia Lợi, nhân dân đã kiên trì biểu tình dưới trời đông tuyết giá từ tuần này sang tuần khác để bắt buộc nhà cầm quyền CS phải từ chức, để cho bộ máy cầm quyền mới hứa hẹn bầu cử tự do và chấp nhận sinh hoạt chính trị đa đảng. Tại Lỗ Ma Ni, cuộc đấu tranh của nhân dân bị đàn áp

đẫm máu, đánh thức được lương tri quân đội. Nhờ vậy, quân đội đã cùng nhân dân đập đổ và cơ chế CS nơi đây đã phải trả một giá đắt nhất trong các cơ chế CS tại Đông Âu. Một cách tổng quát, từ Hung Gia Lợi đến Lỗ Ma Ni, hình thức đấu tranh của nhân dân Đông Âu thay đổi từ ôn hòa đến bạo lực, từ nhẹ nhàng đến đẫm máu, từ thỏa hiệp giai đoạn đến tiêu diệt bộ máy cầm quyền; nhưng tất cả đều quyết liệt. Nhân dân Đông Âu đã chứng tỏ được sức đề kháng, đấu tranh vô cùng linh động tùy theo tình huống. Bài học mà chúng ta rút ra được từ cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Âu là khi chế độ độc tài chuyên chính còn ngoan cố, «**chúng ta không thể loại bỏ bất cứ một phương thức đấu tranh nào cho đến khi đạt được mục tiêu, đó là tự do, dân chủ, nhân bản và ấm no, hạnh phúc cho dân tộc**».

3- Biết nắm lấy thời cơ đúng lúc: Chúng ta biết rằng sau 2 năm Liên Xô thi hành chính sách glasnost và perestroika với mục đích cứu vãn nền kinh tế vốn đã suy sụp cũng như giữ vững ngôi vị siêu cường của mình, xã hội Liên Xô lại có những biến chứng như tranh chấp chủng tộc, tranh chấp biên giới giữa các nước và khuynh hướng đòi tự trị, đòi độc lập của một số cộng hòa thuộc Liên Bang Xô Viết mà nhà cầm quyền trung ương không thể đem quân đàn áp bởi những khó khăn nội bộ. Ngoài ra Liên Xô còn phải hòa hoãn với thế giới tự do, hầu mong đạt được thỏa hiệp tài giảm binh bị với Tây phương, từ đó mới có thể cắt giảm ngân sách quốc phòng để cải tiến nền kinh tế suy sụp. Hơn nữa, Liên Xô còn trông chờ sự giúp đỡ vốn đầu tư và khả năng kỹ thuật từ các nước Tây phương. Vì vậy, nắm được thời cơ thuận lợi này, nhân dân Đông Âu đã mau chóng vùng dậy, giành phần thắng lợi cho cuộc đấu tranh.

4- Lùi một bước để tiến hai bước khi cần, hay lấn lướt tiến lên khi tình thế cho phép: Từ tháng 1 năm 1989, trước tình trạng bất cộng tác của nhân dân trong chương trình cứu nguy nền kinh tế, CS Ba Lan đã tìm cách thương thuyết với nghiệp đoàn Đoàn Kết. Sự thỏa thuận của nghiệp đoàn Đoàn Kết trong cuộc bầu cử tháng 6 năm 1989 đã làm cho các quan sát viên quốc tế lúc bấy giờ rất lo ngại, vì hai bên (CS và nghiệp đoàn Đoàn Kết) thỏa thuận bầu cử thượng viện và 35% hạ viện. Sự thỏa thuận này cũng làm cho các bình luận gia e ngại nghiệp đoàn Đoàn Kết mất thế nhân dân. Nhưng các chiến lược gia của nghiệp đoàn Đoàn Kết đã áp

dụng «**chiến thuật lùi một bước để tiến hai bước**» một cách ngoạn mục. Lùi một bước là chấp nhận để CS Ba Lan có quyền chỉ định 65% hạ viện. Tiến hai bước là bắt buộc CS Ba Lan chấp nhận nghiệp đoàn từ tình trạng một tổ chức ái hữu, xã hội bất hợp pháp trở thành tình trạng một tổ chức chính trị hợp pháp và đối lập với đảng CS. Thành quả tiên khởi («**tình trạng hợp pháp**») của nghiệp đoàn Đoàn Kết) là bước đầu đi đến tình trạng sinh hoạt chính trị đa đảng, hầu tiến tới cơ chế đa nguyên sau này cho Ba Lan. Nhưng tại Đông Đức, nhân dân lại áp dụng «**chiến thuật lấn lướt tiến lên khi tình thế cho phép**». Khởi đầu cho một chuỗi biến cố lấn lướt của nhân dân Đông Đức là sự kiện nhân dân Hung Gia Lợi phá bỏ hàng rào ngăn cách biên giới Hung và Áo vào ngày 20-09-1989 khiến hàng chục ngàn người dân đã bỏ nước ra đi bằng lộ trình Tiệp-Hung-Áo-Tây Đức. Trong khi đó, tại thành phố Leipzig của Đông Đức, một vài trăm người hội thảo đòi thay đổi qui chế du lịch. Trong dịp kỷ niệm 40 năm thành lập cơ chế CS ở Đông Đức vào ngày 7-10-1989, hàng ngàn người biểu tình ở Đông Bá Linh và hàng chục ngàn người biểu tình ở Leipzig đòi được phép xuất ngoại. Erich Honecker (lãnh tụ CS Đông Đức) đã phải từ chức, Krenz thay thế, hứa hẹn sửa đổi qui chế xuất ngoại và du lịch. Nhân dân Đông Đức tiếp tục lấn lướt bằng cách hàng chục ngàn người bỏ nước ra đi và hàng trăm ngàn người xuống đường biểu tình đòi hỏi cải tổ cơ cấu chính trị và cơ cấu kinh tế. Krenz đã bắt buộc phải phá bỏ bức tường Bá Linh với hy vọng ngăn chặn được làn sóng người bỏ nước ra đi và thỏa mãn nhân dân còn ở lại. Nhân dân Đông Đức lại tiến thêm một bước nữa, đó là đòi hỏi toàn bộ chính trị phải từ chức và phải chấp nhận bầu cử tự do. Trước áp lực của nhân dân, CS Đông Đức đã phải chấp nhận quản thúc Honecker và các cộng sự viên, để điều tra về tội tham nhũng, hứa hẹn tự do bầu cử vào ngày 6-5-1990. Chỉ trong vòng một tuần lễ, đảng CS Đông Đức mất 1 triệu đảng viên trong tổng số 2 triệu 3 ngàn và tổ chức Tân Hội Nghị (Tổ chức đòi loại bỏ cơ chế CS) từ 20 đoàn viên tăng lên một triệu đoàn viên. Nhân dân Đông Đức đã lấn lướt từ những đòi hỏi nhỏ đến những đòi hỏi lớn. Cuối cùng, với «**chiến thuật lấn lướt tiến lên khi tình thế cho phép**», chưa đầy 3 tháng, nhân dân Đông Đức đã đạt được mục tiêu đấu tranh đòi tự do, dân chủ và nhân quyền được tôn trọng.

5- Triệt để áp dụng qui luật Domino hay «qui luật địa lý chính trị»: Vào trung tuần tháng 11 năm 1989, nhà cầm quyền CS Tiệp Khắc và Bảo Gia Lợi vẫn tự tin là kiểm soát được dân chúng; nhưng nhân dân của hai quốc gia này đã biết áp dụng qui luật Domino - khi con bài Domino CS Ba Lan sụp đổ, thì tiếp theo là con bài Domino CS Hung Gia Lợi rồi đến con bài Domino CS Đông Đức - nhân dân Tiệp Khắc và Bảo Gia Lợi đã nhận thức được «**qui luật tương quan giữa vị trí địa lý và sinh hoạt chính trị**», nên đã mạnh dạn đứng lên đấu tranh, xô ngã hai con bài Domino kế tiếp và cả chế độ chuyên chế Tiệp Khắc, Bảo Gia Lợi đã phải sụp đổ theo. Những cuộc bầu cử tự do và sinh hoạt chính trị đa đảng đã được qui định. Nhân dân Tiệp Khắc và Bảo Gia Lợi đã đạt được mục tiêu đấu tranh.

6- Tinh thần kỷ luật và tinh thần trật tự của quần chúng tạo thành sức mạnh phi thường: Ngoại trừ Ba Lan có nghiệp đoàn Đoàn Kết thành hình từ 10 năm trước đó (1980), tuy bị đàn áp và cấm đoán nhưng hệ thống cán bộ vẫn còn, các nước khác như Đông Đức, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Bảo Gia Lợi, Lỗ Ma Ni đều không có hay nếu có các tổ chức đối lập thì lại quá yếu. Tại Đông Đức chỉ có tổ chức New Forum; thời điểm nhân dân Đông Đức bắt đầu công khai đấu tranh, hội viên của New Forum có khoảng 20 người. Tiệp Khắc có Civic Forum, thời điểm nhân dân Tiệp bắt đầu đấu tranh công khai, hội viên cũng chỉ có khoảng 50 người. May thay, các cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Âu đã có một tinh thần tự giác cao độ, nhờ đó đã tạo thành một sức mạnh lớn lao trong trật tự, đã làm thế giới phải kính phục và làm cho các cơ chế CS nơi đây khó đối phó. Hàng triệu người xuống đường cùng một lúc, tại nhiều thành phố khác nhau, cùng chịu đựng sự khắc nghiệt của khí hậu, cùng đòi hỏi một nguyện vọng, cùng thắp nến cầu nguyện hay cùng hát những bài ca dân tộc, tuy chỉ là những tập hợp của quần chúng, không có tổ chức mà như một tổ chức chặt chẽ và lớn lao! Chúng ta chỉ có thể giải thích được hiện tượng này bằng 2 lý do: **Thứ nhất** là nhân dân Đông Âu có trình độ nhận thức cao; **Thứ hai** là vì khát vọng tự do, dân chủ đã làm cho hàng triệu con tim có cùng nhịp đập, hàng triệu khối óc có cùng y nghĩ mới có được sức mạnh vô song như vậy.

7- Nhân dân trong nước và kiều bào tỵ nạn ở ngoài nước đều ý thức được bổn phận và phối hợp

nhịp nhàng trong nhiệm vụ cứu nước. Chúng ta đã thấy rõ vai trò của kiều dân Ba Lan suốt 10 năm nghiệp đoàn Đoàn Kết đấu tranh trong nội địa Ba Lan. Điều đáng nói là Ba Lan đã bị CS cướp chính quyền từ năm 1948, nhưng kiều dân Ba Lan ở Âu Châu và Mỹ Châu vẫn không chấp nhận cơ chế cầm quyền trong nước. Trước thời gian có nghiệp đoàn Đoàn Kết, các cộng đồng Ba Lan tỵ nạn ở hải ngoại luôn luôn gây áp lực với guồng máy chuyên chính CS trong quốc nội, bằng cách vận động dư luận quốc tế lên án các vi phạm nhân quyền của cơ chế chuyên chính. Đến khi nghiệp đoàn Đoàn Kết được thành lập, cộng đồng kiều dân Ba Lan ở hải ngoại đã yểm trợ tài chánh, phương tiện truyền thông và tích cực vận động dư luận quốc tế áp lực CS Ba Lan công nhận nghiệp đoàn Đoàn Kết được hoạt động.

Thêm vào đó, lập trường không lay chuyển của hàng trăm ngàn công dân Đông Đức bỏ nước ra đi, dù rằng CS Đông Đức đã phải công bố sửa đổi chính sách xuất ngoại, cũng góp một phần vào việc xô ngã bức tường ô nhục Bá Linh.

8- Không thỏa hiệp, cầu hòa hay hòa giải, hòa hợp với bạo quyền thống trị trong nước: Từ khi cơ chế chuyên chính CS được thiết lập tại Nga năm 1917 và tại các nước Đông Âu sau thế chiến thứ hai, khối 20 triệu kiều dân Đông Âu tỵ nạn ở Tây Âu, Nam Mỹ, Bắc Mỹ và Úc Châu, ròng rã hơn 40 năm lụy lạc nơi xứ người, cho dù bị tập đoàn thống trị Xô Viết và bọn tay sai Điện Cẩm Linh tại hải ngoại dụ dỗ, mua chuộc và phân hóa bằng mọi cách, họ vẫn không bao giờ bị lung lạc, bị mê hoặc bởi những phỉnh gạt do tập đoàn thống trị CS trong nước tung ra. Vì họ ý thức được rằng **«liên lạc, cầu hòa, thỏa hiệp, giao lưu hay đối thoại với bạo quyền đang thống trị, có khác chi là đồng lõa với tội ác, đồng lõa với kẻ thù đang hãm hại dân tộc họ, và làm hại đến cuộc đấu tranh chung, phản bội tổ quốc, đi ngược lại khát vọng của toàn dân trong nước».**

Khối kiều dân Đông Âu tỵ nạn ấy đều ý thức được rằng, ngay cả **«thái độ bàng quan, thờ ơ, hay ngoảnh mặt làm ngơ trước nỗi thống khổ của dân tộc, đã là đặc tội với tổ quốc»**, nói chi đến những hành động làm tay sai hay trở thành những kẻ vô liêm sỉ, khầu đầu kẻ thù vì tư lợi. Khối kiều dân Đông Âu tỵ nạn ấy luôn son sắt với tâm nguyện lúc ra đi tìm tự do nơi xứ người, thủy chung với nhân dân quốc nội, đoàn kết một lòng quyết liệt

đấu tranh không ngưng nghỉ và không khoan nhượng với kẻ thù.

Tóm lại, **«cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng nhân bản 1989»** của nhân dân Đông Âu đã gửi đến các dân tộc đang sống dưới cơ chế độc tài chuyên chính CS những bài học đấu tranh quý báu, đáng kể: - Phải đoàn kết hợp nhất, quyết tâm, liên tục và kiên cường đấu tranh trên mọi bình diện, dưới mọi hình thức và bằng mọi phương cách; - Phải chủ động trong cuộc đấu tranh và đặt quyền lợi quốc gia, dân tộc lên trên hết;- Phải bằng một thái độ sống, một quyết tâm dấn thân, hy sinh, tự tin, thành tín, bất khuất, sáng tạo, kiên trì và triệt để;- Mục tiêu không thay đổi nhưng phương thức đấu tranh cần linh động, uyển chuyển tùy theo tình hình. Nói một cách khác, **«chiến lược không thay đổi, nhưng chiến thuật cần linh động»**;- Biết ứng dụng chiến thuật lùi tiến khi cần hay lẩn lướt tiến lên khi tình thế cho phép;- Biết ứng dụng quy luật Domino hay quy luật địa lý chính trị;- Tinh thần kỷ luật và tinh thần trật tự của quân chúng tạo thành sức mạnh phi thường khi thời cơ đến.

Ngoài ra, **«cuộc cách mạng giải phóng con người 1989 của nhân dân Đông Âu»** còn gửi đến các cơ chế CS ở Á Châu và Châu Mỹ Latin hai thông điệp quan trọng:

- **Thứ nhất**, số phận của các đảng CS sẽ được nhân dân định liệu tùy theo mức độ giác ngộ của những

người lãnh đạo CS. Vai trò của đảng CS ở Ba Lan, ở Hung Gia Lợi, ở Tiệp Khắc, ở Bảo Gia Lợi trong cộng đồng dân tộc vẫn được chấp nhận vì họ biết giác ngộ đúng lúc và biết đáp ứng khát vọng của người dân đúng thời. Nhưng số phận của những người lãnh đạo CS ở Đông Đức, đặc biệt ở Lỗ Ma Ni đã bị nhân dân đối xử nặng nề, vì sự ngoan cố của họ.

- **Thứ hai**, nếu những người lãnh đạo CS vẫn tỏ ra ngoan cố và bất chấp khát vọng của dân tộc, thì quân đội CS - một tổ chức mà CS tự hào luôn luôn trung thành với Đảng CS - một phút nào đó sẽ giác ngộ và sẽ đứng về phía nhân dân.

Cuộc cách mạng giải phóng con người lớn nhất thế kỷ XX ở Đông Âu giống như **«cuộc cách mạng nhân quyền và dân quyền Pháp 1789»**, đã để lại cho nhân loại những bài học quý báu. Những dân tộc còn mất quyền con người, không những tiếp nhận được nguồn cảm hứng phi thường của **«cuộc cách mạng giải phóng con người ở Đông Âu 1989»**, mà còn ứng dụng những kinh nghiệm quý báu của cuộc cách mạng đó trong cuộc đấu tranh giành lại quyền sống, quyền làm người, quyền hưởng tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của dân tộc mà đồng bào quốc nội và chúng ta đây đang theo đuổi, cũng như của các dân tộc đang trong vòng kiểm tỏa bởi chủ nghĩa và cơ chế chuyên chính CS. ★★★★★★

CS quyết tâm triệt hạ Luật sư Nhân quyền LÊ TRẦN LUẬT

**Mở chiến dịch đe dọa đánh hạ Luật sư Lê Trần Luật
An Dân - Hà Nội ngày 24-02-2009**

Sau vụ việc xử tám giáo dân Thái Hà, luật sư Lê Trần Luật bỗng chốc được mọi người chú ý. Đối với người giáo dân, dù luật sư Luật không phải người Công giáo, nhưng nhiều người giáo dân vẫn coi ông như đồng đạo, một người thân quen và được mọi người nhắc nhớ với một tình cảm sâu nặng. Trái lại, chính quyền thì tìm mọi cách để đánh hạ uy tín của luật sư và nếu có thể được thì tước thẻ hành nghề.

Theo luật sư cho biết, kể từ khi nhận bào chữa cho tám giáo dân Thái Hà, không chỉ bản thân luật sư mà cả những người thân của ông cũng bị chính quyền tìm cách làm khó dễ. Họ tìm mọi cách áp lực lên thân nhân của luật sư để ông không nhận bào chữa vụ Thái Hà.

Bên cạnh việc làm áp lực với thân nhân, chính quyền còn dùng các biện pháp áp lực đe dọa hèn hạ như:

Ngày 10-2-2009, ông nhận được thư mời không số ký ngày 6-2-2009 của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận, nội dung mời về Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận, nơi luật sư Luật công tác, "nhằm làm rõ vụ việc và tính chất, mức độ sai phạm" trong hoạt động nghề nghiệp của ông. Trong thư mời, Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Ninh Thuận nêu rõ lý do "theo công văn của công an tỉnh và Sở Tư pháp".

Bên cạnh việc tổng động viên các cơ quan nhà nước liên hệ như sở thuế vụ, sở tư pháp.... Những ngày này, chính quyền bắt đầu sử dụng chiến dịch thông tin nhằm bôi nhọ thanh danh của ông. Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, số ra ngày 24-2-2009, đăng bài viết của tác giả "Quốc Huy" ?1? nhan đề: "Gian dối, quy tước đối tác", để dọn đường dư luận và để lấy cớ chuẩn bị tấn công nhằm tước bằng luật sư của ông.

Từ Hà Nội, luật sư Luật cho biết: sáng nay ngày 24-2-2009, khi ông đang chuẩn bị lên máy bay ra Hà Nội, để khiếu nại về việc Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội tuyên bố hoãn vô thời hạn vụ án phúc thẩm các giáo dân Thái Hà và việc các cơ quan truyền thông cù nhầy trong việc khiếu nại cải chính các thông tin sai sự thật, thì luật sư nhận được điện thoại từ một số máy lạ báo cho biết báo chí nhà nước đã bắt đầu lên tiếng và yêu cầu "không được tiếp tục bào chữa vụ Thái Hà, nhất là phải ngưng ngay việc kiện các cơ quan truyền thông, nếu không sẽ dùng báo chí nhà nước chơi tới cùng"!?

Từ nhiều năm nay, luật sư Lê Trần Luật và Văn phòng Luật sư của ông luôn tích cực đứng ra nhận bào chữa các vụ án "nhạy cảm", nhất là các vụ dân oan. Chính vì thế, đối với chính quyền cộng sản, luật sư Luật là một người "nguy hiểm", thành phần cần "chăm sóc đặc biệt".

Tại trước cửa văn phòng luật sư của ông luôn luôn có người theo dõi, rình mò. Mỗi khi ông đi công việc, thì luôn có hai, ba, thường là 6 nhân viên an ninh theo sau.

Theo nhận định của nhiều người, hiện nay, những người liên hệ phía Nhà Nước đang rất đau đầu vụ xử phúc thẩm các giáo dân Thái Hà, nhất là vụ các giáo dân khiếu nại yêu cầu báo Hà Nội mới và đài Truyền hình Việt Nam cải chính các thông tin sai sự thật về vụ xử các giáo dân ngày 8-12-2008.

Bên cạnh đó, chuyên viếng thăm và làm việc của phái đoàn Tòa thánh đã không đem lại cho chính phủ Việt Nam những kết quả như họ mong muốn. Trái lại, đằng sau những buổi tiếp kiến và làm việc với phái đoàn Tòa Thánh, chính phủ Việt Nam hiểu rằng Tòa thánh hoàn toàn ủng hộ lập trường của Đức Tổng Giám mục và các linh mục, giáo dân giáo xứ Thái Hà trong cuộc đấu tranh đi tìm công lý.

Do đó, chính quyền Hà Nội phải tìm mọi cách hoãn xử phiên tòa phúc thẩm cũng như tìm cách thuyết phục các nguyên đơn và luật sư của họ không tiếp tục cuộc khiếu kiện của mình.

Sau khi thuyết phục không được, chính quyền bắt đầu tìm cách triệt hạ Luật sư Luật mong ông nghĩ lại. Cuộc triệt hạ bắt đầu đi vào giai đoạn quyết liệt. Vị luật sư can đảm đang can sự ủng hộ của mọi người.

VietCatholic News 24-02-2009

VỤ KÊ BIÊN TÀI SẢN QUÁI GỞ

Tạ Phong Tần 26-02-2009

8g10 ngày 25-2-2009, tôi vừa từ trong nhà vệ sinh bước ra thì nghe phía trước Văn phòng có tiếng lao xao, ồn ào, không hiểu có chuyện gì. Tôi đi ra thì thấy có rất đông người lạ mặt đang đứng đầy tại bàn tiếp khách phía trước. Tôi thấy một bà béo khoảng 50 tuổi, mặt mày cau có, gằm gằm, giọng nói chua loét eo éo, mặc đồng phục Thi hành án, đeo băng tên Nguyễn Thị Hạnh, Chấp hành viên quận Gò Vấp (SG). Bà béo đang đọc oang oang cái gì đó, phải mất vài phút sau tôi mới hiểu bà đọc cái Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định thi hành án.

Tôi hỏi kỹ lại đó là vụ gì, hóa ra là để thực hiện Quyết định công nhận hòa giải thành của Tòa án quận Gò Vấp, nội dung là cưỡng chế thi hành (tức thu giữ) 42 triệu đồng đối với ông Lê Trần Luật, Trưởng Văn phòng Luật sư Pháp Quyền. Lúc này trong Văn phòng có Luật sư Hùng, Luật sư Đạt, 2 nhân viên khác, Bác sĩ Lê Trần Luân (anh ruột ông Luật) và tôi.

Quy trình thi hành án hoàn toàn trái pháp luật

Luật sư Hùng chất vấn bà Hạnh rằng chị đã tổng đạt hợp lệ Quyết định tự nguyện thi hành cho ông Luật chưa thì bà Hạnh nói rằng đã giao quyết định cho 1 người tên Nhung (?!). Cần phải nói rõ là người này không phải người trong gia đình ông Luật, nên việc giao quyết định cho người không liên quan gì là trái với

điểm A, khoản 2, Điều 34 Pháp lệnh thi hành án dân sự. Tuy nhiên, chúng tôi cũng chỉ nghe bà Hạnh nói thế, mà yêu cầu bà cho xem biên bản tổng đạt thì bà từ chối.

Lẽ ra, nếu không gặp ông Luật để tổng đạt, bà Hạnh phải gửi các lại quyết định, thông báo cho đương sự bằng đường Bưu điện, 2 lần đăng (hoặc phát) trên báo, đài (điểm c, khoản 2 Điều 34) nhưng bà không hề thực hiện đúng quy trình. Luật sư Hùng lại hỏi tiếp bà Hạnh rằng Thông báo cưỡng chế ký ngày 16-2-2009 này bà Hạnh đã tổng đạt hợp lệ cho ông Luật chưa thì bà Hạnh nói rằng bà có đến Văn phòng Luật sư nhưng Văn phòng đóng cửa. Tôi nghe vậy mới hỏi tiếp: "Ngày 16 là thứ mấy vậy chị?". Bà Hạnh trả lời: "Thứ Hai". Tôi nói tiếp: "Ngày nào em cũng mở cửa Văn phòng, không hề nghỉ làm việc ngày nào, sao em không thấy chị đến, cũng không thấy có niêm yết?". Bà Hạnh dậm dậm: "Cái đó tôi không biết. Tôi đã niêm yết rồi". Tôi hỏi tiếp: "Chị niêm yết hồi nào? Ở đâu vậy?". Bà Hạnh trả lời: "Tôi niêm yết ngày hôm qua, ở đây!" - "Ở đây là chỗ nào?". Bà Hạnh lại lặp lại: "Cái đó tôi không biết". Rồi bà đột nhiên nổi cáu: "Ở đây ai là nhân viên Văn phòng này?" - "Là chúng tôi đây", ba bốn người cùng trả lời. "Vậy giấy ủy quyền đâu? Thẻ nhân viên đâu? Tôi không thừa nhận các anh chị là nhân viên, không cần làm việc với các anh chị". Trời đất ơi, chính miệng bà Hạnh nói bà mới niêm yết ngày hôm qua mà đòi giấy ủy quyền? Ông Luật đang ở Hà Nội làm sao ủy quyền được? Văn phòng Luật sư chớ có phải cơ quan nhà nước đâu mà có thể nhân viên? Bà Hạnh đòi hỏi mà không nhìn lại coi anh cán bộ nhà nước (sau này mới biết tên Phong) "lính" của bà đi công tác mà ăn mặc lôi thôi, không có nổi cái thẻ đeo trên cổ cho đúng quy định mà bà Hạnh cứ thích đòi hỏi những chuyện không tưởng, để ra oai với chúng tôi chẳng? Tôi nói: "Đây là Lê Trần Luân, anh ruột ông Luật. Vậy ông Luân đại diện cho ông Luật". Bà Hạnh lớn tiếng: "Tôi không biết ông này là ai, tôi không làm việc với người này". Mọi người ngạc nhiên: "Vậy chị vô đây làm việc với ai?". Tôi xen vào: "Mục đích của chị là muốn thi hành 42 triệu đồng chớ gì? Bây giờ em nộp chị 50 triệu đồng đây. Chị cứ kê biên khoản tiền này. Tiền vẫn còn niêm phong của Ngân hàng, có ghi rõ trên giấy nè". "Tôi không nhận tiền vì tôi chưa tính phần lãi suất". "Thì ở đây là 50 triệu, dư so với quyết định rồi, chị cứ thu giữ 50 triệu, lãi suất tính sau". Bà Hạnh gạt ngang: "Tôi không nhận

tiền, tôi không đếm nên không biết bao nhiêu tiền".

Thật ngạc nhiên, trên đời này đi thu tiền thi hành án mà chê tiền thì chỉ có duy nhất bà Chấp hành viên Nguyễn Thị Hạnh này! Nếu mắt bà không có vấn đề bất thường, nếu bà biết đọc chữ thì bà không cần đếm mà nhìn tờ giấy in Ngân hàng dán trên cục tiền cũng biết cục tiền đó là bao nhiêu triệu. Khi tôi hỏi: "Tại sao chị đến đây thi hành án 42 triệu đồng mà tôi đưa 50 triệu chị không lấy là sao?". Bà Hạnh trả lời: "Tôi chưa tính được số tiền lãi". Rồi bà giục 2 thanh niên mặc thường phục (không có băng tên) đi cùng bà gom các bộ máy vi tính lại. Người thanh niên mặc áo hồng xám xám đòi lên "kiểm tra" luôn các phòng trên lầu. Tôi cáu tiết lên nói: "Trên đó phòng ngủ của tôi, anh muốn vô phòng ngủ của tôi sao?" Anh ta đứng sừng sừng ảm ở không trả lời được.

Bà Hạnh chỉ huy cho "lính" bà đi gom 5 bộ máy tính trong Văn phòng lại và niêm phong. Điều làm tôi hết sức ngạc nhiên là họ tự ký tên lên giấy niêm phong rồi dán lên, không hề đưa cho người đại diện đương sự ký, và dán bên hông máy một cách sơ sài. Tôi thấy vậy mới nói: "Tôi đề nghị chị niêm phong kín lại. Giấy niêm phong sao không đưa cho tôi ký vào? Các anh chị tự ký dán vô rồi mang về, các anh chị xé ra thay đổi linh kiện trong đó rồi dán lại ai mà biết được. Niêm phong mà các cổng, đầu cáp không niêm lại, thì các anh chị cấm cấp vào rút bớt dữ liệu hay thêm vào cái gì đó thì sao?". Bà Hạnh làm thinh như không nghe tôi nói gì. Dán giấy xong, họ viết biên bản rồi yêu cầu tôi ký mà lại không cho ông Luân đại diện gia đình ký. Tôi lập lại yêu cầu niêm phong lại bộ máy vi tính đúng quy định như đề nghị của tôi lúc nãy nhưng bà Hạnh cứ làm thinh như điếc không nghe tôi nói gì. Ông Luân thắc mắc thì được bà Chấp hành viên phang cho một câu: "Tôi không biết gia đình nào hết".

Lại thêm điều quái lạ nữa: rõ ràng một người "già lão" như bà Hạnh không thể không biết nguyên tắc niêm phong tài sản để không bị dịch chuyển giá trị là như thế nào, càng không thể nói bà không biết gì về khoản 3 Điều 6 Pháp Lệnh thi hành án, Điểm 2.2 Công văn số 404/TP-THA ngày 24-02-2005 của Bộ Tư pháp hướng dẫn nghiệp vụ thi hành án dân sự. Diễn biến sự việc cho thấy bà Nguyễn Thị Hạnh cố ý gây khó khăn cho hoạt động thường nhật của Văn phòng bằng cách nặng nề kê biên máy mà chê tiền. Chẳng biết họ

cố tình niêm phong trái quy định như vậy để nhằm phục vụ cho âm mưu đen tối nào đây? Tôi yêu cầu bà Hạnh viết 2 biên bản và đưa cho tôi giữ mỗi thứ 1 bản. Bà Hạnh vội vàng khất đề... từ từ làm sau.

Thấy vậy, tôi ghi vào trang ba tờ biên bản kê biên như sau:

- Tôi đại diện cho Văn phòng Luật sư Pháp quyền nộp cho bà Nguyễn Thị Hạnh 50 triệu đồng còn nguyên niêm phong của Ngân hàng Nông nghiệp nhưng bà Hạnh không đồng ý nhận tiền thi hành án.

- Năm bộ máy vi tính được phía Thi hành án Gò Vấp niêm phong sơ sài, không đưa giấy niêm phong cho tôi ký tên, giấy niêm phong dán bên ngoài thùng máy, vì vậy vẫn có thể mở máy ra được và cắm dây vào thùng máy để thêm hoặc bớt dữ liệu bên trong mà không để lại dấu vết. Tôi đã đề nghị niêm phong kín lại nhưng chấp hành viên Nguyễn Thị Hạnh không đồng ý.

- Nếu sau này ruột máy vi tính bị thay đổi thì bà Nguyễn Thị Hạnh và Thi hành án Gò Vấp hoàn toàn chịu trách nhiệm. Dữ liệu bên trong máy bị mất hay bị thêm vào nhằm mục đích đen tối chúng tôi không chịu trách nhiệm. Tôi được biết mỗi bộ máy vi tính (gồm thùng CPU và màn hình tinh thể lỏng) trị giá khi mua là 15 triệu đồng.

Trong biên bản tạm giữ đồ vật tài sản, trang 2, tôi ghi lại nội dung giống như biên bản kê biên tài sản. Khi tôi lấy máy ảnh ra chụp lại biên bản thì bà Hạnh chồm tới giật lại tờ biên bản. Tôi nắm tờ giấy giật lại và nói: "Tôi là người đại diện, tôi ghi vào đây cái gì thì tôi chụp lại để báo cho ông Luật sư cho chính xác" thì bà Hạnh mới đứng im.

Sự xuất hiện của nhiều kẻ lạ mặt hung hăng

Cũng trong lúc làm việc, bên trong và bên ngoài văn phòng xuất hiện nhiều người lạ mặt không biết họ tên gì, nhón như đi luồng tuông qua lại trong Văn phòng, kẻ thì miệng cười tí toét, kẻ thì tích cực chụp ảnh, quay phim, thậm chí chen vào ngồi cùng bàn với cán bộ thi hành án, ở trong nhà mà mắt đeo kính đen to tởm như ông thầy bói mù. Những người này họ rất hăng hái quay phim, chụp ảnh toàn bộ nhân viên và quang cảnh trong, ngoài Văn phòng. Nhưng khi bị tôi chìa ống kính máy ảnh vào họ thì họ đều quy mặt đi chỗ khác hoặc cúi gầm mặt xuống, tôi phải "canh me" mãi, nhanh tay lẹ mắt lắm mới chụp được cái bản mặt của họ vào ống kính.

Ban đầu, bà Hạnh nói rằng họ là người của Thi hành án. Sau khi lập biên bản tôi mới biết ngoài cô Nguyễn Thị Tuyết Hồng, cán bộ Tư pháp phường 7 (có đeo băng tên), anh Đặng Phương Quang, CSKV (mặc quân phục), cô Trần Thị Cẩm Anh, Kiểm sát viên (mặc đồng phục), số còn lại không có họ tên, đồng phục, chẳng biết họ thuộc cái loại nào mà được "ưu tiên" ngang nhiên như chốn không người như thế?

Trong khi đó, người quen của chúng tôi như: cô Thu Duyên, anh Phan Thanh Hải đến Văn phòng thì bị những kẻ lạ mặt mày bậm trợn hăm he đuổi đi chỗ khác. Tôi cũng thấy xung quanh Văn phòng xuất hiện rất nhiều kẻ lạ đồng đến bất ngờ. Quái gờ hơn là họ quay phim chụp ảnh ào ào hình ảnh cá nhân người khác mà không thèm xin phép ai. Còn Luật sư Đạt cầm cái máy ảnh của tôi chụp hình ngoài sân thì bị một lũ côn đồ 4-5 tên không biết ở đâu ra đe dọa "Mày coi chừng tao" và rượt chạy vào nhà. Chúng còn xông vào trong sân nhưng bị xe máy dựng trong sân khá nhiều cản trở, vì vậy chúng không rượt kịp. Anh Phan Thanh Hải "kém may mắn" hơn nên đã bị 4 thanh niên bậm trợn mặc thường phục nắm kéo sấn nhét vào xe Cảnh sát, đèo mặt xuống sát sàn xe trước sự chứng kiến của nhiều người, rồi chiếc xe Cảnh sát hú còi lao inh ỏi đi như vừa bắt được tên tội phạm nguy hiểm vì nó đã dám chụp hình, quay phim cảnh thi hành án (?!).

Cuối cùng, họ chờ đi 5 bộ máy vi tính và 1 máy photocopy.

* * *

Theo hướng dẫn của Cục Thi hành án, nếu trước khi kê biên mà đương sự nộp tiền thi hành án thì phải chấm dứt việc kê biên. Động thái chê tiền khó hiểu cùng sự cố ý niêm phong tài sản sơ sài trái quy định bất chấp đề nghị của người đại diện đương sự, việc gạt phắt người nhà đương sự ra ngoài của bà Chấp hành viên Nguyễn Thị Hạnh và sự xuất hiện nhiều kẻ lạ dùng bạo lực bắt người trái pháp luật... cho thấy đằng sau việc kê biên này là một âm mưu đen tối!

Tạ Phong Tần

